

LỜI NÓI ĐẦU

Trong nền kinh tế thị trường, mọi doanh nghiệp đều phải đặt mục tiêu lợi nhuận lên hàng đầu. Để đạt được lợi nhuận tối đa mà vẫn đảm bảo chất lượng, giá cả uy tín, vững vàng trong cạnh tranh, các doanh nghiệp phải không ngừng nâng cao trình độ trong hoạt động kinh doanh, trong đó quản lý và sử dụng vốn có ý nghĩa quyết định đến kết quả kinh doanh.

Vốn là một phạm trù kinh tế hàng hoá, là một trong hai yếu tố quan trọng quyết định đến sản xuất kinh doanh và lưu thông hàng hoá. Vốn còn là chìa khoá, là điều kiện hàng đầu cho mọi quá trình phát triển. Vì vậy bất kỳ một doanh nghiệp nào muốn tồn tại và phát triển phải quan tâm đến vấn đề tạo lập, quản lý và sử dụng vốn có hiệu quả nhất đem lại nhiều lợi nhuận trên cơ sở tôn trọng các nguyên tắc tài chính, tín dụng và chấp hành pháp luật.

Đối với mỗi doanh nghiệp, hiệu quả kinh tế cuối cùng là mức doanh lợi thu được. Điều đó phụ thuộc vào việc sử dụng vốn có hợp lý hay không? Vấn đề đặt ra là các doanh nghiệp phải xác định được nhu cầu vốn cần thiết, cân nhắc lựa chọn phương án đầu tư có hiệu quả, lựa chọn hình thức thu hút vốn ...

Do vậy có thể nói việc tổ chức nâng cao hiệu quả sử dụng vốn kinh doanh đang là vấn đề cấp thiết đối với các doanh nghiệp hiện nay.

Tuy nhiên, thực tế ở các doanh nghiệp việc sử dụng vốn và đánh giá hiệu quả của nó không phải bao giờ cũng được quan tâm đúng mức và thực hiện một cách nghiêm túc.

Vì vậy, trong thời gian thực tập tại công ty cổ phần Cảng Vật Cách em chọn đề tài **“Một số biện pháp nâng cao hiệu quả sử dụng vốn tại công ty cổ phần Cảng Vật Cách”**.

Kết cấu chuyên đề gồm 3 phần:

Phần I: Cơ sở lý luận về hiệu quả sử dụng vốn trong kinh doanh

Phần II: Thực trạng về hiệu quả sử dụng vốn kinh doanh của công ty cổ phần Cảng Vật Cách.

Phần III: Nhận xét đánh giá về hiệu quả sử dụng vốn và biện pháp nâng cao sử dụng vốn kinh doanh của công ty cổ phần Cảng Vật Cách

PHẦN I

CƠ SỞ LÝ LUẬN VỀ HIỆU QUẢ SỬ DỤNG VỐN TRONG KINH DOANH

1.1. Khái quát về vốn kinh doanh

1.1.1. Khái niệm về vốn kinh doanh

Vốn là tiền đề cho mọi hoạt động của bất kỳ một doanh nghiệp. Một doanh nghiệp muốn tiến hành sản xuất kinh doanh trước tiên phải có một lượng vốn tiền tệ nhất định để thực hiện những khoản đầu tư cho việc xây dựng nhà xưởng, mua nguyên nhiên vật liệu, trả lương cho công nhân viên, đầu tư mới công nghệ, nộp thuế... Tất cả các vốn tiền tệ trên người ta gọi là vốn sản xuất kinh doanh.

Cho đến nay đã có rất nhiều khái niệm về vốn, để hiểu rõ hơn ta nghiên cứu các quan điểm về vốn kinh doanh:

Theo học thuyết kinh tế cổ điển cho rằng vốn là một trong các yếu tố để sản xuất kinh doanh như tiền, lao động, đất đai, ... vốn là các sản phẩm của sản xuất để phục vụ cho quá trình sản xuất như nguyên vật liệu, máy móc, thiết bị... Theo quan điểm trên vốn chỉ được xem xét dưới góc độ hiện vật là chủ yếu mà chưa nói lên được vai trò cũng như đặc điểm vận động của vốn trong kinh doanh.

Theo Mac dưới góc độ các yếu tố sản xuất thì vốn (tư bản) là đem lại giá trị thặng dư, là đầu vào của quá trình sản xuất.

Theo các nhà kinh tế hiện nay cho rằng vốn là một loại quỹ tiền tệ đặc biệt, tiền muốn được coi là vốn phải đồng thời thoả mãn điều kiện:

- Tiền phải được tích tụ tập trung đến một lượng nhất định đủ để tiến hành sản xuất kinh doanh

- Khi đủ về lượng, tiền phải vận động nhằm mục đích sinh lời

Có thể thấy vốn là một yếu tố số một của mọi hoạt động sản xuất kinh doanh đòi hỏi các nhà doanh nghiệp phải tiến hành quản lý và sử dụng vốn một cách hợp lý và có hiệu quả nhất giúp doanh nghiệp duy trì mở rộng và phát triển.

➤ **Đặc trưng cơ bản của vốn**

- Vốn là đại diện cho một lượng hàng hoá nhất định như tài sản hữu hình, tài sản vô hình, thương hiệu, nhà cửa, máy móc thiết bị...

- Vốn luôn vận động nhằm sinh lời

Một số biện pháp nâng cao hiệu quả sử dụng vốn tại công ty cổ phần Cảng Vật Cách

- Vốn có giá trị về mặt thời gian. Trong nền kinh tế thị trường, do ảnh hưởng của giá cả, lạm phát, sức mua của đồng tiền ở các thời kỳ cũng khác nhau. Vì vậy yếu tố thời gian là vô cùng quan trọng đối với vốn.

- Vốn gắn liền với một chủ sở hữu nhất định. Mỗi một đồng vốn đều có chủ sở hữu nhất định, nghĩa là ở đâu có vốn vô chủ thì ở đó sẽ có sự chi tiêu lãng phí, thất thoát vốn.

- Vốn được tích tụ thành một lượng nhất định để đáp ứng cho việc sản xuất kinh doanh. Các nhà doanh nghiệp không chỉ khai thác mọi tiềm năng của vốn mà còn phải cân nhắc, tính toán tìm cách huy động đủ kịp thời các nguồn vốn đảm bảo đáp ứng đủ cho nhu cầu kinh doanh

- Vốn là một hàng hoá đặc biệt. Trong nền kinh tế thị trường, vốn được coi là một hàng hoá. Nó giống như các loại hàng hoá khác là có chủ sở hữu đích thực, song nó có đặc điểm là người sở hữu vốn có thể bán quyền sử dụng vốn trong một thời gian nhất định. Những người có vốn có thể đưa vốn vào thị trường, còn những người có nhu cầu về vốn có thể đến thị trường vốn vay. Khác với các loại hàng hoá khác, sau khi bán đi thì quyền sử dụng và quyền sở hữu đều được chuyển sang cho người mua còn đối với vốn chỉ có quyền sử dụng được chuyển cho người mua (người vay vốn). Chi phí của việc sử dụng vốn chính là lãi suất. Nhờ có sự tách biệt quyền sử dụng và quyền sở hữu nên vốn có thể lưu chuyển trong đầu tư kinh doanh để sinh lời và quá trình giao dịch vay mượn này được tuân theo quy luật cung cầu thị trường.

- Vốn không chỉ biểu hiện bằng tiền của tài sản hữu hình mà còn thể hiện bằng giá trị của những tài sản vô hình. Tài sản vô hình của doanh nghiệp có thể là vị trí địa lý, nhãn hiệu thương mại, công nghệ, bằng sáng chế...cùng với sự phát triển của thị trường thì tài sản vô hình cũng đóng góp một vai trò quan trọng trong việc tăng khả năng sinh lời của doanh nghiệp.

Vì vậy ta có thể rút ra khái niệm tổng quát về vốn như sau: Vốn kinh doanh của doanh nghiệp là biểu hiện bằng tiền của toàn bộ tài sản ngắn hạn và tài sản dài hạn được đầu tư vào kinh doanh nhằm mục đích sinh lời.

1.1.2. Vai trò của vốn trong doanh nghiệp

Vốn kinh doanh của doanh nghiệp được biểu hiện bằng tiền của toàn bộ tài sản được đầu tư vào hoạt động sản xuất kinh doanh nhằm mục tiêu sinh lời. Vốn được biểu hiện là các nguồn tài trợ cho hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp

Trong mọi hoạt động sản xuất kinh doanh ở bất kỳ một quy mô nào cũng cần có một lượng vốn nhất định để thành lập doanh nghiệp. Vì vậy:

1.1.2.1. Vốn là điều kiện đầu tiên để thành lập một doanh nghiệp

Về mặt pháp lý, khi muốn thành lập thì bất kỳ một doanh nghiệp nào cần có một lượng vốn nhất định và phải lớn hơn hoặc bằng mức vốn pháp định do Nhà nước quy định đối với từng loại hình doanh nghiệp, lĩnh vực kinh doanh.

Trong quá trình sản xuất kinh doanh, nếu vốn của doanh nghiệp không đạt được những điều kiện mà pháp luật quy định doanh nghiệp có thể bị tuyên bố phá sản, giải thể hoặc sát nhập... Vì vậy vốn được xem là một trong những cơ sở quan trọng nhất đảm bảo sự tồn tại và tư cách pháp nhân của một doanh nghiệp trước pháp luật.

1.1.2.2. Vốn là cơ sở cho hoạt động sản xuất kinh doanh

Về mặt kinh tế, sau khi thành lập, doanh nghiệp phải tiến hành hoạt động sản xuất kinh doanh. Để tiến hành hoạt động kinh doanh, doanh nghiệp phải sử dụng chi phí để mua sắm nguyên vật liệu, máy móc, thiết bị, công nghệ, trả lương ... Vốn là một trong những yếu tố đảm bảo cho việc chi trả những chi phí đó. Khi nguồn vốn tạm thời không đáp ứng đủ nhu cầu của hoạt động sản xuất kinh doanh thì doanh nghiệp dễ lâm vào tình trạng đình trệ do sự thiếu hụt về ngân quỹ. Nếu tình trạng này kéo dài hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp sẽ bị gián đoạn dẫn đến mất uy tín với khách hàng, tài chính gặp nhiều khó khăn và sẽ đi đến phá sản, giải thể, sát nhập....

1.1.2.3. Vốn là cơ sở cho việc mở rộng, phát triển sản xuất kinh doanh

Vốn không chỉ là yếu tố quyết định năng lực sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp mà còn là yếu tố quyết định đến việc mở rộng phát triển quy mô sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp.

Một số biện pháp nâng cao hiệu quả sử dụng vốn tại công ty cổ phần Cảng Vật Cách

Để có thể tiến hành tái sản xuất mở rộng thì sau mỗi chu kỳ kinh doanh vốn của doanh nghiệp phải được sinh lời nghĩa là hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp phải có lãi, đảm bảo đồng vốn kinh doanh được bảo toàn và phát triển. Đó là cơ sở để bất kỳ doanh nghiệp nào muốn đầu tư mở rộng phạm vi sản xuất, thâm nhập thị trường mở rộng thị trường, nâng cao vị thế và uy tín của mình trong nền kinh tế thị trường hiện nay. Để làm được điều đó doanh nghiệp không ngừng đầu tư công nghệ thiết bị hiện đại, nâng cao chất lượng sản phẩm, đa dạng hoá sản phẩm, phong phú về mẫu mã, chủng loại, đáp ứng nhu cầu của khách hàng...

Vốn cũng là cơ sở giúp các doanh nghiệp nâng cao năng lực cạnh tranh, tăng cường các mạng lưới phân phối bằng các chính sách marketing hiệu quả nhất phù hợp với quy mô của từng doanh nghiệp như quảng cáo, khuyến mại, khuyến mãi, giảm giá, tiếp thị....

1.1.3 Cơ cấu vốn trong doanh nghiệp

1.1.3.1. Cơ cấu vốn của doanh nghiệp

Cơ cấu vốn có ảnh hưởng lớn đến hiệu quả sử dụng vốn của doanh nghiệp vì nó có liên quan trực tiếp đến chi phí (khấu hao vốn dài hạn, tốc độ luân chuyển vốn ngắn hạn). Các vấn đề quan trọng của cơ cấu vốn ảnh hưởng đến hiệu quả sử dụng vốn như: cơ cấu giữa vốn dài hạn và vốn ngắn hạn trong tổng vốn kinh doanh của doanh nghiệp. Cơ cấu vốn dài hạn đầu tư trực tiếp tham gia sản xuất như máy móc, phương tiện vận tải...và vốn dài hạn không trực tiếp tham gia sản xuất như kho tàng, văn phòng...Cơ cấu giữa các công đoạn trong dây chuyền sản xuất (tỷ lệ máy móc). Chỉ khi giải quyết tốt các vấn đề mới tạo sự cân đối của nguồn vốn kinh doanh từ đó mới phát huy hết hiệu quả của nguồn vốn.

1.1.3.2. Phân loại vốn kinh doanh

Trong quá trình sản xuất kinh doanh, doanh nghiệp phải tiêu hao các loại vật tư, nguyên vật liệu, máy móc, thiết bị, trả lương, ...đó là những chi phí mà doanh nghiệp phải bỏ ra để đạt được mục tiêu kinh doanh. Tuy nhiên những chi phí này phát sinh thường xuyên, liên tục, gắn liền với quá trình sản xuất sản phẩm của doanh nghiệp. Vì vậy các doanh nghiệp phải nâng cao hiệu quả sử dụng vốn một cách tối đa nhằm đạt được mục tiêu kinh doanh lớn nhất. Để quản lý và kiểm tra

Một số biện pháp nâng cao hiệu quả sử dụng vốn tại công ty cổ phần Cảng Vật Cách
chặt chẽ việc thực hiện các định mức chi phí, hiệu quả sử dụng vốn, tiết kiệm chi phí ở từng khâu sản xuất và toàn doanh nghiệp cần phân loại vốn.

1.1.3.2.1 Phân loại theo nguồn vốn

♦ *Vốn chủ sở hữu* là phần vốn thuộc về các chủ sở hữu của doanh nghiệp gồm các bộ phận như: vốn góp ban đầu, lợi nhuận chưa phân phối, vốn do phát hành cổ phiếu mới... Vốn chủ sở hữu phản ánh toàn bộ nguồn vốn thuộc sở hữu của chủ doanh nghiệp (thành viên trong công ty liên doanh, thành viên công ty trách nhiệm hữu hạn, công ty hợp danh, chủ doanh nghiệp tư nhân hoặc chủ sở hữu là nhà nước nếu là doanh nghiệp nhà nước). Số vốn chủ sở hữu doanh nghiệp không phải cam kết thanh toán, vì vậy vốn chủ sở hữu không phải là một khoản nợ. Vốn chủ sở hữu được phản ánh trong bảng cân đối kế toán bao gồm:

- Nguồn vốn chủ sở hữu: phản ánh toàn bộ nguồn vốn thuộc sở hữu của chủ doanh nghiệp và các quỹ của doanh nghiệp như nguồn vốn kinh doanh, quỹ đầu tư và phát triển, quỹ dự phòng tài chính và các khoản chênh lệch đánh giá lại tài sản, chênh lệch tỷ giá hối đoái...

Xét về mặt kinh tế: số liệu phân nguồn vốn thể hiện quy mô, kết cấu các nguồn vốn đã được doanh nghiệp đầu tư huy động vào sản xuất kinh doanh.

Xét về mặt pháp lý số liệu của các chỉ tiêu phân nguồn vốn thể hiện trách nhiệm pháp lý của doanh nghiệp về số tài sản đang quản lý, sử dụng đối với các đối tượng cấp vốn cho doanh nghiệp Nhà nước, các tổ chức tín dụng...)

- Nguồn kinh phí và quỹ khác: phản ánh tổng số kinh phí được lập để chi tiêu cho các hoạt động ngoài kinh doanh như kinh phí sự nghiệp, các khoản chi phí quản lý do các đơn vị cấp dưới nộp, nguồn kinh phí dự phòng tài trợ mất việc làm....

♦ *Nợ phải trả*: là chỉ tiêu tổng hợp phản ánh toàn bộ số nợ mà doanh nghiệp có trách nhiệm phải trả tại thời điểm báo cáo. Nói cách khác, đây là các khoản vay của doanh nghiệp được hình thành từ tiền vay ngân hàng và các tổ chức tín dụng, các tổ chức kinh tế khác thông qua việc phát hành trái phiếu, các khoản nợ khách hàng chưa thanh toán. Nợ phải trả bao gồm:

Một số biện pháp nâng cao hiệu quả sử dụng vốn tại công ty cổ phần Cảng Vật Cách

- **Nợ ngắn hạn:** là khoản nợ mà doanh nghiệp còn phải trả, có thời gian sử dụng dưới một năm hoặc trong một chu kỳ kinh doanh tại thời điểm báo cáo. Nợ ngắn hạn gồm các khoản vay và nợ ngắn hạn, phải trả người bán, trả lương cho người lao động, phải trả nội bộ, thuế phải nộp nhà nước, người mua trả tiền trước...

- **Nợ dài hạn:** là khoản nợ mà doanh nghiệp còn phải trả trong thời gian từ một năm trở lên hoặc trả sau một chu kỳ kinh doanh, không phân biệt đối tượng cho vay, nợ và mục đích cho vay, nợ. Nợ dài hạn gồm các khoản phải trả dài hạn người bán, vay và nợ dài hạn, thuế thu nhập hoãn lại phải trả, phải trả dài hạn nội bộ, phải trả dài hạn khác, dự phòng trợ cấp mất việc làm, dự phòng phải trả dài hạn...

1.1.3.2 Phân loại theo thời gian sử dụng

♦ **Nguồn vốn dài hạn:** có tính chất ổn định và dài hạn nên thường được dùng để mua sắm tài sản cố định và một số bộ phận tài sản lưu động thường xuyên phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh. Nguồn vốn dài hạn gồm:

- Nguồn vốn chủ sở hữu
- Vốn vay dài hạn

♦ **Nguồn vốn ngắn hạn:** dùng để đáp ứng nhu cầu có tính chất tạm thời phát sinh bình thường trong sản xuất kinh doanh hàng ngày. Nguồn vốn ngắn hạn bao gồm vốn vay từ các tổ chức ngân hàng, các tổ chức tín dụng và các tổ chức kinh tế khác.

1.1.3.2.3 Phân loại theo tài sản

♦ **Vốn ngắn hạn:** là số vốn ứng trước về tài sản ngắn hạn và tài sản ngắn hạn nhằm đảm bảo cho quá trình tái sản xuất của doanh nghiệp thực hiện một cách thường xuyên liên tục hay vốn ngắn hạn là biểu hiện bằng tiền giá trị các tài sản thuộc quyền sở hữu của doanh nghiệp có thời gian sử dụng, thu hồi và luân chuyển trong vòng một năm hay một chu kỳ sản xuất kinh doanh, tồn tại dưới các hình thái nguyên vật liệu dự trữ, sản phẩm đang chờ kết chuyển

♦ **Vốn dài hạn:** là số vốn ứng trước về những tư liệu lao động mà đặc điểm của nó là luân chuyển dần dần từng bộ phận giá trị vào cho đến khi tư liệu lao động hết thời hạn sử dụng thì vốn dài hạn mới hoàn thành một lần luân chuyển (hoặc hoàn thành một vòng tuần hoàn). Vốn dài hạn phản ánh bằng tiền bộ phận tư liệu lao động chủ yếu của doanh nghiệp. Tư liệu lao động lại là cơ sở vật chất của nền sản

Một số biện pháp nâng cao hiệu quả sử dụng vốn tại công ty cổ phần Cảng Vật Cách
xuất xã hội. Chính vì thế, vốn dài hạn có tác dụng rất lớn đối với việc phát triển nền sản xuất xã hội. Trong quá trình luân chuyển, hình thái hiện vật của vốn dài hạn vẫn không thay đổi

1.2. Phân tích hiệu quả sử dụng vốn

1.2.1. Quan điểm về hiệu quả sử dụng vốn kinh doanh

Hiệu quả kinh doanh của doanh nghiệp là một phạm trù kinh tế phản ánh trình độ khai thác, sử dụng và quản lý nguồn vốn làm cho đồng vốn sinh lời tối đa nhằm mục tiêu cuối cùng của doanh nghiệp là tối đa hoá giá trị tài sản của chủ sở hữu. Hiệu quả sử dụng vốn được lượng hoá thông qua hệ thống các chỉ tiêu về khả năng hoạt động, khả năng sinh lời, tốc độ luân chuyển vốn... Nó phản ánh quan hệ giữa đầu ra và đầu vào của quá trình sản xuất kinh doanh thông qua thước đo tiền tệ hay cụ thể là mối quan hệ tương quan giữa kết quả thu được với chi phí bỏ ra để thực hiện nhiệm vụ sản xuất kinh doanh. Kết quả thu được càng cao so với chi phí vốn bỏ ra thì hiệu quả sử dụng vốn càng cao. Do đó nâng cao hiệu quả sử dụng vốn là điều kiện quan trọng để doanh nghiệp phát triển vững mạnh. Nâng cao hiệu quả sử dụng vốn của doanh nghiệp phải đảm bảo các điều kiện sau:

- Phải khai thác nguồn lực một cách triệt để nghĩa là không để vốn nhàn rỗi mà vốn phải được sử dụng và sinh lời.
- Phải sử dụng vốn một cách hợp lý và tiết kiệm
- Phải quản lý vốn một cách chặt chẽ không để vốn bị ứ đọng, không sử dụng vốn sai mục đích, không để vốn bị thất thoát do không quản lý chặt chẽ.
- Doanh nghiệp thường xuyên phân tích đánh giá hiệu quả sử dụng vốn để nhanh chóng có biện pháp khắc phục những mặt hạn chế và phát huy những ưu điểm của doanh nghiệp trong quá trình quản lý và sử dụng vốn.

1.2.2. Sự cần thiết phải nâng cao hiệu quả sử dụng vốn

Nâng cao hiệu quả sử dụng vốn sẽ:

- Đảm bảo an toàn tài chính cho doanh nghiệp. Hoạt động trong cơ chế thị trường đòi hỏi mỗi doanh nghiệp phải luôn đề cao tính an toàn, đặc biệt là an toàn tài chính. Đây là vấn đề ảnh hưởng trực tiếp đến sự tồn tại và phát triển của doanh nghiệp. Việc sử dụng vốn có hiệu quả sẽ giúp doanh nghiệp nâng cao khả năng huy

Một số biện pháp nâng cao hiệu quả sử dụng vốn tại công ty cổ phần Cảng Vật Cách
động vốn, khả năng thanh toán của doanh nghiệp được đảm bảo, doanh nghiệp có đủ tiềm lực để khắc phục những khó khăn và rủi ro trong kinh doanh.

- Nâng cao hiệu quả sử dụng vốn sẽ giúp doanh nghiệp nâng cao sức cạnh tranh. Để đáp ứng nhu cầu cải tiến công nghệ, nâng cao chất lượng sản phẩm, đa dạng hoá mẫu mã sản phẩm...doanh nghiệp phải có vốn, trong khi đó vốn của doanh nghiệp chỉ có hạn chính vì vậy mà việc nâng cao hiệu quả sử dụng vốn là rất cần thiết.

- Nâng cao hiệu quả sử dụng vốn sẽ giúp doanh nghiệp đạt được mục tiêu tăng giá trị tài sản của chủ sở hữu và các mục tiêu khác của doanh nghiệp như nâng cao uy tín sản phẩm trên thị trường, nâng cao mức sống của người lao động... vì khi hoạt động kinh doanh mang lại lợi nhuận thì doanh nghiệp có thể mở rộng quy mô sản xuất, tạo thêm công ăn việc làm cho người lao động và thu nhập của người lao động được tăng lên. Điều đó giúp cho năng suất lao động của doanh nghiệp ngày càng tăng cao, tạo sự phát triển cho doanh nghiệp và các ngành liên quan. Đồng thời làm tăng các khoản đóng góp cho nhà nước.

Như vậy việc nâng cao hiệu quả sử dụng vốn của doanh nghiệp không những mang lại hiệu quả thiết thực cho doanh nghiệp và người lao động mà còn ảnh hưởng đến sự phát triển của cả nền kinh tế và toàn xã hội. Do đó các doanh nghiệp phải luôn tìm ra các biện pháp phù hợp để nâng cao hiệu quả sử dụng vốn của doanh nghiệp.

1.2.3. Phương pháp đánh giá hiệu quả sử dụng vốn kinh doanh

1.2.3.1. Phương pháp so sánh

Phương pháp so sánh là phương pháp được sử dụng phổ biến trong phân tích để xác định xu hướng, biến động của chỉ tiêu phân tích. So sánh trong phân tích là đối chiếu các chỉ tiêu, các hiện tượng kinh tế đã được lượng hoá có cùng một nội dung, tính chất tương tự để xác định xu hướng biến động chung của các chỉ tiêu phân tích từ đó kết hợp với các phương pháp khác xác định mức độ ảnh hưởng của các nhân tố đến chỉ tiêu phân tích. Từ đó giúp ta có thể đánh giá được một cách khách quan tình hình chung của doanh nghiệp, những mặt phát triển hay những mặt còn hạn

Một số biện pháp nâng cao hiệu quả sử dụng vốn tại công ty cổ phần Cảng Vật Cách
chế, hiệu quả hay kém hiệu quả để đưa ra cách giải quyết và các biện pháp nhằm khắc phục.

1.2.3.1.1. Tiêu chuẩn để so sánh

Tiêu chuẩn so sánh là chỉ tiêu của một kỳ được lựa chọn làm gốc so sánh và được xác định tùy thuộc vào mục đích phân tích. Khi tiến hành phân tích cần có từ 2 đại lượng trở lên và các đại lượng phải đảm bảo tính được.

1.2.3.1.2. Điều kiện so sánh

- So sánh theo thời gian đó là sự thống nhất về nội dung kinh tế, thống nhất về phương pháp tính toán, thống nhất về thời gian và đơn vị đo lường.

- So sánh theo không gian tức là so sánh giữa các số liệu trong ngành nhất định, các chỉ tiêu cần phải được quy đổi về cùng quy mô và điều kiện kinh doanh tương tự nhau.

1.2.3.1.3. Kỹ thuật so sánh

Để đáp ứng các mục tiêu sử dụng của những chỉ tiêu so sánh, quá trình so sánh giữa các chỉ tiêu được thể hiện dưới 3 kỹ thuật so sánh sau đây

- So sánh tuyệt đối: là kết quả của phép trừ giữa trị số của kỳ phân tích với trị số của kỳ gốc của các chỉ tiêu kinh tế. Kết quả so sánh phản ánh sự biến động về quy mô hoặc khối lượng của chỉ tiêu phân tích.

- So sánh tương đối: Là kết quả của phép chia giữa trị số của kỳ phân tích với kỳ gốc của các chỉ tiêu kinh tế. Kết quả so sánh phản ánh kết cấu, mối quan hệ giữa tốc độ phát triển và mức độ phổ biến của chỉ tiêu nghiên cứu.

- So sánh theo chiều ngang: so sánh tất cả các chỉ tiêu trên bảng cân đối kế toán cuối kỳ so với đầu năm hay thấy được sự biến động cả về số tuyệt đối và số tương đối. Tuy nhiên so sánh theo chiều ngang cần chú ý trong điều kiện xảy ra lạm phát, kết quả tính được chỉ có ý nghĩa khi chúng ta đã loại trừ ảnh hưởng của biến động giá

- So sánh theo chiều dọc: so sánh từng chỉ tiêu bên phần tài sản so với tổng tài sản, từng chỉ tiêu phần nguồn vốn so với tổng nguồn vốn. Nói cách khác phân tích theo chiều dọc chính là xác định tỷ trọng của từng chỉ tiêu bên phần tài sản cũng như bên phần nguồn vốn cuối kỳ, đầu năm và so sánh tỷ trọng của từng chỉ tiêu đó.

Một số biện pháp nâng cao hiệu quả sử dụng vốn tại công ty cổ phần Cảng Vật Cách

Từ đó cho thấy sự biến động về mặt quy mô hoặc khối lượng của chỉ tiêu được phân tích, mối quan hệ tỷ lệ, kết cấu của từng chỉ tiêu trong tổng thể hoặc biến động về mặt tốc độ của chỉ tiêu đang xem xét giữa các thời gian khác nhau.

1.2.3.2. Phương pháp phân tích tỷ lệ

Phương pháp phân tích tỷ lệ giúp cho việc khai thác, sử dụng các số liệu được hiệu quả hơn thông qua việc phân tích một cách có hệ thống các tỷ lệ theo chuỗi thời gian liên tục hoặc gián đoạn.

Trong phân tích tài chính doanh nghiệp, các tỷ lệ tài chính được phân thành các nhóm tỷ lệ đặc trưng, phản ánh những nội dung cơ bản theo mục tiêu hoạt động của doanh nghiệp. Đó là các nhóm tỷ lệ về:

- Nhóm chỉ tiêu về khả năng thanh toán
- Nhóm chỉ tiêu khả năng sinh lời
- Nhóm chỉ tiêu về hoạt động
- Nhóm chỉ tiêu về cơ cấu tài chính và tình hình đầu tư.

1.2.4. Phân tích tình hình nguồn vốn và sử dụng nguồn vốn

Bảng phân tích diễn biến nguồn vốn và sử dụng nguồn vốn là một trong những cơ sở và công cụ của các nhà quản trị tài chính hoạch định tài chính cho kỳ tới. Bởi suy cho cùng thì mục đích chính của việc phân tích là trả lời cho câu hỏi: vốn hình thành từ đâu và được sử dụng vào việc gì? Thông tin mà bảng kê diễn biến nguồn vốn và sử dụng vốn không những giúp cho doanh nghiệp biết được việc kinh doanh của mình tiến triển hay gặp khó khăn mà thông tin còn giúp ích cho các nhà đầu tư, người cho vay... họ muốn biết doanh nghiệp đã làm gì với số vốn của họ.

Để lập được bảng kê diễn biến nguồn vốn và sử dụng vốn, người ta thường tổng hợp tự thay đổi của các khoản mục trong bảng cân đối kế toán giữa hai thời điểm là đầu kỳ và cuối kỳ. Mỗi một sự thay đổi của từng khoản mục trong bảng cân đối kế toán đều được xếp vào một cột diễn biến nguồn vốn hoặc sử dụng vốn theo cách thức:

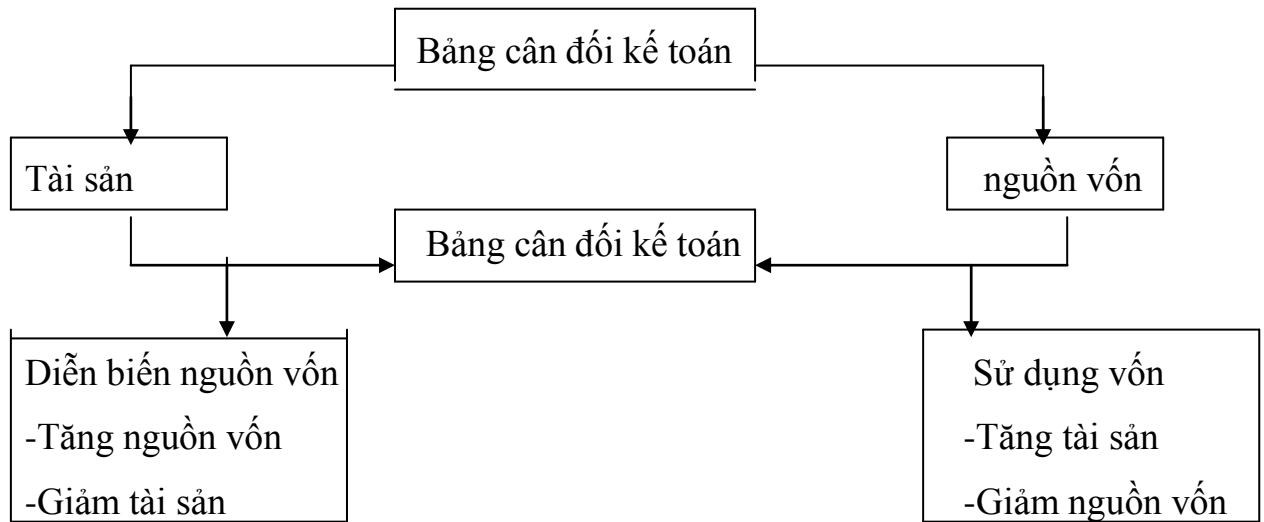
- Tăng các khoản nợ phải trả, tăng vốn chủ sở hữu, cũng như một sự làm giảm tài sản của doanh nghiệp chỉ ra sự diễn biến của nguồn vốn và được xếp vào cột diễn biến nguồn vốn.

Một số biện pháp nâng cao hiệu quả sử dụng vốn tại công ty cổ phần Cảng Vật Cách

- Tăng tài sản của doanh nghiệp, giảm các khoản nợ và vốn chủ sở hữu được xếp vào cột sử dụng vốn.

Nguyên tắc lập bảng kê diễn biến nguồn vốn và sử dụng vốn thể hiện ở sơ đồ sau:

Sơ đồ 1: Tính toán diễn biến nguồn vốn và sử dụng vốn



Nội dung phân tích

- *Bước 1*: Dựa vào bảng cân đối kế toán, lập bảng diễn biến nguồn vốn và sử dụng vốn theo sự thay đổi của vốn và nguồn vốn ở hai thời điểm là đầu kỳ và cuối kỳ theo nguyên tắc: Nếu tăng tài sản và giảm nguồn vốn thì tập hợp bên cột sử dụng vốn. Còn nếu giảm tài sản và tăng nguồn vốn thì tập hợp bên phần nguồn vốn.

- *Bước 2*: Khái quát tình hình nguồn vốn và sử dụng vốn qua bảng kê nguồn vốn và sử dụng vốn

- *Bước 3*: Phân tích diễn biến nguồn vốn và sử dụng vốn rồi đưa ra kết luận

1.2.5. Đánh giá hiệu quả sử dụng vốn

Đánh giá hiệu quả sử dụng tổng vốn

Bất kỳ doanh nghiệp nào cũng quan tâm đến hiệu quả sử dụng vốn. Đó là nhân tố quyết định cho sự tồn tại và tăng trưởng của mỗi doanh nghiệp. Tính hiệu quả của việc sử dụng vốn nhằm nâng cao việc tạo ra nhiều sản phẩm đồng thời tăng lợi nhuận nhưng không làm tăng vốn hoặc đầu tư thêm vốn một cách hợp lý nhằm mở

Một số biện pháp nâng cao hiệu quả sử dụng vốn tại công ty cổ phần Cảng Vật Cách

rộng quy mô sản xuất để tăng doanh thu nhưng vẫn đảm bảo yêu cầu tốc độ tăng của lợi nhuận phải lớn hơn tốc độ tăng của vốn.

Hiệu quả sử dụng tổng vốn được phản ánh qua các chỉ tiêu kinh tế

- *Vòng quay tổng vốn*: Phản ánh vốn của doanh nghiệp trong kỳ quay được bao nhiêu vòng. Chỉ tiêu này cũng đánh giá được khả năng sử dụng tài sản của doanh nghiệp thể hiện qua doanh thu thuần được sinh ra từ tài sản mà doanh nghiệp đã đầu tư là bao nhiêu. Vòng quay càng lớn hiệu quả sử dụng vốn càng cao

$$\text{Vòng quay toàn bộ tổng vốn} = \frac{\text{Doanh thu thuần}}{\text{Vốn kinh doanh bình quân}}$$

- *Tỷ suất lợi nhuận vốn kinh doanh (ROA)*: Tỷ suất này là chỉ tiêu đo lường mức độ sinh lời của đồng vốn, chỉ tiêu này cho biết một đồng vốn kinh doanh đem lại mấy đồng lợi nhuận. Chỉ tiêu này càng lớn so với các kỳ trước hay so với các doanh nghiệp khác chứng tỏ khả năng sinh lời của doanh nghiệp cao, hiệu quả kinh doanh càng lớn và ngược lại.

$$\text{Tỷ suất lợi nhuận tổng vốn} = \frac{\text{Lợi nhuận}}{\text{Tổng vốn bình quân}}$$

Chỉ tiêu tỷ suất lợi nhuận tổng vốn còn được đánh giá thông qua chỉ tiêu vòng quay vốn và chỉ tiêu lợi nhuận doanh thu

$$\text{Tỷ suất lợi nhuận} = \frac{\text{Doanh thu thuần}}{\text{Vốn kinh doanh bình quân}} \times \frac{\text{Lợi nhuận sau thuế}}{\text{Doanh thu thuần}}$$

- *Tỷ suất vốn chủ sở hữu (ROE)*: chỉ tiêu này cho thấy mỗi đồng mà chủ sở hữu bỏ vào kinh doanh mang lại bao nhiêu đồng lợi nhuận sau thuế

$$\text{Tỷ suất lợi nhuận / vốn chủ sở hữu} = \frac{\text{Lợi nhuận sau thuế}}{\text{Vốn chủ sở hữu bình quân}}$$

Mục tiêu hoạt động của doanh nghiệp là tạo ra lợi nhuận ròng cho các chủ nhân của doanh nghiệp đó. Tỷ suất doanh lợi vốn chủ sở hữu là chỉ tiêu để đánh giá mục tiêu đó và cho biết một đồng vốn chủ sở hữu bình quân tham gia vào kinh doanh tạo ra bao nhiêu đồng lợi nhuận thuần.

Một số biện pháp nâng cao hiệu quả sử dụng vốn tại công ty cổ phần Cảng Vật Cách

- Tỷ suất lợi nhuận trên doanh thu

Tỷ suất này thể hiện trong một đồng doanh thu mà doanh nghiệp thu được trong kỳ có bao nhiêu đồng lợi nhuận trước thuế.

$$\text{Tỷ suất lợi nhuận trước thuế/ doanh thu} = \frac{\text{Lợi nhuận trước thuế}}{\text{Doanh thu}}$$

$$\text{Tỷ suất lợi nhuận / doanh thu} = \frac{\text{Lợi nhuận sau thuế}}{\text{Doanh thu}}$$

Chỉ tiêu này phản ánh trong một đồng doanh thu mà doanh nghiệp thu được trong kỳ có bao nhiêu đồng lợi nhuận sau thuế

Đánh giá hiệu quả sử dụng vốn ngắn hạn

Thể hiện qua chỉ tiêu tốc độ luân chuyển vốn ngắn hạn nhanh hay chậm, nói lên tình hình tổ chức các hoạt động của quá trình kinh doanh của doanh nghiệp có hợp lý không, kết quả đem lại có cao không. Hiệu quả sử dụng vốn ngắn hạn được thể hiện qua các chỉ tiêu kinh tế:

- Vòng quay vốn ngắn hạn

$$\text{Vòng quay vốn ngắn hạn} = \frac{\text{Doanh thu thuần}}{\text{Vốn ngắn hạn bình quân}}$$

Chỉ tiêu này cho biết một đồng vốn ngắn hạn bình quân tham gia vào quá trình sản xuất kinh doanh thì tạo ra được bao nhiêu đồng doanh thu thuần. Chỉ tiêu này càng lớn chứng tỏ hiệu quả sử dụng vốn ngắn hạn cao. Muốn làm được như vậy thì cần rút ngắn chu kỳ sản xuất kinh doanh, đẩy mạnh tốc độ tiêu thụ hàng hoá.

- Số ngày một vòng quay vốn ngắn hạn

Số ngày một vòng quay vốn ngắn hạn phản ánh trung bình một vòng quay vốn ngắn hạn hết bao nhiêu ngày

$$\text{Số ngày một vòng quay vốn ngắn hạn} = \frac{360 \text{ ngày}}{\text{Số vòng quay vốn ngắn hạn}}$$

$$\text{Số ngày một vòng quay vốn ngắn hạn} = \frac{360 \text{ ngày}}{\text{Số vòng quay vốn ngắn hạn}}$$

Một số biện pháp nâng cao hiệu quả sử dụng vốn tại công ty cổ phần Cảng Vật Cách

Số vòng quay vốn ngắn hạn càng lớn thì số ngày bình quân một vòng quay nhỏ chứng tỏ doanh nghiệp bỏ ít vốn nhưng lại thu được doanh thu lớn.

- *Mức doanh lợi vốn ngắn hạn:*

$$\text{Mức doanh lợi vốn ngắn hạn} = \frac{\text{Lợi nhuận sau thuế}}{\text{Vốn ngắn hạn bình quân}}$$

Chỉ tiêu này cho biết một đồng vốn ngắn hạn bình quân tham gia vào quá trình sản xuất kinh doanh thì tạo ra được bao nhiêu đồng lợi nhuận sau thuế.

- *Hệ số đảm nhiệm của vốn ngắn hạn:* Cho biết một đồng doanh thu thuần cần bao nhiêu đồng vốn ngắn hạn. Trị số của chỉ tiêu này càng nhỏ chứng tỏ hiệu quả sử dụng vốn ngắn hạn càng cao, số vốn ngắn hạn tiết kiệm được càng nhiều.

$$\text{Hệ số đảm nhiệm của vốn ngắn hạn} = \frac{\text{Vốn ngắn hạn bình quân}}{\text{Doanh thu thuần}}$$

Đánh giá hiệu quả sử dụng vốn dài hạn

- *Hiệu suất sử dụng vốn dài hạn:* chỉ tiêu này phản ánh cứ một đồng vốn dài hạn có thể tham gia tạo ra bao nhiêu đồng doanh thu thuần. Hiệu suất càng cao chứng tỏ doanh nghiệp làm ăn có hiệu quả

$$\text{Hiệu suất sử dụng vốn dài hạn} = \frac{\text{Doanh thu thuần}}{\text{Vốn dài hạn bình quân}}$$

- *Hiệu quả sử dụng vốn dài hạn:* Phản ánh một đồng vốn dài hạn có thể tham gia tạo ra bao nhiêu đồng lợi nhuận sau thuế

$$\text{Hiệu quả sử dụng vốn dài hạn} = \frac{\text{Lợi nhuận sau thuế}}{\text{Vốn dài hạn bình quân}}$$

- *Hiệu suất sử dụng tài sản cố định:* Chỉ tiêu này phản ánh một đồng tài sản cố định trong kỳ tạo ra bao nhiêu đồng doanh thu hoặc doanh thu thuần

$$\text{Hiệu suất sử dụng tài sản cố định} = \frac{\text{Doanh thu thuần}}{\text{Nguyên giá của tài sản cố định bình quân}}$$

Một số biện pháp nâng cao hiệu quả sử dụng vốn tại công ty cổ phần Cảng Vật Cách

- *Sức sinh lời của tài sản cố định*: chỉ tiêu này cho biết trung bình một đồng tài sản cố định trong kỳ tạo ra bao nhiêu đồng lợi nhuận. Chỉ tiêu này càng lớn chứng tỏ doanh nghiệp sử dụng tài sản cố định hiệu quả

$$\text{Sức sinh lời của tài sản cố định} = \frac{\text{Lợi nhuận sau thuế}}{\text{Nguyên giá tài sản cố định bình quân}}$$

1.3. Phân tích tình hình thanh toán và khả năng thanh toán

1.3.1. Tình hình thanh toán

- *Hệ số nợ*: chỉ tiêu tài chính này phản ánh trong một đồng vốn hiện nay doanh nghiệp đang sử dụng có bao nhiêu đồng vốn đi vay.

$$\begin{aligned}\text{Hệ số nợ (H}_v\text{)} &= \frac{\text{Nợ phải trả}}{\text{Tổng nguồn vốn}} \\ &= 1 - \text{Hệ số vốn chủ sở hữu}\end{aligned}$$

Hệ số nợ cao cho thấy doanh nghiệp có lợi vì được sử dụng một lượng tài sản lớn mà chỉ cần đầu tư một lượng vốn nhỏ. Tuy nhiên hệ số này sẽ là không tốt nếu các khoản nợ phải trả vượt quá mức so với tổng nguồn vốn của doanh nghiệp vì như vậy doanh nghiệp sẽ mất dần khả năng độc lập về tài chính của mình.

Hệ số nợ càng nhỏ chứng tỏ khả năng độc lập về tài chính của doanh nghiệp là tốt.

Hệ số nợ càng cao chứng tỏ khả năng độc lập của doanh nghiệp về mặt tài chính càng kém

- *Tỷ lệ các khoản phải thu*: chỉ tiêu này phản ánh có bao nhiêu phần trăm vốn thực chất tham gia vào hoạt động kinh doanh trong tổng vốn huy động được, phản ánh mức độ vốn bị chiếm dụng của doanh nghiệp là nhiều hay ít.

$$\text{Tỷ lệ các khoản phải thu} = \frac{\text{Các khoản phải thu}}{\text{Tổng vốn}}$$

Một số biện pháp nâng cao hiệu quả sử dụng vốn tại công ty cổ phần Cảng Vật Cách

- Hệ số thanh toán tổng quát (H1)

Hệ số này phản ánh mối quan hệ giữa tài sản mà doanh nghiệp hiện đang quản lý sử dụng với tổng số nợ phải trả. Nó cho biết cứ một đồng nợ phải trả có bao nhiêu đồng tài sản đảm bảo

Hệ số này phản ánh mối quan hệ giữa tài sản mà doanh nghiệp hiện đang quản lý sử dụng với tổng số nợ phải trả. Nó cho biết cứ trong một đồng tài sản nợ phải trả có bao nhiêu đồng tài sản đảm bảo.

$$\text{Hệ số thanh toán tổng quát (H1)} = \frac{\text{Tổng tài sản}}{\text{Tổng nợ phải trả}}$$

Nếu $H1 > 1$: Chứng tỏ khả năng thanh toán của doanh nghiệp là tốt, song nếu $H1 > 1$ quá nhiều thì cũng không tốt vì điều đó chứng tỏ doanh nghiệp chưa tận dụng được cơ hội chiếm dụng vốn.

Nếu $H1 < 1$ báo hiệu sự phá sản của doanh nghiệp, vốn chủ sở hữu của doanh nghiệp giảm và mất dần, tổng tài sản hiện có của doanh nghiệp không đủ trả số nợ mà doanh nghiệp phải thanh toán

- Hệ số khả năng thanh toán hiện hành (H2)

Hệ số khả năng thanh toán hiện hành phản ánh mối quan hệ giữa tài sản ngắn hạn và các khoản nợ ngắn hạn. hệ số thanh toán nợ ngắn hạn thể hiện mức độ đảm bảo của tài sản ngắn hạn với nợ ngắn hạn. nợ ngắn hạn là các khoản nợ phải thanh toán trong kỳ, do đó doanh nghiệp phải dùng tài sản thực có của mình để thanh toán bằng cách chuyển đổi một bộ phận tài sản thành tiền. Do đó hệ số thanh toán nợ ngắn hạn được xác định bởi công thức:

$$\text{Hệ số thanh toán hiện hành (H2)} = \frac{\text{Tổng tài sản ngắn hạn}}{\text{Tổng nợ ngắn hạn}}$$

$H2 = 2$ là hợp lý nhất vì như thế doanh nghiệp sẽ duy trì được khả năng thanh toán ngắn hạn đồng thời duy trì được khả năng kinh doanh.

Nếu $H2 > 2$: Thể hiện khả năng thanh toán hiện thời của doanh nghiệp dư thừa. Nếu $H2 > 2$ quá nhiều thì chứng tỏ vốn lưu động của doanh nghiệp đã bị ứ đọng, trong khi đó hiệu quả kinh doanh chưa tốt.

Một số biện pháp nâng cao hiệu quả sử dụng vốn tại công ty cổ phần Cảng Vật Cách

Nếu $H2 < 2$: Cho thấy khả năng thanh toán hiện thời của doanh nghiệp chưa cao. Nếu $H2 < 2$ quá nhiều thì doanh nghiệp không thể thanh toán được hết các khoản nợ ngắn hạn đến hạn trả, đồng thời uy tín đối với các chủ nợ sẽ giảm, tài sản để dự trữ kinh doanh không đủ.

Như vậy hệ số này duy trì ở mức cao hay thấp là phụ thuộc vào lĩnh vực ngành nghề kinh doanh của từng doanh nghiệp và kỳ hạn thanh toán của các khoản nợ phải thu, phải trả trong kỳ.

- *Hệ số khả năng thanh toán nhanh (H3)*: Các tài sản ngắn hạn khi đem đi thanh toán cho chủ nợ đều phải chuyển đổi thành tiền. Trong tài sản ngắn hạn hiện có thì vật tư hàng hoá tồn kho (các loại vật tư, công cụ, dụng cụ, thành phẩm tồn kho) chưa thể chuyển đổi ngay thành tiền, do đó nó có khả năng thanh toán kém nhất. Vì vậy hệ số khả năng thanh toán nhanh là thước đo khả năng trả nợ ngắn hạn của doanh nghiệp trong kỳ không dựa vào việc phải bán các loại vật tư hàng hoá

Chỉ tiêu này phản ánh năng lực thanh toán của doanh nghiệp mà không dựa vào việc buôn bán các loại hàng hoá, vật tư của doanh nghiệp.

$$\text{Hệ số thanh toán nhanh (H3)} = \frac{\text{Tài sản ngắn hạn} - \text{Hàng tồn kho}}{\text{Tổng nợ ngắn hạn}}$$

$H3 = 1$ được coi là hợp lý nhất vì như vậy doanh nghiệp vừa duy trì được khả năng thanh toán nhanh vừa không bị mất cơ hội do khả năng thanh toán nợ mang lại.

$H3 < 1$: Cho thấy doanh nghiệp gặp khó khăn trong việc thanh toán nợ.

$H3 > 1$: Phản ánh tình hình thanh toán nợ không tốt vì tiền và các khoản tương đương tiền bị ứ đọng, vòng quay vốn chậm làm giảm hiệu quả sử dụng vốn.

Tuy nhiên, cũng như hệ số phản ánh khả năng thanh toán nợ ngắn hạn, độ lớn của hệ số này cũng phụ thuộc vào ngành nghề kinh doanh của từng doanh nghiệp và chu kỳ thanh toán của các khoản nợ phải thu, phải trả trong kỳ.

- *Hệ số khả năng thanh toán nợ dài hạn (H4)*

Nợ dài hạn là những khoản nợ có thời gian đáo hạn trên 1 năm, doanh nghiệp đi vay dài hạn để đầu tư vào tài sản cố định. Nguồn để trả nợ dài hạn chính là tổng giá trị tài sản cố định của doanh nghiệp được hình thành từ vốn vay chưa được thu

Một số biện pháp nâng cao hiệu quả sử dụng vốn tại công ty cổ phần Cảng Vật Cách
hội. Vì vậy, người ta thường so sánh giá trị còn lại của tài sản cố định hình thành từ vốn vay với số dư dài hạn để xác định khả năng thanh toán nợ dài hạn.

$$\text{Hệ số thanh toán nợ dài hạn (H4)} = \frac{\text{Giá trị còn lại của TSCĐ được hình thành từ nguồn vốn vay hoặc nợ dài hạn}}{\text{Tổng nợ dài hạn}}$$

Hệ số H4 > 1 hoặc = 1 được coi là tốt vì khi đó các khoản nợ dài hạn của doanh nghiệp luôn được đảm bảo bằng tài sản cố định.

Nếu H4 < 1: phản ánh tình trạng không tốt về khả năng thanh toán nợ dài hạn của doanh nghiệp.

- Hệ số khả năng thanh toán lãi vay (H5)

Lãi vay phải trả là khoản chi phí cố định, nguồn để chi trả lãi vay chính là lợi nhuận gộp sau khi đã trừ đi chi phí quản lý doanh nghiệp và chi phí bán hàng và chi phí cho hoạt động tài chính. So sánh giữa nguồn để trả lãi vay với lãi vay phải trả sẽ cho chúng ta biết doanh nghiệp đã sẵn sàng trả lãi vay tới mức độ nào.

$$\text{Hệ số thanh toán lãi vay (H5)} = \frac{\text{Lợi nhuận trước thuế và lãi vay}}{\text{Lãi vay phải trả}}$$

Hệ số này đo lường mức độ lợi nhuận có được do sử dụng vốn để đảm bảo chi trả lãi vay cho chủ nợ hay hệ số này cho biết được số vốn đi vay đã được sử dụng tốt đến mức độ nào và đem lại một khoản lợi nhuận là bao nhiêu, có đủ bù đắp cho lãi vay phải trả hay không?

1.3.2. Khả năng đảm bảo nợ và nguồn vốn của doanh nghiệp

- Tỷ suất tự tài trợ: là một chỉ tiêu tài chính đo lường sự góp vốn chủ sở hữu trong tổng số vốn hiện có của doanh nghiệp.

$$\begin{aligned} \text{Hệ số vốn chủ sở hữu} &= \frac{\text{Vốn chủ sở hữu}}{\text{Tổng nguồn vốn}} \\ &= 1 - \text{Hệ số nợ} \end{aligned}$$

Tỷ suất tự tài trợ cho thấy mức độ tài trợ của doanh nghiệp đối với nguồn vốn kinh doanh của mình.

Một số biện pháp nâng cao hiệu quả sử dụng vốn tại công ty cổ phần Cảng Vật Cách

Tỷ suất tự tài trợ cho thấy mức độ tự tài trợ của doanh nghiệp đối với nguồn vốn kinh doanh riêng của mình. Tỷ suất tự tài trợ càng cao chứng tỏ doanh nghiệp có nhiều vốn tự có, tính độc lập cao với các chủ nợ. Do đó không bị ràng buộc hoặc chịu sức ép của các khoản nợ vay. Song tỷ suất tự tài trợ quá cao thì cũng không phải là tốt, vì như thế doanh nghiệp làm không tốt hoạt động chiếm dụng vốn

- *Tỷ suất đầu tư*: là tỷ lệ giữa tài sản cố định (giá trị còn lại) với tổng tài sản của doanh nghiệp

$$\text{Tỷ suất đầu tư} = \frac{\text{Giá trị còn lại của tài sản dài hạn}}{\text{Tổng tài sản}}$$

Tỷ suất này càng lớn càng thể hiện mức độ quan trọng của tài sản cố định trong tổng tài sản của doanh nghiệp, phản ánh tình hình trang bị cơ sở vật chất kỹ thuật, năng lực sản xuất và xu hướng phát triển lâu dài cũng như khả năng cạnh tranh trên thị trường của doanh nghiệp. Tuy nhiên, để kết luận tỷ suất này là tốt hay xấu còn tùy thuộc vào ngành kinh doanh của từng doanh nghiệp trong một thời gian cụ thể.

- *Tỷ suất tự tài trợ tài sản dài hạn*: cho thấy số vốn tự có của doanh nghiệp dùng để trang bị TSDH là bao nhiêu, phản ánh mối quan hệ giữa nguồn vốn chủ sở hữu với giá trị tài sản dài hạn

Nếu tỷ suất này lớn hơn 1 chứng tỏ doanh nghiệp có khả năng sử dụng nguồn vốn chủ sở hữu tự trang bị tài sản dài hạn cho mình. Ngược lại, nếu tỷ suất này nhỏ hơn 1 thì có nghĩa là một bộ phận của tài sản dài hạn được tài trợ bằng vốn vay và đặc biệt mạo hiểm là vốn vay ngắn hạn.

$$\text{Tỷ suất đầu tư vào tài sản cố định} = \frac{\text{Vốn chủ sở hữu}}{\text{Tổng tài sản dài hạn}}$$

Tỷ suất tự tài trợ cho thấy mức độ tài trợ của doanh nghiệp đối với nguồn vốn kinh doanh của mình. Tỷ suất tự tài trợ càng lớn chứng tỏ doanh nghiệp có nhiều vốn tự có, có tính độc lập về tài chính cao đối với các chủ nợ. Do đó không bị ràng buộc hoặc chịu sức ép của các khoản vay, nợ. Song tỷ suất tài trợ quá cao thì cũng không phải là tốt, vì như thế doanh nghiệp làm không tốt hoạt động chiếm dụng vốn

1.3.3. Tỷ số về khả năng hoạt động

Đây là nhóm chỉ tiêu đặc trưng cho việc sử dụng tài nguyên, nguồn lực của doanh nghiệp. Các tỷ số hoạt động được sử dụng để đánh giá hiệu quả sử dụng vốn, tài sản của một doanh nghiệp bằng cách so sánh doanh thu với việc bỏ vốn vào kinh doanh dưới các loại tài sản khác nhau

- *Số vòng quay hàng tồn kho* là chỉ tiêu khá quan trọng để đánh giá hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp. Vòng quay hàng tồn kho là số lần mà hàng hoá tồn kho bình quân luân chuyển trong một kỳ

$$\text{Số vòng quay hàng tồn kho} = \frac{\text{Giá vốn hàng bán}}{\text{Giá trị hàng tồn kho}}$$

Số vòng quay hàng tồn kho càng cao thì thời gian luân chuyển một vòng càng ngắn chứng tỏ doanh nghiệp có nhiều khả năng giải phóng hàng tồn kho, tăng khả năng thanh toán.

Số vòng quay hàng tồn kho càng cao thì thời gian luân chuyển một vòng càng ngắn chứng tỏ doanh nghiệp có nhiều khả năng giải phóng hàng tồn kho, tăng khả năng thanh toán

- *Vòng quay các khoản phải thu*

Vòng quay các khoản phải thu phản ánh tốc độ chuyển đổi các khoản phải thu thành tiền mặt của doanh nghiệp nhanh hay chậm và được xác định như sau:

$$\text{Số ngày một vòng quay hàng tồn kho} = \frac{360 \text{ ngày}}{\text{Số vòng quay hàng tồn kho}}$$

Số vòng quay lớn chứng tỏ tốc độ thu hồi các khoản phải thu nhanh, đó là dấu hiệu tốt vì doanh nghiệp không phải đầu tư nhiều vào các khoản phải thu

- *Kỳ thu tiền bình quân*

Kỳ thu tiền bình quân phản ánh số ngày cần thiết để thu hồi các khoản phải thu. Vòng quay các khoản phải thu càng lớn thì kỳ thu tiền bình quân càng nhỏ và ngược lại

$$\text{Kỳ thu tiền bình quân} = \frac{360 \text{ ngày}}{\text{Vòng quay khoản phải thu}}$$

Tuy nhiên kỳ thu tiền bình quân cao hay thấp trong nhiều trường hợp chưa thể chắc chắn mà còn phải xem xét lại các mục tiêu và chính sách của doanh nghiệp như mục tiêu mở rộng thị trường, chính sách tín dụng doanh nghiệp.

1.4. Các nhân tố ảnh hưởng đến hiệu quả sử dụng vốn

1.4.1. Chu kỳ sản xuất kinh doanh

Đây là một điểm quan trọng ảnh hưởng trực tiếp đến hiệu quả sử dụng vốn của doanh nghiệp. Nếu chu kỳ sản xuất kinh doanh ngắn, doanh nghiệp sẽ thu hồi vốn nhanh nhằm tái tạo, mở rộng sản xuất kinh doanh. Ngược lại, nếu chu kỳ sản xuất kinh doanh dài, doanh nghiệp sẽ chịu gánh nặng ứ đọng vốn và phải trả lãi ho các khoản vay.

1.4.2. Kỹ thuật sản xuất

Kỹ thuật sản xuất có tác động liên tục tới một số chỉ tiêu quan trọng phản ánh hiệu quả sử dụng vốn dài hạn như: hệ số thay đổi, máy móc thiết bị, hệ số sử dụng và tuổi thọ, công suất của máy móc.

Nếu máy móc kỹ thuật sản xuất đơn giản thì thuận tiện cho việc vận hành khai thác và bước đầu doanh nghiệp sẽ dễ dàng tăng doanh thu và tăng lợi nhuận trên vốn dài hạn. Nhưng doanh nghiệp phải đối phó với các đối thủ cạnh tranh và nhu cầu của khách hàng ngày càng cao về sản phẩm, dịch vụ. Vì vậy, nếu như không có hướng phát triển đầu tư trang bị công nghệ, máy móc thiết bị đồng bộ, hiện đại phù hợp với từng thời kỳ thì doanh nghiệp khó có thể giữ được các chỉ tiêu lâu dài.

Nếu trang bị máy móc kỹ thuật sản xuất cao, doanh nghiệp sẽ có lợi thế cạnh tranh về chất lượng sản phẩm, dịch vụ song nó lại đòi hỏi người lao động có trình độ tay nghề cao và vốn đầu tư vào tài sản cố định lớn, lại giảm lợi nhuận trên vốn dài hạn

1.4.3. Đặc điểm sản phẩm dịch vụ

Sản phẩm, dịch vụ của doanh nghiệp là nơi chứa đựng mọi chi phí do vậy việc tiêu thụ sản phẩm hay việc được phục vụ khách hàng sẽ mang lại doanh thu cho doanh nghiệp và nó quyết định lợi nhuận của doanh nghiệp.

Nếu sản phẩm của doanh nghiệp là mặt hàng thiết yếu thì doanh nghiệp sẽ có vòng luân chuyển ngắn, tiêu thụ nhanh do đó giúp doanh nghiệp thu hồi vốn nhanh. Ngược lại, nếu như hàng hoá, dịch vụ của doanh nghiệp là những mặt hàng công nghiệp nặng, doanh nghiệp cần có những dây chuyền thiết bị, máy móc, công nghệ lớn thì việc thu hồi vốn sẽ dài hơn.

1.4.4. Trình độ đội ngũ cán bộ lao động

Vai trò của người lãnh đạo trong hoạt động sản xuất kinh doanh là rất quan trọng. Việc quản lý và sử dụng vốn có hiệu quả thể hiện ở sự tính toán phối hợp một cách tối ưu các yếu tố sản xuất sao cho giảm được các chi phí sản xuất không cần thiết đồng thời có vốn đầu tư khi có được các cơ hội kinh doanh làm cho doanh nghiệp ngày càng phát triển

Nếu công nhân sản xuất có tay nghề cao được bố trí phù hợp với kỹ thuật công nghệ sản xuất họ sẽ sử dụng, khai thác máy móc thiết bị được tối đa từ đó sẽ tăng năng xuất lao động, nâng cao hiệu quả sử dụng vốn của doanh nghiệp.

1.4.5. Trình độ tổ chức sản xuất

Quá trình sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp thường phải trải qua 3 giai đoạn: cung ứng, sản xuất và tiêu thụ.

Cung ứng là quá trình chuẩn bị các yếu tố đầu vào cho quá trình sản xuất kinh doanh: Nguyên vật liệu, lao động. Nó bao gồm hoạt động mua, trao đổi và dự trữ. Một doanh nghiệp tổ chức tốt hoạt động kinh doanh là doanh nghiệp đã xác định lượng nguyên vật liệu từng loại phù hợp và số lượng lao động cần thiết, đồng thời doanh nghiệp biết kết hợp tối ưu những yếu tố đó. Mục tiêu của dự trữ là đảm bảo cho quá trình sản xuất kinh doanh diễn ra liên tục, không bị gián đoạn do đó để đồng vốn sử dụng có hiệu quả đòi hỏi phải xác định được mức dự trữ hợp lý cũng như chất lượng hàng hoá đầu vào để tránh tình trạng ứ đọng vốn và tăng chi phí bảo quản.

Khâu sản xuất (đối với doanh nghiệp thương mại không có công đoạn này) ở đây phải bố trí cho công nhân theo đúng vị trí dây chuyền máy móc của quá trình công nghệ từ đó nâng cao năng suất lao động

Một số biện pháp nâng cao hiệu quả sử dụng vốn tại công ty cổ phần Cảng Vật Cách

Tiêu thụ sản phẩm (đối với doanh nghiệp hoạt động ở lĩnh vực dịch vụ là khâu cung ứng dịch vụ cho khách hàng) là khâu quyết định đến hiệu quả kinh doanh của doanh nghiệp. Vì vậy doanh nghiệp phải xác định giá bán, giá dịch vụ tối ưu đồng thời phải có những biện pháp thích hợp để thúc đẩy tiêu thụ sản phẩm, dịch vụ nhanh chóng. Khâu này quyết định đến doanh thu, lợi nhuận và là cơ sở để doanh nghiệp tái sản xuất.

1.4.6. Sự tác động của thị trường

Thị trường tiêu thụ sản phẩm có tác động rất lớn đến hiệu quả sử dụng vốn của doanh nghiệp. Nếu thị trường sản phẩm ổn định thì sẽ là tác nhân tích cực thúc đẩy cho doanh nghiệp tái sản xuất mở rộng và mở rộng thị trường

1.4.7. Trình độ sử dụng các nguồn vốn

Công cụ chủ yếu để theo dõi quản lý sử dụng vốn là hệ thống kế toán tài chính. Thực hiện tốt công tác kế toán tài chính của doanh nghiệp và đưa ra các quyết định đúng đắn. Mặt khác, đặc điểm của hạch toán kế toán toàn bộ doanh nghiệp luôn gắn với tính chất tổ chức sản xuất của doanh nghiệp nên cũng có tác động đến quản lý vốn. Vì vậy, thông qua công tác hạch toán mà thường xuyên kiểm tra tình hình sử dụng vốn của doanh nghiệp để tìm ra những hạn chế, từ đó có biện pháp giải quyết.

1.4.8. Các nhân tố khác

Ngoài các nhân tố trên còn có nhiều nhân tố khác quan khác ảnh hưởng đến hiệu quả sử dụng vốn như

Các chính sách vĩ mô của Nhà nước có tác động không nhỏ tới hiệu quả sử dụng vốn của doanh nghiệp

Sự tiến bộ của khoa học công nghệ

Môi trường tự nhiên

1.5. Giải pháp nâng cao hiệu quả sử dụng vốn

1.5.1. Bảo toàn và sử dụng vốn – nguyên tắc cơ bản trong quản lý và sử dụng vốn.

Hiện nay nền kinh tế thị trường đầy rủi ro, biến động do sự tác động của nhiều nhân tố, giá trị của nguồn vốn và tài sản của doanh nghiệp luôn biến động. Do đó nếu quan niệm rằng bảo toàn vốn chỉ bao gồm việc giữ nguyên số tuyệt đối, giá trị

Một số biện pháp nâng cao hiệu quả sử dụng vốn tại công ty cổ phần Cảng Vật Cách

tiền tệ của vốn sản xuất kinh doanh qua các thời kỳ là không phù hợp. Để bảo toàn vốn doanh nghiệp phải quan tâm đến giá trị thực (giá trị ròng) của các loại vốn nghĩa là khả năng tái sản xuất giá trị các yếu tố sản xuất đầu vào. Do vậy, yêu cầu bảo toàn vốn đối với các loại vốn trong mỗi doanh nghiệp là không giống nhau do những đặc điểm sản xuất, sản phẩm, dịch vụ và sự tham gia của các loại vốn trong quá trình sản xuất, đặc điểm của tái sản xuất... Nên yêu cầu bảo toàn vốn dài hạn và vốn ngắn hạn có sự khác nhau ở mỗi doanh nghiệp.

1.5.1.1. Nguyên tắc bảo toàn và phát triển vốn dài hạn

Việc bảo toàn và phát triển vốn cố định được đặt ra như một nhu cầu tất yếu của mỗi doanh nghiệp, nó xuất phát từ những lý do khách quan sau.

- Trong cơ cấu vốn kinh doanh của doanh nghiệp, vốn dài hạn thường chiếm tỷ trọng lớn. Nó ảnh hưởng đến tốc độ phát triển, khả năng cạnh tranh và hiệu quả kinh doanh của doanh nghiệp.

- So với chu kỳ vận động của vốn ngắn hạn thì chu kỳ vận động của vốn dài hạn hơn nhiều lần và phải mất nhiều năm mới hoàn đủ vốn ứng ra ban đầu cho chi phí về tài sản cố định. Trong thời gian đó đồng vốn bị đe dọa bởi các rủi ro do những nguyên nhân chủ quan và nguyên nhân khách quan. Chúng làm giảm hoặc thất thoát vốn như: lạm phát, sự phát triển của khoa học, công nghệ....

Từ những lý do chủ yếu trên ta thấy việc bảo toàn và phát triển vốn dài hạn là một trong những công việc rất quan trọng trong công tác quản lý và sử dụng vốn.

Trên lý thuyết việc bảo toàn vốn dài hạn là phải thu hồi toàn bộ phần giá trị đã đầu tư vào tài sản cố định. Điều này chỉ là lý tưởng và đúng trong điều kiện kinh tế không có lạm phát và không có sự hao mòn vô hình. Do đó trong thực tế việc thu hồi lại toàn bộ nguyên giá tài sản cố định sẽ trở nên không hiệu quả nếu như việc thu hồi đầy đủ giá trị thực của tài sản cố định và nguyên giá của tài sản cố định là hai đại lượng khác nhau. Song quan trọng là hai đại lượng này ít nhất phải có cùng sức mua để tạo ra một giá trị tài sản tương đương. Có như vậy vốn dài hạn mới được đảm bảo và thực hiện tái sản xuất tài sản cố định.

1.5.1.2. Nguyên tắc bảo toàn và phát triển vốn ngắn hạn

Do đặc điểm của vốn ngắn hạn là chuyển dịch giá trị một lần vào giá trị sản phẩm trong một chu kỳ sản xuất, hình thái giá trị của nó thay đổi qua các giai đoạn của quá trình sản xuất. Vì vậy, quản lý và sử dụng vốn ngắn hạn là khâu quan trọng trong quản lý tài chính doanh nghiệp, nó quyết định đến sự tồn tại và phát triển của doanh nghiệp. Như ta đã biết vốn ngắn hạn tồn tại dưới dạng tiền mặt, vật tư, hàng hoá... đây là những tài sản rất dễ gặp rủi ro do những tác động chủ quan từ phía doanh nghiệp và khách quan từ môi trường bên ngoài mang đến như:

- Sự ứ đọng vật tư, hàng hoá do việc sản xuất của doanh nghiệp không đáp ứng được nhu cầu của thị trường về thị hiếu, chất lượng sản phẩm, giá cả...

- Kinh doanh bị thua lỗ kéo dài hoặc bị chiếm dụng vốn quá nhiều trong thời gian dài dẫn đến thiếu hụt vốn ngắn hạn.

- Nền kinh tế bị lạm phát, giá cả tăng nhanh nên sau mỗi lần luân chuyển vốn ngắn hạn của doanh nghiệp bị mất dần theo tốc độ trượt giá. Mặt khác, vốn lưu động ở mỗi doanh nghiệp có ngành nghề kinh doanh khác nhau sẽ có cơ cấu tài sản lưu động khác nhau và sự luân chuyển vốn lưu động chịu ảnh hưởng của nhiều nhân tố khác nhau nên mỗi doanh nghiệp cần có phương pháp quản lý phù hợp. Tuy nhiên các doanh nghiệp phải dựa trên những nguyên tắc chung nhất cho việc bảo toàn và phát triển vốn lưu động của doanh nghiệp.

- Thời điểm kết thúc vòng quay của vốn nên tiến hành vào mỗi kỳ kế toán, vì vòng quay vốn ngắn hạn trùng với chu kỳ vốn kinh doanh.

- Đảm bảo tái sản xuất giản đơn và tài sản ngắn hạn

1.5.2. Giải pháp nâng cao hiệu quả sử dụng vốn

1.5.2.1. Vốn dài hạn

❖ Lựa chọn phương pháp tính khấu hao và xác định mức khấu hao hợp lý

Vốn dài hạn được thu hồi thông qua việc doanh nghiệp tính và trích lập quỹ khấu hao nên việc đảm bảo và trích đủ khấu hao có ý nghĩa rất quan trọng. Người quản lý không chỉ quan tâm đến tình hình tài sản cố định, mức độ tham gia của nó vào quá trình sản xuất kinh doanh mà còn phải quan tâm đến thời hạn sử dụng

Một số biện pháp nâng cao hiệu quả sử dụng vốn tại công ty cổ phần Cảng Vật Cách
nguồn vốn đầu tư, loại tài sản để lựa chọn phương pháp tính khấu hao cho phù hợp.

Hiện nay có nhiều phương pháp tính khấu hao tài sản khấu hao như: phương pháp tuyến tính, phương pháp lũy thoái... nhưng phổ biến nhất hiện nay các doanh nghiệp đang sử dụng bằng phương pháp khấu hao tuyến tính cố định (phương pháp khấu hao bình quân theo đường thẳng)

Theo phương thức này mức khấu hao hàng năm được tính theo công thức:

$$M_k = \frac{\text{Nguyên giá}}{T}$$

Trong đó: M_k : Mức trích khấu hao hàng năm

NG: Nguyên giá tài sản cố định

T: Thời gian sử dụng định mức của tài sản cố định

Tuy nhiên, tùy từng đặc điểm kinh doanh và điều kiện cụ thể của mỗi doanh nghiệp mà lựa chọn phương pháp khấu hao cho phù hợp để vừa đảm bảo thu hồi vốn nhanh vừa đảm bảo vốn và đỡ gây ra biến động lớn về giá thành. Vì vậy khi xác định mức khấu hao phải trích trong năm doanh nghiệp cũng nên xem xét các yếu tố sau:

- Hao mòn vô hình của tài sản cố định
- Nguồn vốn đầu tư vào tài sản cố định
- Quy định của Nhà nước trong việc tính khấu hao tài sản cố định
- ❖ **Nâng cao hiệu quả sử dụng tài sản cố định**

Để nâng cao hiệu quả sử dụng tài sản cố định các doanh nghiệp cần tận dụng tối đa công suất của máy móc, thiết bị giảm thời gian tác nghiệp, hợp lý hoá dây chuyền công nghệ, đảm bảo thực hiện nghiêm ngặt chế độ bảo dưỡng, tu bổ máy móc thiết bị áp dụng những chế độ khuyến khích vật chất và trách nhiệm đối với người quản lý và sử dụng tài sản cố định.

Ngoài ra để nâng cao hiệu quả dụng tài sản cố định các doanh nghiệp cần phải tổ chức sản xuất tốt quá trình sản xuất. Có nghĩa là tổ chức sản xuất trong doanh

Một số biện pháp nâng cao hiệu quả sử dụng vốn tại công ty cổ phần Cảng Vật Cách
nghiệp phải đảm bảo 3 nguyên tắc: tính cân đối, nhịp nhàng và liên tục. Thực hiện tốt những nguyên tắc này mang lại những tác dụng sau:

- Tiết kiệm thời gian trong sản xuất
 - Sử dụng hợp lý công suất và thời gian hoạt động của máy móc, thiết bị
 - Góp phần đảm bảo thời gian sản xuất cân đối, nhịp nhàng
 - Đảm bảo kế hoạch sản xuất.
- ❖ Sửa chữa, bảo dưỡng tài sản cố định

Công tác này có mục đích duy trì khả năng hoạt động bình thường cho tài sản cố định phải tiến hành định kỳ để có thể phát hiện, sửa chữa kịp thời những hỏng hóc, không phải đợi đến lúc sự cố xảy ra mới sửa chữa, thay thế. Đôi khi chi phí sửa chữa còn lớn hơn cả giá trị còn lại của tài sản cố định.

1.5.2.2. Vốn ngắn hạn

- ❖ Xác định chính xác nhu cầu vốn ngắn hạn ở từng khâu luân chuyển

Đây là một trong những nhiệm vụ trọng tâm trong công tác quản lý vốn ngắn hạn nhằm:

- Tiết kiệm vốn ngắn hạn sử dụng trong sản xuất kinh doanh
- Thông qua việc xác định nhu cầu vốn ngắn hạn ở từng khâu để nắm được lượng vốn ngắn hạn cần huy động, tránh ứ đọng vốn (nhất là vốn đi vay).

- ❖ Tổ chức khai thác tốt nguồn vốn ngắn hạn phục vụ cho sản xuất kinh doanh

Trước hết doanh nghiệp cần phải khai thác triệt để các nguồn vốn nội bộ và các khoản vốn có thể chiếm dụng một cách thường xuyên, sử dụng tiết kiệm có hiệu quả nguồn vốn này. Nếu không đủ doanh nghiệp có thể tìm thêm các nguồn vốn từ bên ngoài. Tuy nhiên doanh nghiệp cần phải cân nhắc tính toán và lựa chọn phương thức huy động sao cho phù hợp nhất.

- ❖ Thường xuyên phân tích tình hình sử dụng vốn ngắn hạn

Tăng cường kiểm tra tài chính với việc sử dụng vốn ngắn hạn, thực hiện công việc này thông qua một số chỉ tiêu sau: vòng quay vốn ngắn hạn, sức sinh lời vốn ngắn hạn. Trên cơ sở đó nắm được tình hình về vốn ngắn hạn trong doanh nghiệp, phát hiện những vướng mắc cần sửa chữa kịp thời nâng cao hiệu quả sử dụng vốn ngắn hạn.

Phần II

**THỰC TRẠNG HIỆU QUẢ SỬ DỤNG VỐN TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN
CẢNG VẬT CÁCH**

2.1. Giới thiệu chung về công ty Cổ phần Cảng Vật Cách

2.1.1. Quá trình hình thành và phát triển của Công ty cổ phần Cảng Vật Cách

Xí nghiệp xếp dỡ Vật Cách được chuyển đổi thành công ty Cổ phần Cảng Vật Cách. Công ty được thành lập với nguồn vốn điều lệ là 12 tỷ đồng Việt Nam trong đó có 30% vốn của Nhà nước, còn lại 70% vốn do các cổ đông trong Công ty đóng góp. Kể từ ngày 01 tháng 09 năm 2002 Công ty chính thức đi vào hoạt động.

- Tên công ty: Công ty cổ phần Cảng Vật Cách
- Tên tiếng anh: vatcach port joins stock company
- Trực thuộc: Tổng công ty Hàng Hải Việt Nam
- Trong vùng quản lý hàng hải của Cảng vụ: Hải Phòng
- Vị trí Cảng: 2053'16"N – 10636'48"E
- Địa chỉ: Km 9 - quốc lộ 5- P. Quán Toan- Q. Hồng Bàng- Tp. Hải Phòng
- Tel: (84.31) 3850018
- Fax: (84.31) 3850026
- Email: vatcachport@vnn.vn

Công ty Cổ phần cảng Vật Cách có trụ sở tại Km 9- đường 5- Quán Toan - Hồng Bàng - Hải Phòng. Vị trí bãi Cảng nằm ở hữu ngạn sông Cửa Cấm, cách Hải Phòng về phía thượng lưu 12 Km.

Xí nghiệp xếp dỡ Vật Cách bắt đầu được xây dựng từ năm 1968, ban đầu chỉ là những bến cảng thuộc dạng mố cầu có diện tích mặt bến (8mx8m). Xí nghiệp xếp dỡ Vật Cách là một thành viên của Cảng Hải Phòng, nằm cách xa trung tâm Cảng, vì vậy trong công cuộc đôi lúc còn gặp rất nhiều khó khăn, phương tiện kỹ thuật lạc hậu. Song cùng với sự nỗ lực của tập thể lãnh đạo và toàn thể cán bộ công nhân viên trong toàn Xí nghiệp, Xí nghiệp đã ngày càng được đổi mới. Xí nghiệp đã đầu tư mua thêm nhiều thiết bị nâng cấp có tính năng tác dụng rất cao trong khâu xếp dỡ hàng hoá. Từ đó đáp ứng nhu cầu của thị trường, chủ hàng, nâng cao đời sống

Một số biện pháp nâng cao hiệu quả sử dụng vốn tại công ty cổ phần Cảng Vật Cách
cho cán bộ công nhân viên trong toàn xí nghiệp, thực hiện nghĩa vụ với Ngân sách Nhà Nước ngày một cao hơn.

Thực hiện chủ trương chính sách của Đảng và Nhà nước chuyển đổi nền kinh tế thị trường theo định hướng của Nhà nước. Cảng Hải Phòng đã thực hiện đúng chủ trương đó tách Xí nghiệp xếp dỡ Vật Cách ra khỏi cảng Hải Phòng. Ngày 03 tháng 07 năm 2002 theo quyết định số 2080/2002/QĐBGTVT

Ban lãnh Đạo Công ty gồm:

Ông Đặng Ngọc Kiên	Chủ tịch HĐQT- Giám đốc
Ông Nguyễn Văn Phúc	Phó Giám đốc
Ông Hoàng Văn Đoàn	Phó Giám đốc
Ông Phạm Văn Sơn	Phó Giám đốc

2.1.2. Chức năng nhiệm vụ của Công ty cổ phần Cảng Vật Cách

2.1.2.1. Chức năng của Công ty cổ phần Cảng Vật Cách

- ♦ Dịch vụ xếp dỡ Hàng hoá (Chuyên làm các hàng: hàng sắt thép, hàng bao, hàng rời, hàng thiết bị và một số loại hàng khác)
- ♦ Kinh doanh cho thuê Kho, bến, bãi để chứa hàng.
- ♦ Dịch vụ đại lý vận tải và giao hàng hoá thông qua Cảng
- ♦ Vận tải hàng hoá đa phương thức
- ♦ Kinh doanh vật tư, vật liệu xây dựng, xăng dầu, sửa chữa cơ khí, phương tiện cơ giới thuỷ bộ.

2.1.2.2. Nhiệm vụ của Công ty

- Ký hợp đồng xếp dỡ, giao nhận bảo quản lưu kho hàng hoá với chủ hàng.
- Phụ trách việc xếp dỡ, bảo quản hàng hoá, nhận chuyển và giao hàng hoá cho chủ hàng và cho các tàu bè được chủ hàng uỷ nhiệm vận chuyển.
- Dẫn dắt các tàu ra vào Cảng và cung cấp các thứ cần thiết cho tàu (nguyên liệu dầu mỡ, than, củi...) và sửa chữa tàu, kể cả tàu nước ngoài.
- Xây dựng tu bổ các công trình thuộc phạm vi Cảng đảm bảo tàu đi lại thuận tiện an toàn (xây dựng bến, vét lòng lạch, sửa chữa phao đeo đường vận chuyển). Bảo quản thiết bị và sửa chữa các phương tiện hoạt động của Cảng tàu, canô, xà lan, cầu, các phương tiện vận chuyển bộ trong Cảng.

Một số biện pháp nâng cao hiệu quả sử dụng vốn tại công ty cổ phần Cảng Vật Cách

- Thi hành các luật pháp, điều lệ và các chính sách, chủ trương của Chính phủ của Bộ Giao thông và Bưu điện đối với Cảng Vật Cách.

- Giao hàng xuất khẩu ho phương tiện vận tải và nhận hàng nhập khẩu từ phương tiện vận tải nếu được uỷ thác.

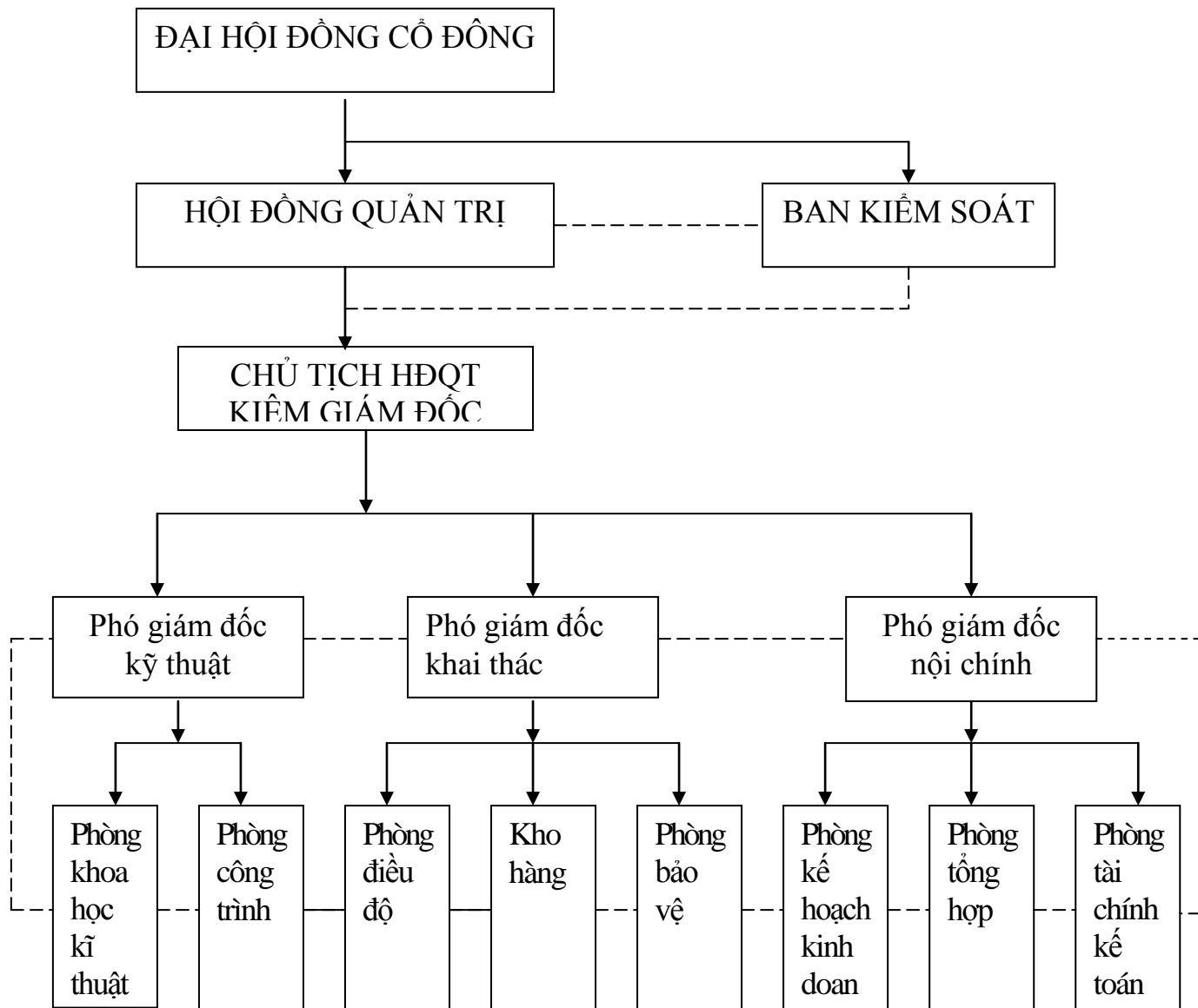
- Kê toán việc giao nhận hàng nhập khẩu và lập các chứng từ cần thiết tiến hành xếp dỡ vận chuyển bảo quản lưu kho hàng hoá.

2.1.3. Cơ cấu tổ chức của Công ty cổ phần Cảng Vật Cách

2.1.3.1. Bộ máy tổ chức của Công ty cổ phần Cảng Vật Cách

Tổ chức bộ máy quản lý doanh nghiệp là một vấn đề hết sức quan trọng trong quá trình sản xuất kinh doanh. Cùng với sự phát triển của nền kinh tế, Công ty cổ phần Cảng Vật Cách luôn quan tâm đến việc kiện toàn bộ máy quản lý sao cho phù hợp với năng lực sản xuất kinh doanh của Công ty. Bộ máy quản lý của công ty được tổ chức theo cơ cấu trực tuyến chức năng, từ Giám đốc công ty đến các phòng, phân xưởng, đội. Qua đó chức năng quản lý được chuyên môn hoá, tận dụng được năng lực của các cán bộ chuyên viên đầu ngành trong từng lĩnh vực. Các quyết định của bộ phận chức năng chỉ có ý nghĩa về mặt hành chính đối với các bộ phận trực tuyến khi đã thông qua người lãnh đạo cao nhất hay được người lãnh đạo cao nhất uỷ quyền. Các phân xưởng bố trí thực hiện nhiệm vụ sản xuất từ trên đưa xuống đảm bảo chất lượng được giao.

Sơ đồ 2: Bộ máy tổ chức hiện tại của Công ty CP Cảng Vật Cách



Ghi chú: —————> Đường trực tuyến
————— Đường chức năng
- - - - - Đường kiểm soát

(Nguồn: Phòng tổng hợp-công ty cổ phần Cảng Vật Cách)

2.1.3.2. Chức năng nhiệm vụ của các bộ phận

➤ **Các cấp quản lý của Công ty**

Đại hội đồng cổ đông: là cơ quan quyết định cao nhất của công ty bao gồm các cổ đông có quyền biểu quyết. Đại hội đồng cổ đông họp ít nhất mỗi năm một lần trong thời hạn không quá 120 ngày kể từ ngày kết thúc năm tài chính hoặc họp Đại hội đồng cổ đông bất thường theo các thủ tục quy định của Công ty.

Hội đồng quản trị (5 người) là cơ quan quản lý cao nhất của công ty, do đại hội đồng cổ đông bầu và bãi nhiệm, miễn nhiệm. Hội đồng quản trị có toàn quyền nhân danh công ty trước pháp luật để quyết định mọi vấn đề quan trọng liên quan đến mục đích, quyền lợi của Công ty trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.

Ban kiểm soát (3 người) kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp trong hoạt động quản lý của Hội đồng quản trị, hoạt động điều hành kinh doanh của Tổng giám đốc, trong ghi chép sổ kế toán và báo cáo tài chính. Kiểm soát, giám sát Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc điều hành trong việc chấp hành Điều lệ và nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

Chủ tịch hội đồng quản trị kiêm giám đốc là người đứng đầu công ty, chịu trách nhiệm trước Tổng công ty Hàng Hải Việt Nam và Nhà nước về mọi hoạt động kinh doanh của Công ty. Là người chịu trách nhiệm trước tập thể lãnh đạo công ty về kế hoạch, mục tiêu, chiến lược sản xuất kinh doanh và điều hành, kiểm tra các hoạt động của công ty.

Phó giám đốc (3 người) do hội đồng quản trị bổ nhiệm, miễn nhiệm, chịu trách nhiệm trước hội đồng quản trị và trước pháp luật về việc quản lý và điều hành hoạt động của Công ty. Các Phó giám đốc công ty là người giúp việc cho giám đốc, được giám đốc uỷ quyền hoặc chịu trách nhiệm trong một số lĩnh vực quản lý chuyên môn, chịu trách nhiệm trực tiếp với giám đốc về phần việc được phân công.

- *Phó Giám đốc nội chính*: Giúp Giám đốc phụ trách công tác nội chính, trực tiếp phụ trách các mặt về hành chính đời sống và các chế độ chính sách. Phụ trách

Một số biện pháp nâng cao hiệu quả sử dụng vốn tại công ty cổ phần Cảng Vật Cách

công tác tiền lương, y tế, bảo vệ, tự vệ, công tác tuyên truyền thi đua và hội đồng khen thưởng kỷ luật.

- *Phó giám đốc khai thác*: Giúp Giám đốc phụ trách công tác khai thác hàng hoá ở trong cầu và khu chuyên tải. Trực tiếp phụ trách trực ban, các đội xếp dỡ và các đơn vị kho bãi. Cân đối công việc trong sản xuất và hàng hoá vào các kho bãi của công ty.

- *Phó Giám đốc kỹ thuật*: Giúp Giám đốc phụ trách khâu kỹ thuật – công trình. Trực tiếp đội Cơ giới, đội Đẽ, đội Vệ sinh công nghiệp, kho Công cụ, phụ trách ban kỹ thuật vật tư, An toàn lao động. Tổ chức quản lý sử dụng, sửa chữa trang thiết bị kỹ thuật, sử dụng điện năng, nhiên liệu. Phụ trách công tác an toàn lao động, phòng cháy chữa cháy, phòng chống bão lụt, công tác sáng kiến cải tiến kỹ thuật.

- *Kế toán trưởng*: Có nhiệm vụ hạch toán thống kê các hoạt động sản xuất kinh doanh theo quy định của Nhà Nước. Tham mưu, giúp việc cho giám đốc để thực hiện nghiêm túc các quy định tài chính của Chính phủ. Phân tích các hoạt động sản xuất kinh doanh, thường xuyên cung cấp tình hình tài chính, nguồn vốn, hiệu quả sử dụng vốn. Lập các kế hoạch về vốn và tạo vốn cho các hoạt động sản xuất kinh doanh. Quản lý nguồn thu chi và tình hình sử dụng cá loại tài sản trong công ty, hạch toán các nguồn thu chi, lãi lỗ, lập báo cáo tài chính vào cuối kỳ.

➤ **Ban hành chính**

- *Các đội xếp dỡ trực tiếp*: 7đội xếp dỡ, 1 đội đóng gói và một đội chuyên làm hàng rời. Đây là lực lượng chủ yếu với nhiệm vụ giải phóng tàu và rút hàng từ kho bãi.

- *Các đội kỹ thuật*: Đội đẽ, đội Cơ giới, kho Công Cụ đều có chức năng chuyên môn hàng hoá của mình. Trực tiếp quản lý các phương tiện, thiết bị phục vụ cho quá trình sản xuất của Cảng.

- *Các đơn vị còn lại*: Hệ thống kho bãi, trực ban trung tâm, đội vệ sinh công nghiệp, đội bảo vệ... cũng đều có nhiệm vụ theo chuyên môn riêng mình và đều tập trung cùng toàn công ty hướng về mục tiêu chung là hoàn thành nhiệm vụ chung của công ty và đảm bảo đời sống của toàn công ty hướng về mục tiêu chung là

Một số biện pháp nâng cao hiệu quả sử dụng vốn tại công ty cổ phần Cảng Vật Cách
 hoàn thành nhiệm vụ chung của công ty và đảm bảo đời sống của cán bộ công nhân viên trong toàn công ty.

2.1.3.3. Cơ sở vật chất của Công ty

- ◆ Hệ thống cầu tàu L= 375 m (Dùng cho sà lan và tàu có trọng tải từ 2.000 đến 3.500 DWT cập bến).

Bảng 1: Hệ thống cầu tàu

Tên/số cột	Dài	Sâu	Loại tàu/hàng
Cầu số 1	61	-4,5	2000-3500B hoá
Cầu số 2	96	-4,5	-
Cầu số 3	96	-4,5	3000B hoá
Cầu số 4+5	125	-4	200B hoá+lồng
Cầu số 6	106	-4,7	3000B hoá

(Nguồn: Phòng hành chính tổng hợp- công ty cổ phần Cảng Vật Cách)

- ◆ Luồng vào cảng
 - Dài 20 km sâu: -3,7m môn nước: 3,7m – 3,3m
 - Chế độ thủy triều: Nhật triều, chênh lệch bình quân: 1,2m
 - Cầu lớn nhất tiếp nhận được tàu 3500DWT
- ◆ Thiết bị chính

Bảng 2: Thiết bị vận chuyển hàng hoá

Loại, kiểu	Số lượng	Sức nâng/tải/công suất
Cần trục chân đế:	06	5-36MT
Cần trục bánh lốp:	07	25-36MT
Xe nâng hàng:	04	4-7MT
Phương tiện vận chuyển (xe tải):	08	5-16MT
Phương tiện xúc gạt	01	

(Nguồn: phòng hành chính tổng hợp – Công ty Cổ phần Cảng Vật Cách)

◆ Kho bãi

- Tổng diện tích mặt bằng: 210.000m²
- Kho kín: 18.000m²
- Bãi: 130.000m²(Container: 1200m²)

◆ Hệ thống máy tính

14 bộ máy tính được sử dụng cho quản lý và điều hành sản xuất kinh doanh

◆ Đặc điểm máy móc thiết bị của Công ty

Máy móc thiết bị của doanh nghiệp hầu hết đều nhập từ nước ngoài. Thời gian sử dụng lâu năm, phải thường xuyên bảo dưỡng, sửa chữa định kỳ.

Hiện nay doanh nghiệp sử dụng 2 loại cần trục chính để chuyển hàng qua cầu tàu là:

1. Cần trục chân đế
2. Cần trục bánh lốp

◆ Cần trục chân đế có 3 loại:

1. Kirôp 5 tấn:

- Sức cầu sỏ dọc hai bên là 5 tấn
- Tầm với max 30 m.
- Phù hợp cho khai thác tàu sông pha biển.
- Ưu thế của Kirôp là sang mạn (lấy hàng từ sà lan sang tàu).

2. Kirôp 10 tấn:

- Sức cầu sỏ dọc hai bên là 10 tấn.
- Tầm với max 30 m.
- Tính năng: cầu hàng

3. Đế Cole:

- Sức cầu sỏ dọc hai bên: 10 tấn.
- Tầm với max 30m.

◆ Cần trục bánh lốp có 2 loại:

1. KC5363:

- Sức cầu max 25 tấn.

- Tính năng: cầu trên bãi, phù hợp cầu hàng từ cầu tàu xuống sà lan, xuống tàu.

2. Kato 40 tấn:

- Là loại cần trục chuyên phục vụ cầu những hàng có trọng tải lớn.

2.1.4. Phân tích hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty cổ phần Cảng Vật Cách

2.1.4.1. Đặc điểm về sản phẩm của Công ty

Là công ty kinh doanh dịch vụ nên sản phẩm chủ yếu của Công ty cổ phần Cảng Vật Cách là các dịch vụ bốc xếp hàng hoá, dịch vụ cho thuê kho bãi, dịch vụ đại lý vận tải. Do đó giá cả, chi phí mỗi sản phẩm dịch vụ khác nhau.

- Dịch vụ bốc xếp các mặt hàng: Hàng rời, hàng bao, máy móc thiết bị. Bốc xếp hàng hoá chuyển từ tàu lên hoặc từ trên bãi xuống tàu. Các mặt hàng bốc xếp chính gồm phân bón, 1 ương thực thực phẩm, sắt thép, xi măng, thạch cao, clinke, máy móc thiết bị.

- Dịch vụ chuyển tải qua cầu Cảng: Chuyển hàng từ tàu xuống sà lan tại vùng nước, bốc hàng từ sà lan lên bãi Cảng hoặc lên thẳng phương tiện vận chuyển của Cảng theo yêu cầu của chủ hàng

- Dịch vụ lưu kho bãi, cho thuê kho bãi: Có thể lưu tại kho, lưu tại bãi tùy theo yêu cầu của chủ hàng. Doanh nghiệp có trách nhiệm bảo quản hàng hoá, giao hàng đúng quy định, đúng thời gian, giao đủ hàng theo như quy định và các điều khoản đã kí kết

- Ngoài ra doanh nghiệp còn có nhiều dịch vụ khác như vận tải hàng hoá đa phương thức, sửa chữa cơ khí, phương tiện cơ giới thủy bộ và kinh doanh vật tư, xăng dầu

2.1.4.2. Đặc điểm về công nghệ

Công nghệ có ảnh hưởng rất lớn đến chỉ tiêu hiệu quả sử dụng vốn.

Tùy vào từng loại hình doanh nghiệp, tùy vào từng lĩnh vực mà doanh nghiệp kinh doanh để lựa chọn công nghệ phù hợp với doanh nghiệp của mình.

Nếu doanh nghiệp lựa chọn công nghệ đơn giản doanh nghiệp có điều kiện sử dụng máy móc thiết bị không yêu cầu cao về trình độ tay nghề lao động đồng thời công nghệ đơn giản thì doanh nghiệp sẽ cần một lượng lao động lớn. Trong trường

Một số biện pháp nâng cao hiệu quả sử dụng vốn tại công ty cổ phần Cảng Vật Cách

hợp mà lao động nhiều và chi phí lại rẻ hơn chi phí đầu tư máy móc thì doanh nghiệp đó sẽ có lợi nhuận. Tuy nhiên mặt hạn chế của nó chính là thời gian. Công nghệ sẽ ngày càng lạc hậu, năng suất lao động cũng sẽ giảm, dẫn đến sự giảm sút về chất lượng sản phẩm làm cho khả năng tiêu thụ sản phẩm của doanh nghiệp gặp nhiều khó khăn. Doanh thu và lợi nhuận sẽ giảm khi đó sẽ ảnh hưởng đến hiệu quả sử dụng vốn.

Bên cạnh đó sự phát triển của công nghệ hiện đại, máy móc sẽ nhanh chóng bị lạc hậu đòi hỏi doanh nghiệp phải khấu hao nhanh tài sản cố định để đổi mới thiết bị. Cùng với sự phát triển của nền kinh tế quốc dân và thanh tựu của khoa học kỹ thuật để đáp ứng yêu cầu của sản xuất, từng bước chiếm lĩnh thị trường trong ngành nói riêng và thị trường Việt Nam nói chung, Công ty cổ phần Cảng Vật Cách đã đầu tư nâng cao máy móc, thiết bị phục vụ cho việc vận chuyển hàng hoá như như mua sắm 2 cần trục KATO và TADANO.

2.1.4.3.Đặc điểm về nhân sự của Công ty

Trong những năm gần đây, tình hình lao động của Công ty có nhiều biến động, tổng số lao động tăng lên theo từng năm, điều đó phản ánh quy mô hoạt động của kinh doanh của công ty có chiều hướng phát triển mạnh mẽ. Số lao động tăng lên để đáp ứng với sự phát triển của thị trường và tình hình tăng trưởng của công ty.

Năm 2007 tổng số lao động của Công ty là 918 người nhưng đến năm 2008 đã là 947 người tăng 29 người tương ứng 3,21%. Như vậy, qua chỉ tiêu tổng số lao động ta thấy 2 năm gần đây Công ty đã thực hiện mục tiêu mở rộng quy mô sản xuất kinh doanh tạo công ăn việc làm cho hơn 900 lao động.

➤ Xét về cơ cấu lao động theo tính chất lao động

- Lao động trực tiếp: Là loại lao động chiếm tỷ trọng lớn trong tổng số lao động của Công ty, số lao động này tăng dần lên theo từng năm. Do đặc điểm lĩnh vực kinh doanh của Công ty mà đòi hỏi số lượng lao động trực tiếp cao hơn năm 2008 là 797 người tương ứng với tỷ lệ 81,2% Như vậy mặc dù chiếm tỷ trọng lớn nhưng tỷ trọng lao động trực tiếp lại giảm dần qua các năm.

- Lao động gián tiếp: Chiếm tỷ trọng tương đối nhỏ trong tổng số lao động, số lao động này cũng được bổ xung hàng năm và tỷ trọng của nó cũng tăng dần trong

Một số biện pháp nâng cao hiệu quả sử dụng vốn tại công ty cổ phần Cảng Vật Cách
thời gian qua. Năm 2008 là 150 người và tỷ lệ cũng tăng 15,8% so với năm 2007. Như vậy hiện nay công ty có xu hướng sắp xếp lại cơ cấu lao động để hình thành một cơ cấu tối ưu, bộ phận gián tiếp được sắp xếp theo hướng gọn nhẹ, phù hợp, đúng chức năng, giảm bớt những vị trí không cần thiết.

➤ **Xét theo giới tính**

- Lao động nam: Qua bảng số liệu ta thấy tỷ trọng lao động nam nhiều hơn lao động nữ, điều này hoàn toàn hợp lý vì đây là một công ty bóc xếp, vận chuyển hàng hoá vì tính chất công việc chỉ phù hợp với nam giới. Năm 2008 là 789 người tăng so với năm 2007, tỷ lệ này tăng 66,7%.

Như vậy, số lao động nam của công ty ngày càng tăng lên và tỷ trọng cũng dần tăng điều đó chứng tỏ công ty đã chú trọng đến việc tuyển dụng lao động phù hợp với tính chất công việc.

- Lao động nữ: số lao động nữ chiếm tỷ trọng rất nhỏ trong tổng số lao động. Năm 2008 số lao động 158 người tương ứng với tỷ lệ 33,3%.

Sự biến động của lao động nữ trong năm qua được giải thích như sau:

Năm 2007 số lao động nữ giảm do về chế độ dẫn đến số lao động nữ giảm. Tuy nhiên đến năm 2008 công ty đã có những điều chỉnh thích hợp để phù hợp với sự phát triển mạnh mẽ của Công ty.

➤ **Xét theo độ tuổi**

Bảng 3: Cơ cấu lao động theo độ tuổi

Đơn vị: Người

STT	Độ tuổi	Số lượng	Tỷ trọng (%)
1	18 – 25	237	25
2	25 – 35	407	43
3	35 – 45	199	21
4	45 – 60	104	11
5	Tổng	947	100

(Nguồn: Phòng hành chính tổng hợp-công ty Cổ phần Cảng Vật Cách)

Một số biện pháp nâng cao hiệu quả sử dụng vốn tại công ty cổ phần Cảng Vật Cách

Qua bảng ta thấy đội ngũ lao động của Công ty đang được trẻ hóa dần qua các năm. Số lao động từ 25 đến 30 tuổi luôn chiếm một tỷ trọng lớn nhất trong các nhóm tuổi là 43%. Bên cạnh những người đã có kinh nghiệm lâu năm thì đội ngũ nhân viên trẻ tiềm ẩn sức sáng tạo lớn, năng động, linh hoạt, dễ thích nghi với điều kiện công việc. Công ty đã chú trọng trong việc khai thác và sử dụng những ưu điểm này. Đây là lực lượng hùng hậu trong quá trình duy trì và tạo sự lớn mạnh cho công ty.

➤ *Theo trình độ học vấn*

Bảng 4: Cơ cấu lao động theo trình độ học vấn

Đơn vị: Người

Chỉ tiêu	Nam	Nữ	Cộng	Tỷ lệ (%)
Đại học	110	55	165	17,44
Cao đẳng	70	30	100	10,56
Trung cấp	70	20	90	9,5
THPT	539	53	592	62,5
Tổng	789	158	947	100

(Nguồn: Phòng hành chính tổng hợp-Công ty Cổ phần Cảng Vật Cách)

2.1.4.4. Khách hàng

Thị trường trong nước: là thị trường vững chắc và trải dài từ bắc vào nam, đáp ứng mọi mặt hàng theo yêu cầu của khách hàng

Thị trường nước ngoài vẫn đang là một thị trường tiềm năng đối với công ty. Vì nước ta mới ra nhập WTO nên thị trường ngày càng mở rộng đặc biệt là hoạt động xuất nhập khẩu.

Khách hàng truyền thống của công ty như:

Công ty Cổ phần Vận Tải Traphaco

Công ty Cổ phần Traco Phương Nam

Công ty TNHH TM và vận tải Tuấn Cường

2.1.4.5. Thuận lợi và khó khăn của Công ty cổ phần Cảng Vật Cách

➤ Những thuận lợi

Quá trình hội nhập kinh tế sẽ mang đến cho công ty những bạn hàng mới, những đối tác bên ngoài tạo điều kiện cho công ty ngày càng mở rộng và phát triển.

Có vị trí địa lý thuận lợi.

Có đội ngũ quản lý giỏi, có bằng cấp chuyên môn

Có đội ngũ công nhân lành nghề và ý thức tốt

Có thiết bị bốc xếp đầu tư mới, chuyên dụng

Chính quyền địa phương luôn quan tâm, tạo mọi điều kiện thuận lợi để Công ty phát triển phù hợp với chính sách của Đảng và Nhà nước

➤ Những khó khăn

Luồng vào Cảng bị cạn và sa bồi lớn, hàng năm phải tiến hành nạo vét nên chi phí cho phần này là rất lớn.

Cảng cổ phần Vật Cách cũng như nhiều Cảng khác thuộc khu vực Hải Phòng nằm trong khu vực nhiệt đới gió mùa nóng ẩm và mưa nhiều ảnh hưởng đến việc vận chuyển và bảo quản hàng hoá. Thời tiết thất thường ảnh hưởng đến tiến độ thực hiện kế hoạch kinh doanh của Công ty.

Giá của nguyên nhiên vật liệu, điện, nước tăng lên ảnh hưởng đến kết quả thực hiện kế hoạch về giá thành của Cảng.

Cùng với việc mang đến nhiều bạn hàng mới thì quá trình hội nhập cũng mang đến những đối thủ cạnh tranh mới cho Công ty.

2.1.4.6. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty cổ phần Cảng Vật Cách

Trong nền kinh tế hàng hoá nhiều thành phần, vận hành theo cơ chế thị trường có sự quản lý điều tiết vĩ mô của Nhà nước theo định hướng XHCN hiện nay đòi hỏi các doanh nghiệp phải hạch toán độc lập tự chủ. Hoạt động của các doanh nghiệp đã và đang phát triển mạnh mẽ cả về chiều rộng và chiều sâu

Một số biện pháp nâng cao hiệu quả sử dụng vốn tại công ty cổ phần Cảng Vật Cách

Thời kỳ hoạt động kinh doanh thương mại được mở rộng sản xuất kinh doanh trong nước cả về mặt lượng và mặt chất lượng hàng hoá, mở rộng quan hệ buôn bán trong và ngoài nước. Bất kể một doanh nghiệp nào ngay từ khi thành lập đều xác định được mục tiêu lợi nhuận và tôn chỉ “tối đa hoá lợi nhuận, tối thiểu hoá chi phí”.

Tuy mới tiến lên cổ phần hoá 7 năm nhưng cùng với sự nỗ lực hết mình của toàn thể cán bộ công nhân viên trong Công ty mà trong những năm qua công ty đã vượt mọi khó khăn thách thức để đem lại một kết quả đáng kể

Bảng 5: Các chỉ tiêu sản xuất kinh doanh chủ yếu của Công ty

Đơn vị: VN Đ

Chỉ tiêu	Năm		Chênh lệch cuối năm 2008/2007	
	31/12/2007	31/12/2008	Δ	% Δ
Sản lượng	2.300.000MT	2.325.282MT	25.282MT	1,1
Doanh thu thuần	75.937.003.343	102.119.200.393	26.182.197.050	34,48
Lợi nhuận trước thuế	15.924.878.703	34.622.233.917	18.697.355.215	117,41
Thu nhập bình quân người/ tháng	3.800.000	4.200.000	400.000	10,5263

(Nguồn: Phòng kinh doanh của công ty cổ phần cảng Vật Cách)

Việc đánh giá doanh thu nhằm thấy được tình hình nguồn thu của doanh nghiệp, các nguồn thu chủ yếu của hoạt động sản xuất kinh doanh nào đó. Từ đó mở ra hướng sản xuất nhằm tăng nguồn thu từ hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp.

Việc đánh giá doanh thu cho phép công ty biết khả năng sẵn có của mình để có định hướng mở ra các loại hình sản xuất để tăng nguồn thu cho doanh nghiệp.

Nhiệm vụ chính của Công ty cổ phần cảng Vật cách là xếp dỡ hàng hoá, giao nhận và bảo quản, cho thuê kho bãi. Do vậy nguồn thu chủ yếu của công ty là từ các hoạt động này và trong đó nguồn thu từ việc bốc xếp hàng hoá là nguồn thu lớn nhất, chiếm tỷ trọng lớn nhất trong tổng doanh thu.

Một số biện pháp nâng cao hiệu quả sử dụng vốn tại công ty cổ phần Cảng Vật Cách

Năm 2006 phát huy thành tích của các năm trước, cùng với sự cố gắng của toàn bộ cán bộ công nhân viên và công tác chỉ đạo đúng đắn phù hợp của ban cán bộ công ty, công ty cổ phần Cảng Vật Cách cơ bản đã hoàn thành các chỉ tiêu kế hoạch đề ra.

Năm 2007 doanh thu đạt 75.937.003.343 đồng tăng so với năm 2006 là 1.518.740.067 đồng tương ứng với tỷ lệ tăng là 2,04%. Năm 2008 doanh thu đạt 102.119.200.393 đồng tương ứng tỷ lệ tăng là 34,48 %. Trong đó doanh thu từ việc bốc xếp hàng hoá chiếm vị trí tỷ trọng cao trong tổng doanh thu. Năm 2008 doanh thu từ thu bốc xếp đạt 84.390.402.380 đồng tăng so với năm 2007 là 6.333.989.887 đồng tương ứng tỷ lệ tăng là 8,11%. Doanh thu tăng dẫn đến lợi nhuận tăng. Lợi nhuận năm 2008 tăng so với năm 2007 là 18.697.355.215 đồng tương ứng tỷ lệ tăng là 117,41%. Đây là một kết quả đáng khích lệ cho toàn thể công ty, giúp cho thu nhập của cán bộ công nhân viên tăng

Để hiểu rõ hơn ta nghiên cứu bảng sau:

Bảng 6: Tình hình thực hiện doanh thu của công ty cổ phần Cảng Vật Cách

Chỉ tiêu	Đơn vị	Giá trị		Chênh lệch	
		31/12/2007	31/12/2008	Số cuối năm 2008/2007	
				Δ	% Δ
1.Thu bốc xếp	vnd	78.056.412.493	84.390.402.380	6.333.989.887	8,11
-đầu ngoài	vnd	49.952.482.291	67.152.460.440	17.199.978.149	34,43
-Đầu trong	vnd	11.408.931.791	17.237.941.940	5.829.010.149	51,09
2.thu kho hàng	vnd	16.674.998.411	22.489.089.205	5.814.090.794	34,87
-Thu kho bãi	vnd	8.559.714.291	11.274.468.440	2.714.754.149	31,72
-Dịch vụ	vnd	8.115.284.120	11.214.620.765	3.099.336.645	38,19
3. Tổng	vnd	94.731.410.904	106.879.491.585	12.148.080.681	12,82

(Nguồn: Phòng kinh doanh của công ty cổ phần cảng Vật Cách)

Theo bảng trên ta thấy tổng doanh thu năm 2008 là 106.879.491.585 vnd tăng so với năm 2007 là 12.148.080.681 đồng tương ứng với tỉ lệ tăng là 12,82%

➤ **Thu bốc xếp**

Năm 2008 thu bốc xếp của công ty là 84.390.402.380 đồng so với năm 2007 thì tăng 8,11%. Thu bốc xếp bao gồm thu đầu ngoài (là cước phí xếp dỡ sản lượng

Một số biện pháp nâng cao hiệu quả sử dụng vốn tại công ty cổ phần Cảng Vật Cách
 hàng hoá thông qua cảng) và thu đầu trong (bao gồm thu bốc xếp, lưu kho, phí giao nhận). Năm 2008 thu đầu ngoài tăng 34,43% và còn thu đầu trong tăng 51,09% so với năm 2007 Thu bốc xếp tăng do các nguyên nhân.

- Cơ cấu mặt hàng thay đổi, những mặt hàng có giá cước cao chiếm tỷ trọng lớn.
- Do tổng sản lượng tăng và giá cước tăng nên doanh thu tăng.

➤ **Thu kho hàng**

Bao gồm lưu kho bãi, dịch vụ và phí cầu bến. Thu kho hàng năm 2008 đạt 22.489.089.205 đồng tăng 34,87% tương đương tăng 5.814.090.794 đồng so với năm 2007

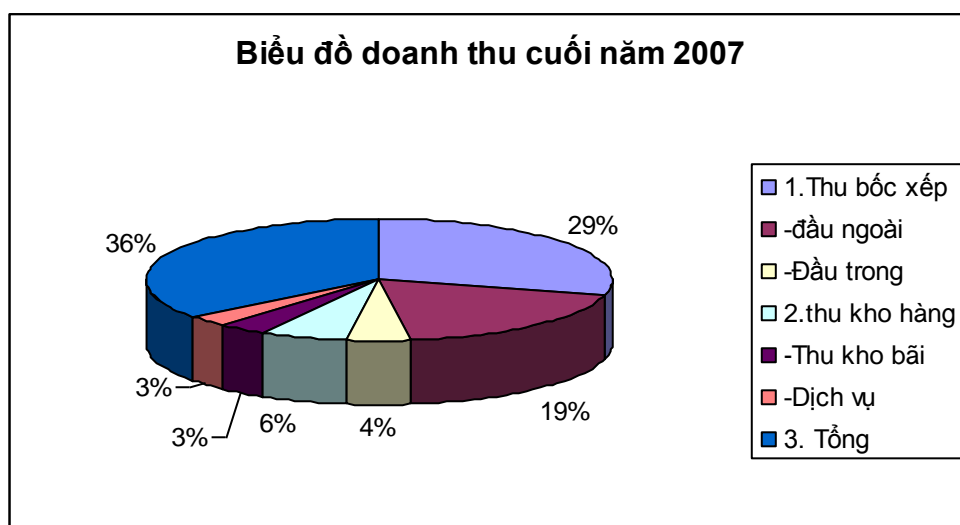
Cụ thể:

- Thu lưu kho bãi là: 2.714.754.149 đồng, tăng 31,72%
- Dịch vụ là: 3.099.336.645 đồng, tăng 38,19%

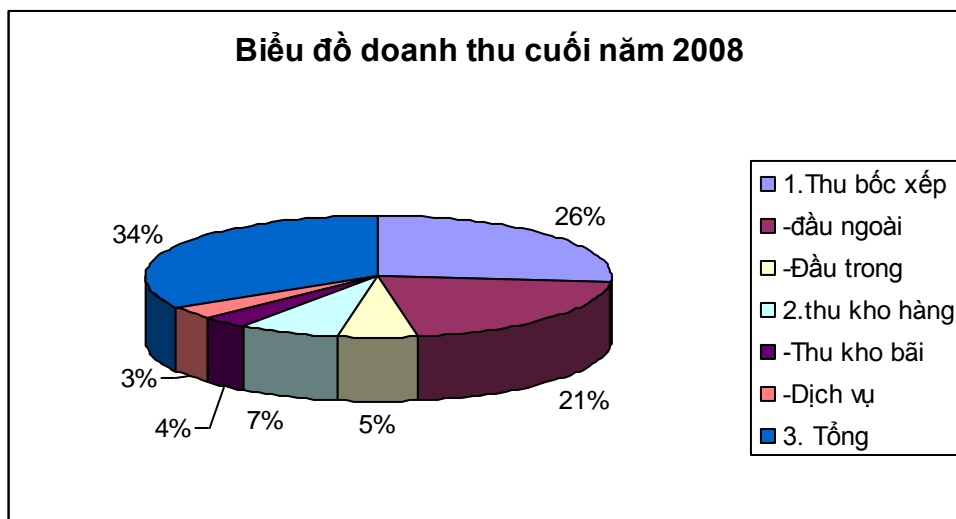
Thu kho hàng tăng do các nguyên nhân:

- Sản lượng hàng lưu kho giảm
- Một số kho có chất lượng bảo quản tốt nên cước lưu kho tăng

Biểu đồ1: Biểu đồ doanh thu cuối năm 2007 công ty cổ phần Cảng Vật Cách



Biểu đồ 2: Biểu đồ doanh thu năm 2008 công ty cổ phần Cảng Vật Cách



2.2. Đánh giá tình hình sử dụng vốn của Công ty cổ phần Cảng Vật Cách

2.2.1. Khái quát về tình hình nguồn vốn và sử dụng tài sản của công ty

2.2.1.1. Sự biến động của tài sản và nguồn vốn

Bảng 7: Sự biến động của tài sản và nguồn vốn

Đơn vị: VND

Chỉ tiêu	31/12/2007	31/12/2008	Chênh lệch cuối năm 2008/2007	
			Δ	% Δ
Tổng tài sản	107.107.494.102	128.588.926.174	21.481.432.072	100
Tài sản ngắn hạn	22.599.175.899	33.365.653.401	10.766.477.502	50,12
Tài sản dài hạn	84.508.318.203	95.223.272.773	10.714.954.570	49,88
Tổng nguồn vốn	107.107.494.102	128.588.926.174	21.481.432.072	100
Nợ phải trả	40.631.645.974	41.700.920.721	1.069.274.747	4,98
NVCSH	66.475.848.128	86.888.005.453	20.412.157.325	95,02

(Nguồn: Bảng cân đối kế toán của công ty cổ phần Cảng Vật Cách)

Qua số liệu tính toán trên có thể thấy được khái quát tình hình tài chính của Công ty trong 2 năm gần đây. Trước hết về quy mô tổng tài sản cũng như quy mô tổng nguồn vốn có xu hướng tăng lên. Năm 2008 tổng tài sản tăng so với năm 2007 là 21.481.432.072 đồng tương ứng tỷ lệ tăng là 20,05%. Việc tăng tài sản

Một số biện pháp nâng cao hiệu quả sử dụng vốn tại công ty cổ phần Cảng Vật Cách
 cũng như tăng nguồn vốn là do nhiều nguyên nhân chưa thể kết luận đầy đủ về tình hình tài chính của công ty. Ta cần đi sâu vào phân tích các chỉ tiêu kinh tế cụ thể.

2.2.1.2. Tình hình sử dụng và quản lý vốn của công ty cổ phần Cảng Vật Cách

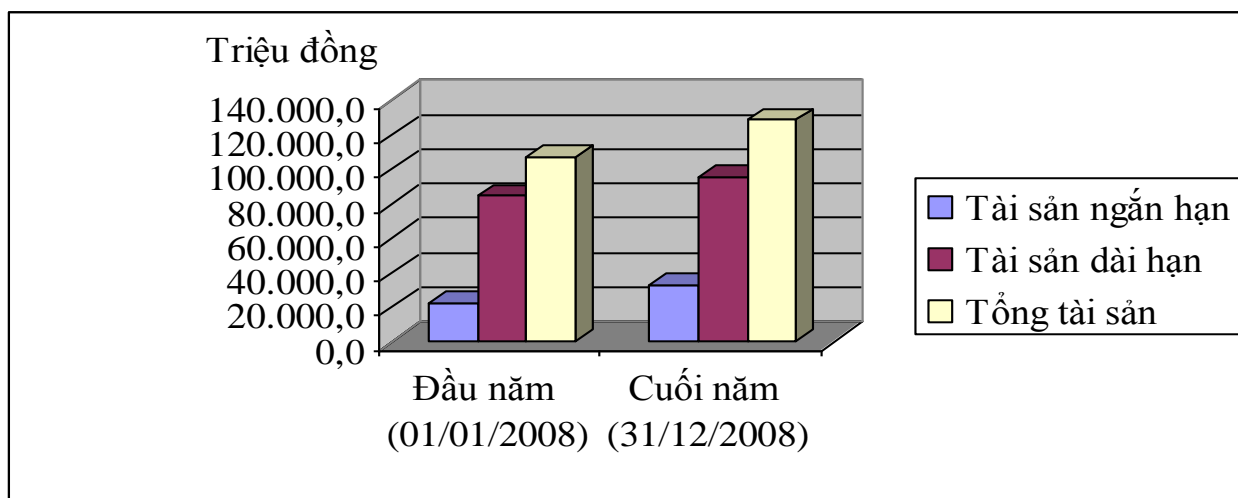
Bảng 8: Kết cấu tổng vốn của công ty

Đơn vị: VNĐ

Chỉ tiêu	31/12/2007	31/12/2008	Chênh lệch 2008/2007	
			Δ	%Δ
Vốn ngắn hạn	22.599.175.899	33.365.653.401	10.766.477.502	50,12
Vốn dài hạn	84.508.318.203	95.223.272.773	10.714.954.570	49,88
Tổng vốn	107.107.494.102	128.588.926.174	21.481.432.072	100

(Nguồn: Bảng cân đối kế toán của công ty cổ phần Cảng Vật Cách)

Biểu đồ3: Kết cấu tổng vốn công ty cổ phần Cảng Vật Cách



Qua bảng cơ cấu nguồn vốn kinh doanh của công ty ta thấy vốn dài hạn chiếm tỷ trọng cao trong tổng nguồn vốn. Năm 2007 vốn dài hạn chiếm 78,91% tổng vốn. Năm 2008 vốn dài hạn tăng so với năm 2007 là 10.714.854.570 đồng tuy nhiên tỷ trọng vốn dài hạn trong năm 2008 giảm so với năm 2007 là 4,85%. Vốn ngắn hạn năm 2008 tăng so với năm 2007 là 10.766.477.502 đồng. Vốn dài hạn tăng là do công ty đã đầu tư mua sắm thiết bị đổi mới công nghệ phục vụ cho hoạt động kinh

Một số biện pháp nâng cao hiệu quả sử dụng vốn tại công ty cổ phần Cảng Vật Cách
doanh. Vì công ty hoạt động trong lĩnh vực dịch vụ nên ta thấy tỷ trọng 2 loại vốn này khá hợp lý.

✚ **Xét kết cấu vốn ngắn hạn:**

Bảng 9: Kết cấu vốn ngắn hạn của công ty cổ phần Cảng Vật Cách

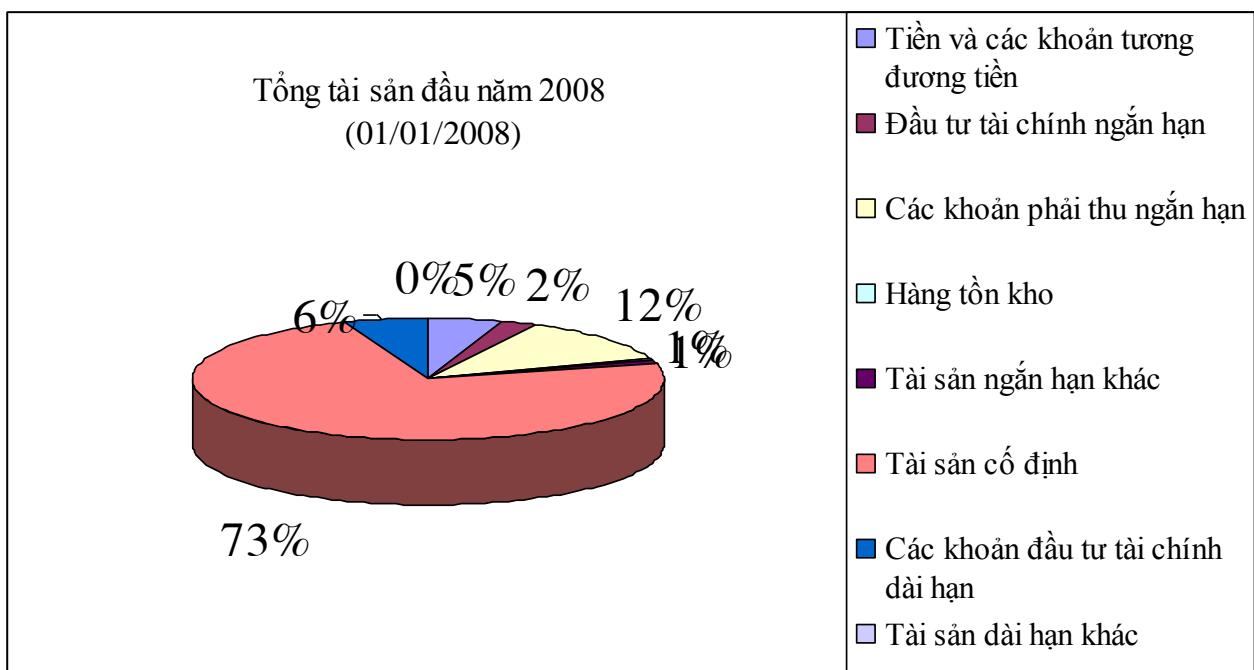
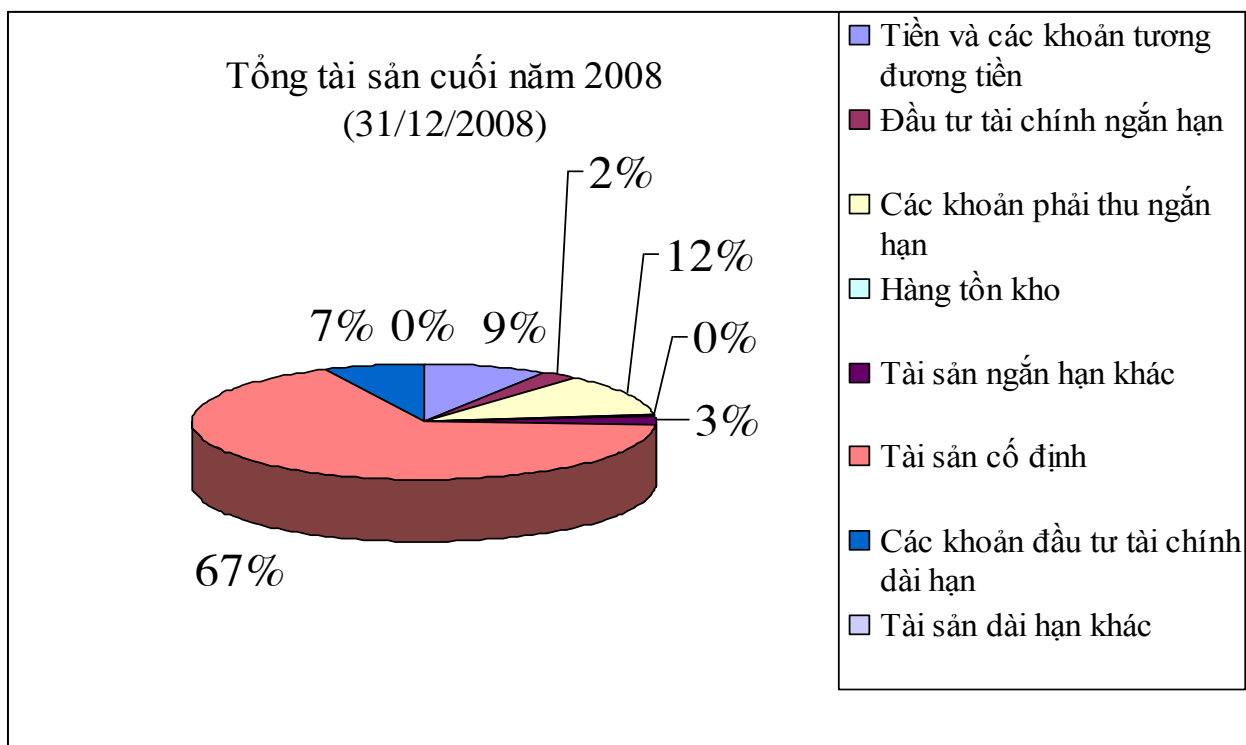
Đơn vị: VNĐ

Chỉ tiêu	31/12/ 2007	31/12/2008	Chênh lệch (Δ)	% Δ
Tài sản	107.107.494.102	128.588.926.174	21.481.432.072	20,06
1. Tiền	5.302.171.575	11.240.139.790	5.937.968.215	111,99
2.Các khoản phải thu	13.028.502.632	15.177.521.191	2.149.018.559	16,49
3. Hàng tồn kho	564.556.799	466.712.971	(97.843.828)	-17,33
4.Tài sản ngắn hạn khác	1.103.944.893	3.361.279.449	2.257.334.556	204,48
5. Tài sản dài hạn	84.508.318.203	95.223.272.773	10.714.954.570	12,68
6. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	2.600.000.000	3.120.000.000	520.000.000	20,00

(Nguồn: Bảng cân đối kế toán – Công ty cổ phần cảng Vật Cách)

Ta thấy vốn ngắn hạn của công ty bao gồm vốn bằng tiền, các khoản phải thu ngắn hạn, hàng tồn kho và các tài sản ngắn hạn khác. Trong đó các khoản phải thu chiếm tỷ trọng cao nhất năm 2007 chiếm 57,65%, năm 2008 chiếm 45,48%. Khoản vốn bằng tiền qua các năm tăng về số tuyệt đối và số tương đối. Tài sản ngắn hạn khác chiếm một phần không nhỏ trong tổng vốn ngắn hạn có xu hướng tăng năm 2007 là 1.103.944.893 đồng, năm 2008 đạt 3.361.279.449 đồng tăng so với năm 2007 là 2.257.334.556 đồng. Nguyên nhân là do công ty tăng các khoản chi tạm ứng, chi phí trả trước cho công nhân viên đi công tác, học hỏi kinh nghiệm,Hàng tồn kho của năm 2008 giảm so với năm 2007 và chiếm tỷ trọng rất nhỏ trong vốn ngắn hạn chủ yếu là nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ phục vụ cho quá trình bóc xếp hàng hoá, sửa chữa máy móc thiết bị...do công ty hoạt động trong lĩnh vực dịch vụ bóc xếp vận chuyển hàng hoá.

Biểu đồ 4: Kết cấu vốn ngắn hạn công ty cổ phần Cảng Vật Cách



Xét về kết cấu vốn dài hạn

Ta thấy tài sản cố định chiếm tỷ trọng cao nhất. Vì hoạt động chủ yếu của công ty cổ phần cảng Vật Cách là trong lĩnh vực bốc xếp vận chuyển hàng hoá thông qua cầu Cảng nên công ty phải đầu tư nhiều cho việc xây dựng hệ thống cơ sở hạ tầng như cầu Cảng, kho bến bãi để chứa hàng, máy móc thiết bị phục vụ cho quá trình vận chuyển, bốc xếp hàng hoá...

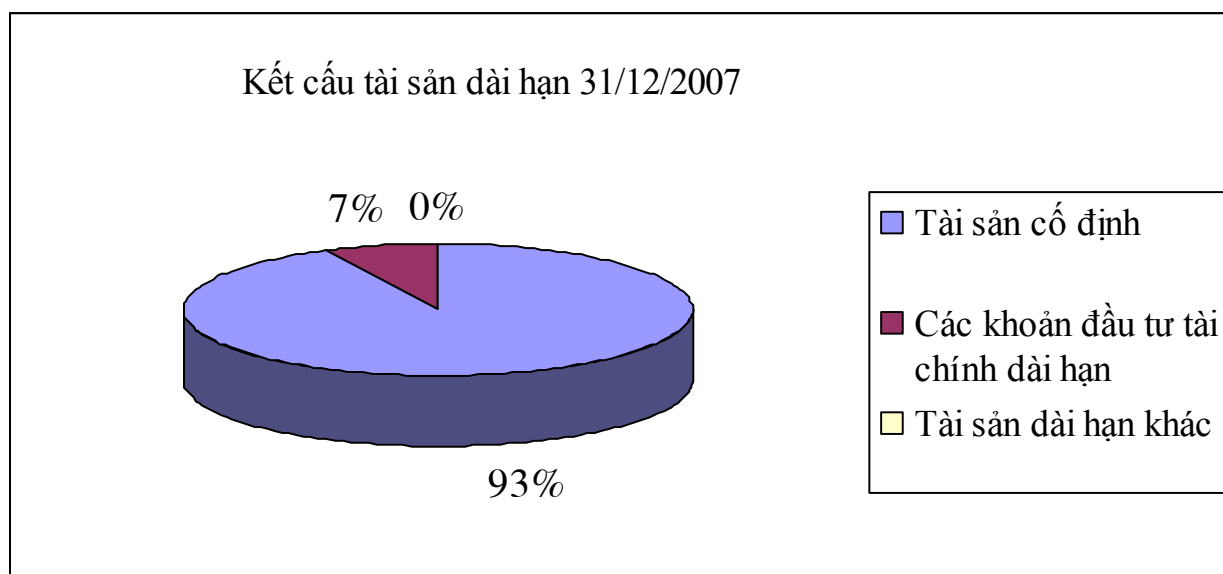
Bảng 10: Kết cấu vốn dài hạn của công ty cổ phần Cảng Vật Cách

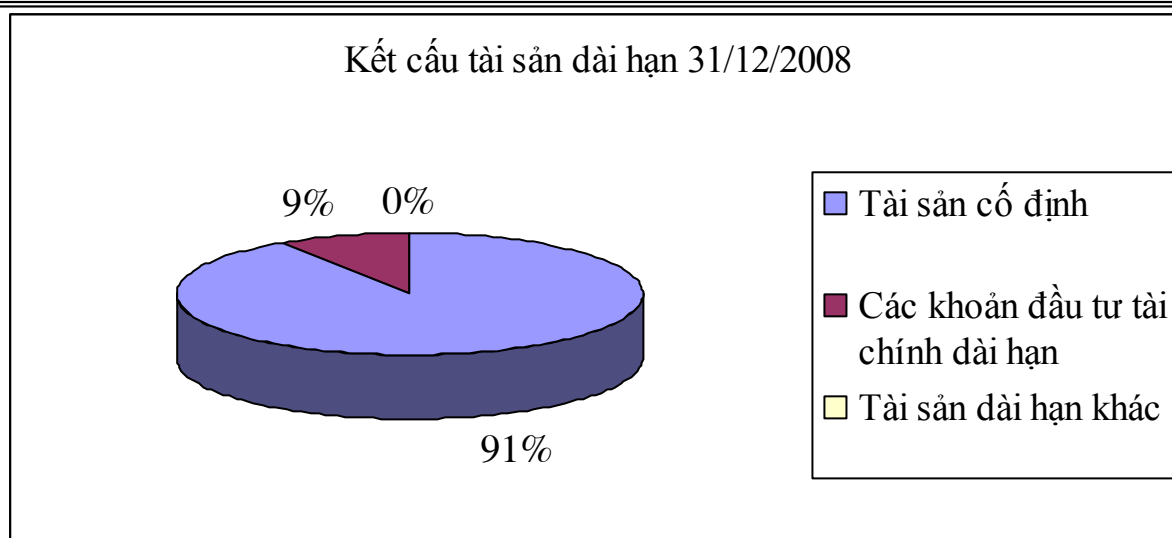
Đơn vị: VNĐ

Chỉ tiêu	31/12/ 2007	31/12/2008	Chênh lệch (Δ)	% Δ
Tài sản	107.107.494.102	128.588.926.174	21.481.432.072	20,06
1. Tài sản dài hạn	78.405.472.363	86.279.664.073	7.874.191.710	10,04
2. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	6.032.000.000	8.840.000.000	2.808.000.000	46,55
3. Tài sản dài hạn khác	70.845.840	103.608.700	32.762.860	46,25

(Nguồn: Bảng cân đối kế toán – Công ty cổ phần cảng Vật Cách)

Biểu đồ 5: Kết cấu vốn dài hạn công ty cổ phần Cảng Vật Cách





✚ Xét kết cấu nguồn vốn của công ty ta thấy

Bảng 11: Kết cấu nguồn vốn của công ty cổ phần Cảng Vật Cách

Đơn vị: VNĐ

Chỉ tiêu	31/12/ 2007	31/12/2008	Chênh lệch (Δ)	% Δ
Nguồn vốn				20,06
	107.107.494.102	128.588.926.174	21.481.432.072	
1. Nợ ngắn hạn	12.725.161.570	24.838.750.159	12.113.588.588	95,19
2. Nợ dài hạn	27.906.484.404	16.862.170.563	(11.044.313.842)	-
3. Nguồn vốn chủ sở hữu	66.475.848.128	86.888.005.453	20.412.157.325	30,71

(Nguồn: Bảng cân đối kế toán – Công ty cổ phần Cảng Vật Cách)

➤ Kết cấu vốn chủ sở hữu

Vốn chủ sở hữu chiếm tỷ lệ cao trong tổng nguồn vốn. Đây là nguồn vốn được bổ sung từ lợi nhuận giữ lại và sự đóng góp của các thành viên trong công ty.

Nguồn vốn kinh doanh chiếm phần lớn tổng nguồn vốn chủ sở hữu và đang có xu hướng tăng. Năm 2008 tăng so năm 2007 là 20.152.079.444 đồng tương ứng tỷ lệ tăng là 30,47%, năm 2007 tăng so với năm 2006 là 11.048.661.142 đồng tương ứng tỷ lệ tăng là 20,06%. Tuy nhiên tỷ trọng của vốn chủ sở hữu qua các năm có xu hướng giảm, cụ thể năm 2006 chiếm 99,7%; năm 2007 chiếm 99,4%; năm 2008 còn 99,3%.

Một số biện pháp nâng cao hiệu quả sử dụng vốn tại công ty cổ phần Cảng Vật Cách

Nguồn kinh phí và quỹ khác có xu hướng tăng năm 2006 có 155.233.461 đồng, năm 2007 là 343.509.236 đồng, tăng so với năm 2006 là 188.275.775 đồng tương ứng tỷ lệ tăng là 121,29%; năm 2008 là 603.587.117 đồng tăng so với năm 2007 là 260.007.881 đồng, tương ứng với tỷ lệ tăng là 75,71%.

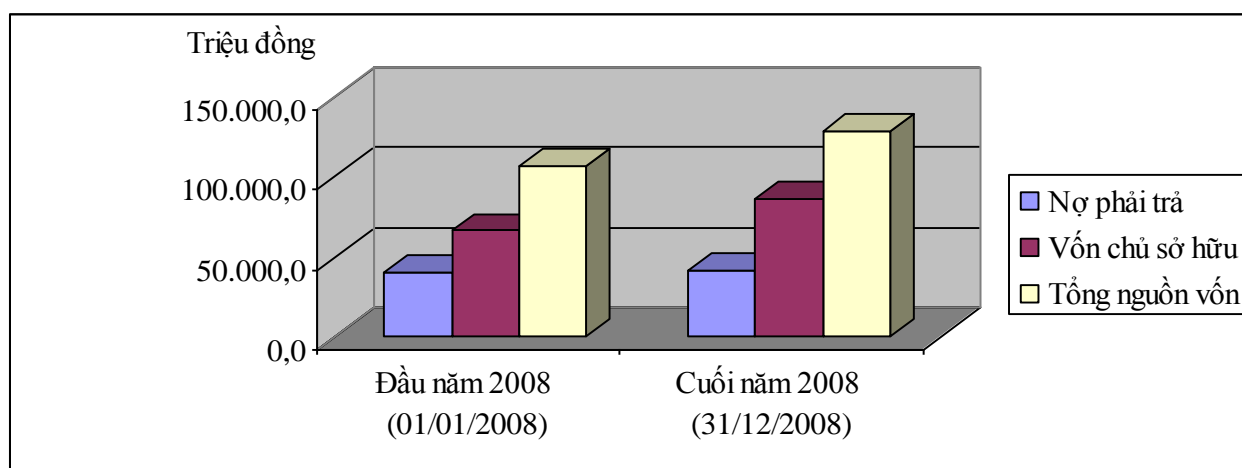
➤ *Kết cấu nợ phải trả:*

Nợ phải trả chiếm tỷ lệ vừa trong vốn chủ sở hữu, điều này cho thấy vốn kinh doanh của công ty được huy động phù hợp.

Nợ ngắn hạn năm 2007 giảm so với năm 2006 là 4.767.964.575 đồng chứng tỏ năm 2007 công ty vay ngắn hạn ít. Tuy nhiên đến năm 2008 do mở rộng quy mô kinh doanh, doanh nghiệp đã vay ngắn hạn nhiều làm cho nợ ngắn hạn tăng 12.113.588 đồng so với năm 2007.

Nợ dài hạn của công ty có xu hướng giảm dần qua các năm. Năm 2006 nợ 29.129.431.403 đồng nhưng đến năm 2007 khoản nợ này chỉ còn 27.906.484.404 đồng và đến năm 2008 chỉ còn 16.862.170.563 đồng. Do vốn chủ sở hữu của công ty nhiều đủ chi trả cho việc mua sắm đầu tư tài sản dài hạn và đầu tư dài hạn nên khoản vay dài hạn giảm dẫn đến nợ dài hạn của công ty giảm.

Biểu đồ 6: Kết cấu nguồn vốn công ty cổ phần Cảng Vật Cách



Bảng12: Kết cấu nợ phải trả

Đơn vị: VNĐ

Chỉ tiêu	31/12/ 2006	31/12/2007	31/12/2008	Chênh lệch số cuối năm 2007/2006		2008/2007	
				(Δ)	%Δ	(Δ)	%Δ
Nợ phải trả	47.622.557.548	40.631.645.974	41.700.920.721	(6.990.911.574)	(14,68)	1.069.274.747	2,63
I.Nợ ngắn hạn	17.493.126.145	12.725.161.570	24.838.750.159	(4.767.964.575)	(27,26)	12.113.588.588	95,19
II.Nợ dài hạn	29.129.431.403	27.906.484.404	16.862.170.563	(1.222.946.998)	(4,20)	(11.044.313.842)	-39,58

(Nguồn: Bảng Cân đối kế toán-công ty cổ phần Cảng Vật Cách)

Bảng13: Kết cấu vốn chủ sở hữu

Đơn vị: VNĐ

Chỉ tiêu	Năm 2006	Năm2007	Năm2008	Chênh lệch số cuối năm 2007/2006		Chênh lệch số cuối năm 2008/2007	
				Δ	%Δ	Δ	%Δ
Vốn chủ sở hữu	55.238.911.211	66.475.848.128	86.888.005.453	11.236.936.917	20,34	20.412.157.325	30,71
1. Vốn chủ sở hữu	55.083.677.750	66.132.338.892	86.284.418.335	11.048.661.142	20,06	20.152.079.444	30,47
2. Nguồn kinh phí quỹ khác	155.233.461	343.509.236	603.587.117	188.275.775	121,29	260.077.881	75,71

(Nguồn: Bảng Cân đối kế toán-công ty cổ phần Cảng Vật Cách)

2.2.1.3. Tình hình nguồn vốn và sử dụng nguồn vốn của Công ty

Bảng14: Tình hình nguồn vốn và sử dụng vốn của công ty cổ phần cảng Vật Cách

Đơn vị: VNĐ

Chỉ tiêu	31/12/2007	31/12/2008	chênh lệch (Δ)	% Δ
Tài sản	107.107.494.102	128.588.926.174	21.481.432.072	20,06
1. Tiền	5.302.171.575	11.240.139.790	5.937.968.215	111,99
2. Các khoản phải thu	13.028.502.632	15.177.521.191	2.149.018.559	16,49
3. Hàng tồn kho	564.556.799	466.712.971	(97.843.828)	(17,33)
4. Tài sản ngắn hạn khác	1.103.944.893	3.361.279.449	2.257.334.556	204,48
5. Tài sản dài hạn	84.508.318.203	95.223.272.773	10.714.954.570	12,68
6. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	2.600.000.000	3.120.000.000	520.000.000	20,00
Nguồn vốn	107.107.494.102	128.588.926.174	21.481.432.072	20,06
1. Nợ ngắn hạn	12.725.161.570	24.838.750.159	12.113.588.588	95,19
2. Nợ dài hạn	27.906.484.404	16.862.170.563	(11.044.313.842)	(39,58)
3. Nguồn vốn chủ sở hữu	66.475.848.128	86.888.005.453	20.412.157.325	30,71

(Nguồn: Bảng cân đối kế toán của công ty cổ phần Cảng Vật Cách)

Nguồn vốn của Công ty tăng qua các năm. Năm 2007 nguồn vốn của Công ty là 107.107.494.102 đồng nhưng đến năm 2008 nguồn vốn của Công ty đã là 128.588.926.174 đồng, nguồn vốn năm 2008 tăng so với năm 2007 là 21.481.432.072 đồng tương ứng với tỷ lệ tăng là 20,06%. Nguồn vốn của Công ty tăng là do:

- Nợ ngắn hạn tăng cụ thể là: Nợ ngắn hạn năm 2007 là 12.725.161.570 đồng, năm 2008 nợ ngắn hạn là 24.838.750.159 đồng tăng so với năm 2007 là 12.113.588.588 đồng tương ứng với tỷ lệ tăng là 95,19%.

- Vốn chủ sở hữu của công ty năm 2008 tăng so với năm 2007 là 20.412.157.325 đồng tương ứng với tỷ lệ tăng là 30,71 %. Vốn chủ sở hữu tăng nhằm đáp ứng nhu cầu đầu tư dài hạn của Công ty.

Một số biện pháp nâng cao hiệu quả sử dụng vốn tại công ty cổ phần Cảng Vật Cách

Bên cạnh đó Công ty đã thực hiện được công tác trả nợ thể hiện qua việc nợ vay dài hạn của Công ty giảm. Nợ dài hạn của công ty năm 2007 là 27.906.484.404 đồng, năm 2008 nợ dài hạn giảm còn 16.862.170.563 đồng tương ứng với tỷ lệ giảm là 39,58%.

2.2.1.4. Chi phí sử dụng vốn của Công ty

Vốn là nhân tố cần thiết của sản xuất. Cũng như bất kỳ một nhân tố nào khác, để sử dụng vốn, doanh nghiệp cần bỏ ra một chi phí nhất định. Chi phí của mỗi một nhân tố cấu thành gọi là chi phí nhân tố cấu thành của loại vốn cụ thể đó. Có thể hiểu chi phí vốn là chi phí cơ hội của việc sử dụng vốn, được tính bằng số lợi nhuận kỳ vọng đạt được trên vốn đầu tư vào dự án hoặc doanh nghiệp để giữ không làm giảm lợi nhuận dành cho chủ sở hữu. ĐỐI VỚI các doanh nghiệp đang sản xuất kinh doanh trong nền kinh tế thị trường nói chung và công ty cổ phần Cảng Vật Cách nói riêng việc phân tích tình hình sử dụng chi phí là rất quan trọng

Để có đủ vốn phục vụ cho sản xuất kinh doanh, doanh nghiệp phải huy động từ nhiều nguồn (nguồn bên trong và nguồn bên ngoài), mỗi nguồn có chi phí sử dụng khác nhau, do đó cần phải xác định chi phí sử dụng bình quân của các nguồn vốn đó. Để biết tình hình sử dụng chi phí của Công ty ta xem xét bảng số liệu sau:

Bảng 15: Đánh giá tình hình thực hiện chi phí

ĐVT: VN Đ

Chỉ tiêu	31/12/2007	31/12/ 2008	Chênh lệch (Δ)	TL (%Δ)
1. Giá vốn hàng bán	52.586.117.764	60.164.585.330	7.578.467.566	14,41
2. Chi phí quản lý doanh nghiệp	5.953.619.809	7.227.711.689	1.274.091.880	21,40
3. Tổng chi phí (1+2)	58.539.737.573	67.392.297.019	8.852.559.446	15,12
4. Doanh thu thuần	75.937.003.343	102.119.200.393	26.182.197.050	34,48
5. (4-3)	17.397.265.770	34.726.903.374	17.329.637.604	99,61
6. Hiệu quả sử dụng chi phí	1,30	1,52	0,22	16,81

(Nguồn: Bảng Báo cáo kết quả kinh doanh- công ty cổ phần Cảng Vật Cách)

Một số biện pháp nâng cao hiệu quả sử dụng vốn tại công ty cổ phần Cảng Vật Cách

- Giá vốn hàng bán của Công ty năm 2008 là 60.164.585.330 đồng, tăng so với năm 2007 (52.586.117.764 đồng) là 7.578.467.566 đồng tương ứng với tỷ lệ tăng là 14,41%. Đây là tỷ lệ tăng khá cao do Công ty tăng chi phí hoạt động sản xuất kinh doanh. Nguyên nhân là do sự biến động của các chi phí đầu vào như sự tăng giá của nguyên vật liệu đầu vào, tiền lương trả cho lao động thời vụ. Trong những năm qua cùng với việc mở rộng sản xuất kinh doanh, Công ty luôn quan tâm đến việc bảo hộ lao động. Vì vậy mà Công ty đã đầu tư nhiều tỷ đồng để mua sắm các thiết bị phòng cháy chữa cháy, quần áo bảo hộ, mở các lớp huấn luyện an toàn về lao động... Thêm vào đó do lượng sa bồi ngày càng tăng, Công ty cũng phải đầu tư nhiều tỷ đồng để nạo vét khơi thông luồng lạch.

- Chi phí quản lý doanh nghiệp của Công ty năm 2008 là 9.693.319.673 đồng tăng so với năm 2007 là 1.293.286.049 đồng, tương ứng với tỷ lệ tăng là 15,4%. Chi phí năm 2008 tăng là do Công ty đã đầu tư thêm các trang thiết bị, máy móc, vi tính cho bộ phận quản lý doanh nghiệp, tuyển thêm nhân viên cho một số phòng ban như phòng điều độ, phòng tài chính kế toán, phòng tổng hợp, phòng kỹ thuật, do sản lượng hàng hoá thông qua Cảng ngày càng nhiều, chủng loại hàng hoá phong phú, tính chất công việc ngày càng phức tạp. Để giải quyết những khó khăn trên, ngoài việc tuyển dụng thêm nguồn nhân lực, Công ty còn tăng cường mở các lớp bồi dưỡng cán bộ quản lý, tăng chi phí để mở các lớp huấn luyện nâng cao trình độ tiếp cận khoa học kỹ thuật hiện đại...

- Hiệu quả sử dụng chi phí năm 2007 là 1,3 nghĩa là cứ một đồng chi phí bỏ vào sản xuất kinh doanh thu được 1,3 đồng doanh thu thuần. Chỉ tiêu này năm 2008 là 1,52 tăng 0,22 lần so với năm 2007 tương ứng với tỷ lệ tăng là 16,81%. Qua đó thấy được năm 2008 Công ty đã sử dụng chi phí đầu vào hiệu quả.

Trong thời gian tới công ty cần có biện pháp để sử dụng chi phí một cách hiệu quả hơn nhằm giảm giá thành, nâng cao sức cạnh tranh trên thị trường, góp phần nâng cao hiệu quả sử dụng vốn.

2.2.1.5. Tình hình quản lý và đổi mới tài sản cố định của Công ty

Phân tích hiệu quả sử dụng vốn dài hạn là một trong những công việc quan trọng có thể đánh giá hiệu quả sử dụng vốn kinh doanh của doanh nghiệp. Qua các chỉ

Một số biện pháp nâng cao hiệu quả sử dụng vốn tại công ty cổ phần Cảng Vật Cách
 tiêu ta có thể thấy được ảnh hưởng của vốn dài hạn đến kết quả kinh doanh của công ty. Vậy để nghiên cứu vốn dài hạn ta cần xem xét tình hình tài sản cố định của công ty

Bảng16: Kết cấu tài sản của công ty cổ phần Cảng Vật Cách

Đơn vị: VNĐ

Chỉ tiêu	31/12/2007		31/12/2008		Chênh lệch số cuối năm		
	Giá trị	TT%	Giá trị	TT%	2008/2007		
					Δ	TL %Δ	TT%Δ
1.Nhà cửa, vật kiến trúc	19.601.368.091	25,00	21.569.916.018	25,00	1.968.547.927	10,04	25,00
2. Máy móc, thiết bị sản xuất	22.789.302.980	29,07	24.303.470.319	28,17	1.514.167.339	6,64	19,23
3. Phương tiện vận tải	18.038.492.480	23,01	19.757.536.143	22,90	1.719.043.663	9,53	21,83
4.Dụng cụ quản lý	17.976.308.812	22,92	20.648.741.593	23,93	2.672.432.781	14,87	33,94
Cộng	78.405.472.363	100	86.279.664.073	100	7.874.191.710	10,04	100,00

(Nguồn: Bảng cân đối kế toán - công ty cổ phần Cảng Vật Cách)

Nhận xét: Qua bảng số liệu trên ta thấy:

Tổng nguyên giá tài sản cố định hiện có bình quân của công ty năm 2008 tăng so với năm 2007 là 7.874.191.710 đồng tương ứng với tỷ lệ 10,04%. Trong đó:

Nhà cửa vật kiến trúc năm 2008 tăng so với năm 2007 là 1.968.547.927 đồng tương ứng với tỷ lệ tăng là 10,04%.

Phương tiện vận tải chiếm tỷ trọng cao trong tổng giá trị tài sản cố định. Điều này hoàn toàn hợp lý đối với một công ty kinh doanh trong lĩnh vực dịch vụ hàng hải. Năm 2008 tăng so với năm 2007 là 1.719.043.663 đồng tương ứng với tỷ lệ 9,53%. Qua đó ta thấy công ty có chủ trương mở rộng kinh doanh dịch vụ hàng hải trong thời kỳ đất nước hội nhập.

Máy móc thiết bị cũng chiếm tỷ trọng khá cao, năm 2008 tăng 1.514.167.339 đồng so với năm 2007 ứng với tỷ lệ tăng 6,64%

Một số biện pháp nâng cao hiệu quả sử dụng vốn tại công ty cổ phần Cảng Vật Cách

Dụng cụ quản lý năm 2008 tăng so với năm 2007 là 2.672.432.781 đồng tương ứng với tỷ lệ tăng là 14,87%.

Nhìn chung ta thấy công ty có chú trọng vào công tác đầu tư tài sản cố định như nhà kho, xây dựng bên bãi bốc xếp hàng hoá, phương tiện vận tải.

2.2.2. Đánh giá hiệu quả sử dụng vốn

2.2.2.1. Phân tích hiệu quả sử dụng tổng vốn

Ta thấy hoạt động sản xuất kinh doanh thực chất là hoạt động nhằm mục đích kiếm lời thông qua các nguồn lực vốn có. Vì vậy hiệu quả sử dụng vốn kinh doanh là biểu hiện hợp nhất hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp. Đánh giá được hiệu quả sử dụng vốn kinh doanh sẽ thấy được trình độ quản lý và sử dụng vốn của doanh nghiệp, từ đó tìm ra những giải pháp để nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh và tiết kiệm vốn

Bảng 17: Hiệu quả sử dụng tổng vốn của Công ty
Đơn vị tính: VNĐ

Chỉ tiêu	Giá trị		Chênh lệch số cuối năm	
	31/12/2007	31/12/2008	2008/2007	
			Δ	TL% Δ
1. Doanh thu thuần	75.937.003.343	102.119.200.393	26.182.197.050	34,48
2. Lợi nhuận trước thuế	15.924.878.703	34.622.233.917	18.697.355.214	107,17
3. Lợi nhuận sau thuế	14.332.390.832	31.160.010.526	16.827.619.694	117,41
4. Tổng vốn bình quân	104.484.481.430	117.848.210.138	12.863.728.708	12,25
5. Vốn chủ sở hữu bình quân	60.857.379.669	76.681.926.790	15.824.547.121	26
6. Lãi vay	2.328.822.283	1.630.364.813	-698.457.470	-29,99
7. Tổng nguồn vốn	107.107.494.102	128.588.926.174	21.481.432.072	20,06
8. Vòng quay tổng vốn (1/4)	0,72	0,87	0,14	19,80
9. Doanh lợi vốn kinh doanh	15,17	26,44	11,27	74,31
10. Doanh lợi vốn chủ sở hữu (ROE) (2/4)	23,55	40,64	17,08	72,54
11. Doanh lợi doanh thu (2/1)	18,87	30,51	11,64	61,67
12. Ebit/ tổng vốn bình quân	17,39	30,76	13,38	76,93
13. Lãi suất vay bình quân(%)	12	12		

(Nguồn: Phòng kinh doanh- công ty cổ phần Cảng Vật Cách)

Một số biện pháp nâng cao hiệu quả sử dụng vốn tại công ty cổ phần Cảng Vật Cách

Qua bảng số liệu trên ta thấy:

- Vòng quay tổng vốn có xu tăng làm cho số ngày chu chuyển vốn kinh doanh giảm đây là dấu hiệu cho thấy trình độ tổ chức và sử dụng thích hợp vốn kinh doanh của công ty. Năm 2007 một đồng vốn của Công ty bỏ ra kinh doanh quay được 72 vòng, đến năm 2008 một đồng vốn bỏ ra kinh doanh quay được 87 vòng tăng cao hơn năm 2007 là 14 vòng.

- Doanh lợi vốn kinh doanh (ROA) năm 2007 là 15,17 điều này cho thấy cứ một trăm đồng vốn bỏ ra kinh doanh sẽ thu được 15,17 đồng lợi nhuận. Năm 2008 cứ một trăm đồng vốn bỏ ra thu được 26,44 đồng lợi nhuận điều đó cho thấy khả năng sinh lời của vốn kinh doanh có chiều hướng tăng khá cao.

- Doanh lợi vốn chủ sở hữu tăng, năm 2007 là 23,55 nghĩa là cứ một trăm đồng vốn chủ sở hữu tạo ra 23,55 đồng lợi nhuận sau thuế thì đến năm 2008 một trăm đồng vốn tạo ra 40,64 đồng lợi nhuận sau thuế. Tốc độ tăng của lợi nhuận sau thuế nhanh hơn so với tốc độ tăng của vốn chủ sở hữu. Qua đó ta thấy công ty sử dụng vốn chủ một cách hợp lý

- Chỉ tiêu lợi nhuận sau thuế trên doanh thu cho biết một đồng doanh thu thu được trong kỳ mang lại cho Công ty bao nhiêu đồng lợi nhuận sau thuế. Năm 2008 kết quả này của công ty là 30,51 nghĩa là cứ một trăm đồng doanh thu mang lại 30,51 đồng lợi nhuận sau thuế, cao hơn so với năm 2007 (chỉ đạt 18,87) là 11,64. Chứng tỏ doanh nghiệp đã tiết kiệm được chi phí, nâng cao lợi nhuận.

- Tỷ số Ebit trên tổng vốn bình quân phản ánh một đồng vốn bình quân kinh doanh trong kỳ tạo ra bao nhiêu đồng lợi nhuận trước thuế và lãi vay. Cụ thể năm 2008, 100 đồng vốn bỏ ra kinh doanh thu được 30,76 đồng lợi nhuận trước thuế và lãi vay, năm 2007 100 đồng vốn bỏ ra kinh doanh trong kỳ tạo ra 17,39 đồng lợi nhuận trước thuế và lãi vay. Trong đó lãi suất vay năm 2007 và năm 2008 là 12%. Lãi suất vay bình quân nhỏ hơn tỷ suất Ebit trên tổng vốn bình quân chứng tỏ hiệu quả sử dụng vốn vay của doanh nghiệp là rất tốt.

Vậy qua các chỉ tiêu trên ta thấy hiệu quả sử dụng vốn của công ty cổ phần Cảng Vật Cách tăng cao cho thấy công ty đã làm ăn có lãi, quy mô kinh doanh ngày càng mở rộng và có uy tín trên thị trường. Để đánh giá chính xác hiệu quả sử dụng vốn

Một số biện pháp nâng cao hiệu quả sử dụng vốn tại công ty cổ phần Cảng Vật Cách
 của công ty cần phân tích hiệu quả sử dụng vốn dài hạn và vốn ngắn hạn của doanh nghiệp.

2.2.2.2. Phân tích hiệu quả sử dụng vốn dài hạn

Ta thấy phân tích hiệu quả sử dụng vốn dài hạn là một trong những công việc quan trọng có thể đánh giá hiệu quả sử dụng vốn kinh doanh của doanh nghiệp. Qua các chỉ tiêu ta có thể thấy được ảnh hưởng của vốn dài hạn đến kết quả kinh doanh của công ty.

Bảng 18: Hiệu quả sử dụng vốn dài hạn của Công ty

Đơn vị: VNĐ

Chỉ tiêu	Giá trị		Chênh lệch số cuối năm	
	31/12/2007	31/12/2008	2008/2007	
			Δ	TL% Δ
1. Doanh thu thuần	75.937.003.343	102.119.200.393	26.182.197.050	34,48
2. Lợi nhuận sau thuế	14.332.390.832	31.160.010.526	16.827.619.694	117,41
3. Vốn dài hạn bình quân	84.605.162.517	89.865.795.488	5.260.632.971	5,85
4. Nguyên giá tài sản cố định bình quân	135.322.411.123	154.728.125.883	19.405.714.760	14,34
5. Hiệu suất sử dụng vốn dài hạn (1/3)	0,9	1,14	0,24	26,61
6. Hiệu suất sử dụng tài sản cố định (1/4)	0,56	0,66	0,1	17,61
7. Hiệu quả sử dụng vốn dài hạn (2/3)	0,17	0,35	0,18	104,68
8. Sức sinh lời TSCĐ(2/4)	0,11	0,20	0,10	90,14
9. Suất hao phí (4/1)	1,78	1,52	-0,27	-14,98

(Nguồn: Phòng kinh doanh- công ty cổ phần Cảng Vật Cách)

Nhận xét:

Từ bảng số liệu trên cho thấy trong năm 2008 số vốn dài hạn bình quân của công ty là 89.865.795.488 đồng tăng so với năm 2007 là 5.260.632.971 đồng tương ứng tỷ lệ tăng là 5,85%, nguyên giá TSCĐ bình quân tăng 14,34%.

Một số biện pháp nâng cao hiệu quả sử dụng vốn tại công ty cổ phần Cảng Vật Cách

- Hiệu suất sử dụng vốn dài hạn năm 2007 là 0,9 tức là cứ một đồng vốn dài hạn bình quân khi tham gia hoạt động sản xuất kinh doanh sẽ tạo ra được 0,9 đồng doanh thu. Hiệu suất sử dụng vốn năm 2008 là 1,14 tăng so với năm 2007 về số tuyệt đối là 0,24, tương ứng với tỷ lệ tăng là 26,61%. Nhận thấy chỉ tiêu này của công ty năm 2008 tăng so với năm 2007 nguyên nhân là do năm 2008 lượng hàng hoá thông qua Cảng tăng mạnh làm cho doanh thu tăng lên nhanh. Doanh nghiệp đã đầu tư vốn để mua sắm thêm một số máy móc thiết bị hiện đại, xây thêm và nâng cấp kho bãi và cầu Cảng, mua sắm thiết bị an toàn lao động, thiết bị phòng cháy chữa cháy để đáp ứng nhu cầu của công việc, nâng cao năng lực phục vụ của Cảng. Dựa vào kết quả trên ta có thể thấy được việc đầu tư của Công ty đã có những cải thiện đáng kể

- Chúng ta xét đến hiệu quả sử dụng vốn dài hạn của công ty năm 2008 là 0,35 tức là cứ một đồng vốn dài hạn bình quân thì tạo ra 0,35 đồng lợi nhuận sau thuế và tăng so với năm 2007 là 0,18 đồng tương ứng tỷ lệ tăng là 104,68%. Qua đó càng chứng tỏ lượng vốn dài hạn của công ty để tạo ra một đồng doanh thu tăng, hiệu suất sử dụng vốn dài hạn cao. Có sự biến động này là do sự tăng cao của lợi nhuận sau thuế so với tốc độ tăng của vốn dài hạn

- Hiệu suất sử dụng tài sản cố định năm 2008 là 0,66 nghĩa là cứ một đồng tài sản cố định trong kỳ tạo ra 0,66 đồng doanh thu thuần. Trị số này tăng so với năm 2007 là 0,1 tương ứng với tỷ lệ tăng là 17,61%.

- Sức sinh lời của tài sản cố định năm 2007 là 0,11 nghĩa là trung bình một đồng tài sản cố định trong kỳ tạo ra 0,11 đồng lợi nhuận sau thuế. Năm 2008 là 0,2 tăng so với năm 2007 là 0,1 tương ứng với tỷ lệ tăng là 90,14%.

Qua phân tích một số chỉ tiêu trên ta có thể thấy tình hình sử dụng vốn dài hạn của Công ty là tương đối hợp lý. Tuy vậy kết quả đạt được chưa cao, Công ty cần chú trọng đến các giải pháp nâng cao hiệu quả sử dụng vốn dài hạn trong những năm tới vì vốn dài hạn đóng vai trò rất quan trọng đối với doanh nghiệp, nhất là đối với doanh nghiệp có lượng vốn dài hạn chiếm tỷ trọng lớn trong tổng vốn kinh doanh như công ty cổ phần Cảng Vật Cách.

2.2.2.3. Phân tích hiệu quả sử dụng vốn ngắn hạn

Trong quá trình sản xuất kinh doanh thì vốn ngắn hạn là một yếu tố không thể thiếu. Để đánh giá đúng thực trạng sử dụng vốn ngắn hạn của công ty ta xem xét bảng số liệu sau:

Bảng 19: Hiệu quả sử dụng vốn ngắn hạn của Công ty

Đơn vị : VNĐ

Chỉ tiêu	Giá trị		CL số cuối năm 2008/2007	
	31/12/2007	31/12/2008	Δ	TL%Δ
1. Doanh thu thuần	75.937.003.343	102.119.200.393	26.182.197.050	34,48
2. Lợi nhuận trước thuế	15.924.878.703	34.622.233.917	18.697.355.214	117,41
3. Lợi nhuận sau thuế	14.332.390.832	31.160.010.526	16.827.619.694	117,41
4. Hàng tồn kho bình quân	407.895.572	515.634.885	-107.739.313	-26,41
5. Khoản phải thu bình quân	12.502.179.393	14.103.011.912	1.600.832.520	12,8
6. Giá vốn hàng bán	52.586.117.764	60.164.585.330	7.578.467.570	14,41
7. Vốn ngắn hạn bình quân	19.879.318.913	27.982.414.650	8.103.095.737	40,76
8. Vòng quay vốn ngắn hạn	3,82	3,65	-0,17	-4,46
9. Số ngày một vòng quay vốn ngắn hạn	94,24	98,65	4,4	4,67
10. Số vòng quay hàng tồn kho	128,92	116,68	-12,24	-9,49
11. Số ngày một vòng quay hàng tồn kho	2,68	1,65	1,03	38,43
12. Vòng quay các khoản phải thu	6,07	7,24	1,17	19,27
13. Kỳ thu tiền bình quân	59,27	49,72	-9,55	-16,11
14. 3 / 7	0,72	1,11	0,39	54,45
15. Vốn ngắn hạn bình quân/doanh thu thuần	0,26	0,27	0,01	4,67

(Nguồn: Phòng kế toán – công ty cổ phần Cảng Vật Cách)

Nhận xét: Qua bảng 15 ta thấy:

- Giá vốn hàng bán của Công ty năm 2008 tăng lên 7.578.467.566 đồng tương ứng với tỷ lệ tăng là 14,41% so với năm 2007. Giá vốn tăng là do sự biến động giá cả của các yếu tố chi phí đầu vào. Tuy giá vốn hàng bán tăng nhưng có tốc độ tăng nhỏ hơn so với tốc độ tăng của doanh thu (34,48%), chứng tỏ Công ty đã sử dụng các yếu tố đầu vào có hiệu quả.

- Năm 2008 lợi nhuận sau thuế của Công ty đạt 31.160.010.526 đồng, tăng so với năm 2007 là 16.827.619.694 đồng tương ứng với tỷ lệ tăng là 117,41%. Kết quả này cho thấy việc kinh doanh của Công ty ngày càng hiệu quả, có lợi nhuận để

Một số biện pháp nâng cao hiệu quả sử dụng vốn tại công ty cổ phần Cảng Vật Cách

chia cho các cổ đông và lợi nhuận giữ lại nhằm mở rộng quy mô sản xuất kinh doanh, nâng cao năng lực cung cấp dịch vụ Cảng.

- Tốc độ luân chuyển vốn ngắn hạn: Chỉ số này được đo bằng 2 chỉ tiêu: Số vòng quay vốn ngắn hạn và kỳ luân chuyển vốn ngắn hạn (số ngày của một vòng quay vốn).

+ Số luân chuyển vốn (số vòng quay vốn ngắn hạn): Vòng quay vốn ngắn hạn năm 2007 là 3,82 vòng, năm 2008 là 3,65vòng. Số vòng quay của công ty tương đối cao tuy nhiên năm 2008 có dấu hiệu giảm so với năm 2007, công ty cần xem xét lại để tránh bị ứ đọng vốn.

+ Kỳ luân chuyển vốn ngắn hạn: Năm 2007 số ngày của 1 vòng là 94,24 ngày, năm 2008 số ngày của 1 vòng quay vốn ngắn hạn tăng 4,4 ngày, tương ứng tỷ lệ tăng là 4,67%

- Hệ số đảm nhiệm vốn ngắn hạn: Năm 2007, hệ số này là 0,26 phản ánh để đạt được 1 đồng doanh thu cần 0,26 đồng vốn ngắn hạn. Năm 2008 để đạt được 1 đồng doanh thu cần 0,27 đồng vốn ngắn hạn, tăng 0,01 đồng so với năm 2007. Điều này chứng tỏ, vốn ngắn hạn của công ty bị sử dụng có hiệu quả. Đây này là dấu hiệu không tốt trong sử dụng và quản lý ngắn hạn.

- Tỷ suất lợi nhuận vốn ngắn hạn (mức doanh lợi vốn ngắn hạn): Tỷ suất lợi nhuận cho ta biết 1 đồng vốn ngắn hạn có thể tạo ra bao nhiêu đồng lợi nhuận. Tỷ suất lợi nhuận vốn ngắn hạn năm 2007 là 0,72 phản ánh cứ 1 đồng vốn ngắn hạn tạo ra 0,72 đồng lợi nhuận. Năm 2008, hệ số này tăng 1,11 đồng tức 1 đồng vốn ngắn hạn tạo ra 1,11 đồng lợi nhuận tăng so với năm 2007 là 0,39 tương ứng với tỷ lệ tăng là 54,45%

- Vòng quay hàng tồn kho của công ty năm 2008 là 116,68 vòng, nhỏ hơn vòng quay hàng tồn kho năm 2007 cho thấy năm qua tốc độ quay vòng của hàng tồn kho giảm so với năm trước. Năm 2007, trong một kì kinh doanh hàng tồn kho luân chuyển được 128,92 vòng thì sang năm 2008, hàng tồn kho luân chuyển được 116,68 vòng. Hàng tồn kho của Công ty chủ yếu là nguyên nhiên vật liệu tồn kho, công cụ dụng cụ, chiếm tỷ lệ rất nhỏ trong tài sản lưu động. Chỉ tiêu vòng quay hàng tồn kho giảm là do trong kì doanh thu tăng nhanh và trị giá nguyên nhiên

Một số biện pháp nâng cao hiệu quả sử dụng vốn tại công ty cổ phần Cảng Vật Cách

liệu, công cụ dụng cụ tồn kho tăng. Hàng tồn kho bình quân tăng chứng tỏ doanh nghiệp chưa làm tốt công tác xác định nhu cầu sử dụng nguyên nhiên liệu, để tồn kho nhiều sẽ ảnh hưởng đến vốn kinh doanh và có rủi ro về giá cả.

- Số ngày tồn kho năm 2008 là 3,08 ngày, tăng so với năm 2007 (2,79 ngày) đã phản ánh tốc độ quay vòng hàng tồn kho chưa được cải thiện. Năm 2007, để hàng tồn kho quay được một vòng cần 2,79 ngày thì năm 2008 phải mất 3,08 ngày để hàng tồn kho quay được một vòng. Nếu Công ty cung cấp nguyên nhiên liệu, công cụ dụng cụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh được đảm bảo liên tục, đầy đủ thì chỉ tiêu số ngày tồn kho giảm và vòng quay hàng tồn kho tăng cho thấy nguyên nhiên liệu, công cụ dụng cụ phục vụ cho sản xuất kinh doanh bị ứ đọng giảm, công tác thu mua, dự trữ nguyên nhiên liệu phục vụ sản xuất kinh doanh đã hợp lý và hiệu quả hơn.

- Chỉ tiêu kì thu tiền bình quân dùng để đo lường hiệu quả và chất lượng quản lý khoản phải thu. Chỉ tiêu này của công ty năm 2008 giảm so với năm 2007 nhưng vẫn còn khá cao, là 49,72 ngày. Kết quả này đã phản ánh chính sách quản lý các khoản phải thu của công ty chưa được thực hiện một cách hợp lý. Công ty để cho các đối tượng như khách hàng, người bán nợ lâu. Như vậy là vốn của Doanh nghiệp bị chiếm dụng lâu, ảnh hưởng đến vốn kinh doanh của Doanh nghiệp. Trong thời gian tới công ty nên quan tâm cải thiện hiệu quả ở mặt này.

- Chỉ tiêu vòng quay vốn ngắn hạn của năm 2008 là 3,65 vòng cho biết trong kỳ kinh doanh vừa qua vốn ngắn hạn quay vòng được 3,65 lần, giảm so với năm 2007 (3,82 lần). Số vòng quay vốn ngắn hạn giảm làm cho số ngày một vòng quay vốn ngắn hạn của năm 2008 là 98,65, tăng so với năm 2007, tuy nhiên sự biến động này không lớn. Nhìn chung số vòng quay vốn ngắn hạn của Công ty là thấp. Trong thời gian tới Công ty nên có các biện pháp tăng vòng quay vốn ngắn hạn nhằm đẩy nhanh tốc độ tạo doanh thu.

Hiệu quả sử dụng vốn ngắn hạn ảnh hưởng rất lớn đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty. Chính vì vậy, để nâng cao kết quả sản xuất kinh doanh đòi hỏi công ty phải xác định đúng nhu cầu vốn ngắn hạn cho từng kỳ, đồng

Một số biện pháp nâng cao hiệu quả sử dụng vốn tại công ty cổ phần Cảng Vật Cách
thời có biện pháp nâng cao số vòng quay của vốn ngắn hạn cũng như số ngày của 1 vòng quay vốn.

Nhìn chung, qua đánh giá các chỉ tiêu hiệu quả sử dụng vốn ngắn hạn ta thấy kết quả doanh nghiệp đạt được không cao và có xu hướng giảm hiệu quả so với năm trước. Do vậy, doanh nghiệp cần có các biện pháp để nâng cao hiệu quả sử dụng vốn ngắn hạn như xác định nhu cầu vốn hợp lý, giảm hàng tồn kho, giảm các khoản phải thu ngắn hạn cho công ty...Nâng cao hiệu quả sử dụng vốn sẽ góp phần tăng lợi nhuận của công ty và thực hiện mục tiêu phát triển bền vững

2.2.2.4. Phân tích phương trình Dupont

➤ Tỷ suất doanh lợi tài sản (ROA)

$$\text{ROA} = \frac{\text{Lợi nhuận sau thuế}}{\text{Tổng vốn bình quân}}$$

$$\begin{aligned}\text{ROA}_{2007} &= \frac{14.332.390.832}{104.484.481.430} \\ &= 13,71\%\end{aligned}$$

$$\begin{aligned}\text{ROA}_{2008} &= \frac{31.160.010.526}{117.848.210.138} \\ &= 26,44\%\end{aligned}$$

Ta thấy doanh lợi vốn kinh doanh năm 2008 tăng 26,44% so với năm 2007. Năm 2007 cứ một đồng vốn đầu tư vào tài sản công ty sẽ thu được 13,71 đồng lợi nhuận sau thuế. Năm 2008 cứ một đồng vốn đầu tư vào tài sản sẽ thu được 26,44 đồng lợi nhuận sau thuế. Chỉ tiêu này đo lường khả năng sinh lợi trên mỗi đồng tài sản của doanh nghiệp. Chỉ số này của công ty là 26,44 là tương đối tốt, do sức sinh lợi căn bản của công ty khá cao (sức sinh lợi căn bản là chỉ tiêu phản ánh khả năng sinh lời căn bản của công ty, nghĩa là chưa kể đến ảnh hưởng của thuế và đòn bẩy tài chính. Chỉ tiêu này được tính bằng lợi nhuận trước thuế và lãi vay trên tổng tài sản.

➤ **Tỷ suất thu hồi vốn góp (ROE)**

$$\text{ROE} = \frac{\text{Lợi nhuận sau thuế}}{\text{Nguồn vốn chủ sở hữu bình quân}}$$
$$\text{ROE}_{2007} = \frac{14.332.390.832}{60.857.379.669} = 23,55\%$$
$$\text{ROE}_{2008} = \frac{31.160.010.526}{76.681.926.790} = 40,64\%$$

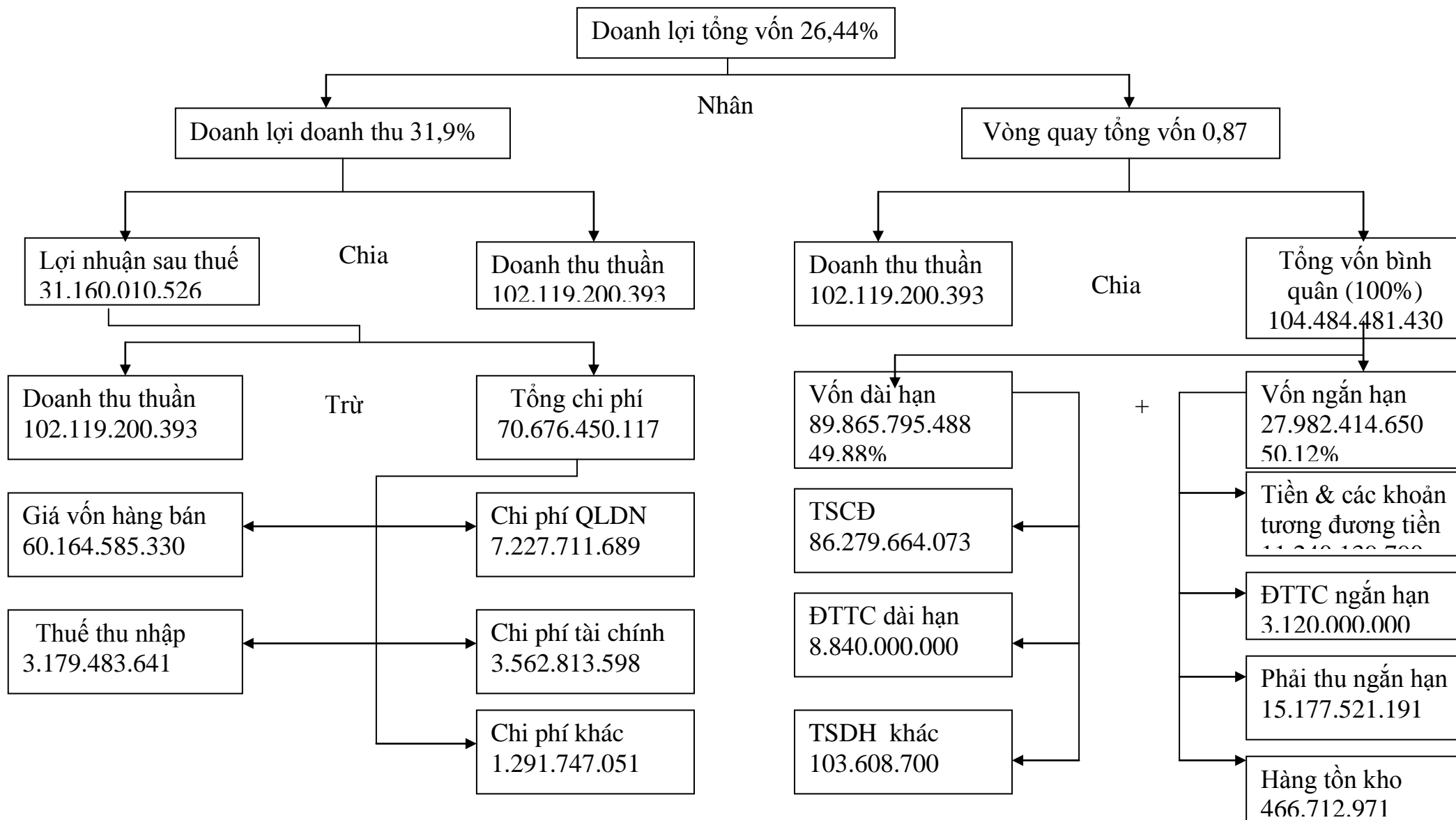
Tỷ suất lợi nhuận vốn chủ sở hữu có xu hướng tăng từ 23,55% năm 2007 lên 40,64% năm 2008 do tỷ suất lợi nhuận doanh thu và vòng quay tổng vốn tăng.

Năm 2008 cứ một đồng vốn chủ đem vào kinh doanh thu được 41 đồng lợi nhuận sau thuế tăng so với năm 2007 một đồng vốn chủ đem kinh doanh chỉ thu được 23,55 đồng lợi nhuận sau thuế. Như vậy, tuy kết quả đạt được chưa cao nhưng tốc độ tăng của chỉ tiêu này tương đối lớn cho thấy Doanh nghiệp đã có những tiến bộ trong việc quản lý và nâng cao hiệu quả sử dụng vốn chủ sở hữu. Điều này đặc biệt quan trọng với một công ty mà nguồn vốn chủ sở hữu chiếm một tỷ lệ lớn trong cơ cấu vốn như là công ty Cổ phần Cảng Vật Cách.

Qua các tỷ số trên đã cho thấy khái quát chung tình hình tài chính của công ty cổ phần Cảng Vật Cách, hầu hết các tỷ số tài chính của năm 2008 đều tăng so với năm 2007.

Khả năng sinh lãi của công ty tương đối tốt, qua đó cũng phản ánh chính sách quản lý tài chính, công ty cần quan tâm hơn nữa và tiếp tục phát huy để hiệu quả kinh doanh ngày càng được nâng cao. Bên cạnh đó do nhu cầu mở rộng quy mô kinh doanh công ty cần chú ý đến việc thanh toán và thu hồi công nợ, đầu tư trang thiết bị, công nghệ và áp dụng các biện pháp phù hợp nhằm nâng cao tình hình tài chính của mình.

SƠ ĐỒ 3: PHƯƠNG TRÌNH DUPON NĂM 2008



2.2.3. Tình hình thanh toán và khả năng thanh toán của Công ty

2.2.3.1. Phân tích tình hình thanh toán

- Các khoản phải thu

Bảng 20: Phân tích các khoản phải thu của công ty cổ phần Cảng Vật Cách

Đơn vị: VNĐ

Chỉ tiêu	31/12/2007		31/12/2008	
	Giá trị	TL%	Giá trị	TL%
Phải thu khách hàng	12.810.118.207	95,98	13.984.381.537	92,05
Trả trước người bán	153.647.640	1,15		
Thuế GTGT được khấu trừ	110.705.626	0,83		
Phải thu khác	441.829.515	3,31	1.212.632.894	7,98
Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	208.000.001	1,56	14.822.359	0,10
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	(377.092.730)	-2,83	(19.493.240)	(0,13)
Tổng thu	13.347.208.259	100,00	15.192.343.550	100,00
Nguồn vốn	107.107.494.102		128.588.926.174	
Khoản phải thu/ nguồn vốn	0,12		0,12	

(Nguồn: Phòng kế toán – công ty cổ phần Cảng Vật Cách)

Qua bảng số liệu trên ta thấy: Tổng các khoản phải thu khách hàng năm 2007 là 13.347.208.259 đồng, năm 2008 là 15.192.343.550 đồng tăng so với năm 2007 là 1.845.135.300 đồng tương ứng với tỷ lệ tăng là 13,82%. Nguyên nhân là do các khoản phải thu khách hàng năm 2008 là 13.984.381.537 đồng tăng so với năm 2007 (12.810.118.207 đồng) là 1.174.263.330 đồng, tương ứng với tỷ lệ tăng là 9,17%. Các khoản phải thu khác, phải thu Nhà nước cũng tăng trong những năm qua dẫn đến tổng thu của năm 2008 tăng cao hơn năm 2007

- Các khoản phải trả

Bảng 21: Phân tích tình hình trả nợ của công ty cổ phần Cảng Vật Cách

Đơn vị: VNĐ

Chỉ tiêu	31/12/2007		31/12/2008	
	Giá trị	TL%	Giá trị	TL%
1. Nợ ngắn hạn	12.725.161.570	31,32	24.838.750.159	59,56
Vay ngắn hạn				
Phải trả người bán	8.156.538.790	20,07	12.534.176.765	30,06
Người mua trả trước tiền	32.421.390	0,08	33.812.501	0,08
Phải trả công nhân viên	3.090.293.768	7,61	4.854.842.508	11,64
Thuế phải nộp	127.736.366	0,31	329.027.175	0,79
Các khoản nợ khác	256.899.583	0,63	6.718.637.319	16,11
Chi phí phải trả	1.061.271.673	2,61	368.253.891	0,88
2. Nợ dài hạn	27.906.484.404	68,68	16.862.170.563	40,44
3. Tổng nợ	40.631.645.974	100,00	41.700.920.721	100,00
4. Nguồn vốn	107.107.494.102		128.588.926.174	
5. (3/4)	0,38		0,32	

(Nguồn: Phòng kế toán – công ty cổ phần Cảng Vật Cách)

Ta thấy tỷ số tổng nợ trên tổng nguồn vốn giảm dần từ 0,38 năm 2007 xuống còn 0,32 năm 2008. Số liệu này cho thấy trong năm 2008 thì cứ 100 đồng vốn chủ sử dụng thì có 32 đồng là vốn đi vay. Tỷ số này giảm là do nợ phải trả tăng, nhưng tốc độ tăng chậm hơn tốc độ tăng của tổng vốn.

Nợ phải trả gồm nợ ngắn hạn và nợ dài hạn. Nợ ngắn hạn năm 2008 là 24.838.750.159 đồng tăng so với năm 2007 (12.725.161.750) là 12.113.588.589 đồng. Nợ ngắn hạn tăng là do các khoản phải trả như: phải trả người bán, phải trả công nhân viên, phải trả khác năm 2008 tăng so với năm 2007. Nợ ngắn hạn của Công ty năm 2008 tăng chủ yếu là để bổ sung vào vốn ngắn hạn phục vụ cho việc kinh doanh.

Một số biện pháp nâng cao hiệu quả sử dụng vốn tại công ty cổ phần Cảng Vật Cách

Nợ dài hạn của Công ty giảm dần, cụ thể năm 2007 là 27.906.484.404 đồng, đến năm 2008 nợ dài hạn chỉ còn 16.862.170.563 đồng, giảm so với năm 2007 là 11.044.313.841 đồng. Do năm 2007 công ty vay ngắn hạn nên làm cho nợ ngắn hạn tăng lên, tuy nhiên đã trả bớt được nợ dài hạn nên nợ dài hạn giảm.

- Các chỉ tiêu thanh toán

Bảng 22: Phân tích khả năng thanh toán của Công ty

Đơn vị: VNĐ

Chỉ tiêu	31/12/2007	31/12/2008
	Giá trị	Giá trị
1.Tổng tài sản	107.107.494.102	128.588.926.174
2.Tài sản ngắn hạn	22.599.175.899	33.365.653.401
3. Hàng tồn kho	564.556.799	466.712.971
4.Nợ phải thu	13.028.502.632	15.177.521.191
5.Tài sản dài hạn	84.508.318.203	95.223.272.773
6.Vốn chủ sở hữu	66.475.848.128	86.888.005.453
7.Nợ phải trả	40.631.645.974	41.700.920.721
8.Nợ ngắn hạn	12.725.161.570	24.838.750.159
9.Lãi vay phải trả	2.328.822.283	1.630.364.813
Khả năng thanh toán tổng quát (1/7)	2,64	3,08
Khả năng thanh toán nhanh (2-3)/8	1,73	1,32
Khả năng thanh toán tức thời (2/8)	1,78	1,34
Tỷ lệ nợ/ vốn chủ sở hữu	0,61	0,48

(Nguồn: Bảng cân đối kế toán- công ty cổ phần Cảng Vật Cách)

Khả năng thanh toán nhanh của công ty cho biết với số vốn bằng tiền có thể chuyển đổi nhanh thành tiền mặt hay không. Trị số của chỉ tiêu này lớn hơn 1 là tốt. Chỉ tiêu này phản ánh khả năng thanh toán nhanh của Công ty, tức là khả năng trang trải các khoản nợ ngắn hạn bằng tài sản ngắn hạn không kể hàng tồn kho (khó chuyển đổi thành tiền). Hệ số này được tính bằng cách lấy tài sản ngắn hạn trừ đi giá trị hàng tồn kho và chia cho tổng nợ ngắn hạn. Chỉ tiêu này năm 2008 là 1,32 và năm 2007 là 1,73. Chỉ tiêu này giảm chủ yếu là do tốc độ tăng của nợ ngắn hạn cao hơn tốc độ tăng của tài sản ngắn hạn trong khi trị giá của hàng tồn kho

Một số biện pháp nâng cao hiệu quả sử dụng vốn tại công ty cổ phần Cảng Vật Cách
giảm. Tuy vậy chỉ số này năm 2008 vẫn lớn hơn 1 cho thấy tài sản ngắn hạn của Công ty vẫn đảm bảo chi trả nợ ngắn hạn

Đánh giá tình hình thanh toán nợ tổng quát của Công ty thông qua tỷ số thanh toán tổng quát năm 2008 là 3,08 lần cho thấy công ty có 3,08 đồng tài sản để đảm bảo cho một đồng nợ vay. Như vậy, nhìn chung thì tình hình tài chính của Công ty là bình thường, tổng tài sản của Công ty có thể thanh toán được các khoản nợ.

Khả năng thanh toán tức thời cho ta biết với tổng giá trị thuần về tài sản ngắn hạn hiện có, công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ ngắn hạn hay không. Trị số của chỉ tiêu này năm 2007 là 1,78 tăng so với năm 2006 chứng tỏ tình hình thanh toán các khoản nợ ngắn hạn của công ty năm 2007 là khả quan; năm 2008 là 1,34 giảm so với năm 2007 nguyên nhân là do công ty huy động vốn cho hoạt động tài chính, tận dụng nguồn vốn vay ngắn hạn nên vay ngắn hạn tăng lên làm cho khả năng thanh toán nợ ngắn hạn giảm.

2.2.3.2. Phân tích khả năng đảm bảo nguồn vốn và nợ của công ty

Bảng 23: Phân tích khả năng đảm bảo nguồn vốn

Đơn vị: VND

Chỉ tiêu	31/12/2007	31/12/2008	Chênh lệch số cuối năm 2008/2007	
	Giá trị	Giá trị	Δ	TL%Δ
1. Tổng nguồn vốn	107.107.494.102	128.588.926.174	21.481.432.072	20,06
2. Vốn chủ sở hữu	66.475.848.128	86.888.005.453	20.412.157.325	30,71
3. Tổng nợ phải trả	40.631.645.974	41.700.920.721	1.069.274.747	2,63
4. Tài sản dài hạn	84.286.019.952	95.119.664.073	10.833.644.121	12,85
5. Hệ số nợ (3/1)	0,38	0,32	-0,06	-14,51
6. Tỷ suất tự tài trợ (2/1)	0,62	0,68	0,06	8,87
7. Hệ số đảm bảo nợ (2/3)	1,64	2,08	0,45	27,35

(Nguồn: Phòng kế toán- công ty cổ phần Cảng Vật Cách)

Một số biện pháp nâng cao hiệu quả sử dụng vốn tại công ty cổ phần Cảng Vật Cách

Ta thấy hệ số nợ của năm 2008 giảm so với năm 2007 nguyên nhân là do tốc độ tăng của nguồn vốn làm giảm nợ phải trả. Nếu hệ số nợ tăng đồng nghĩa với hệ số vốn chủ sở hữu tăng lên. Chứng tỏ mức độ độc lập về tài chính của doanh nghiệp là cao. Tuy nhiên nếu sử dụng vốn chủ sở hữu quá cao sẽ không khuyến đại được tỷ suất lợi nhuận trên vốn chủ. Qua đó ta thấy công ty làm tốt việc chiếm dụng vốn.

Tỷ suất tự tài trợ của công ty tương đối cao năm 2007 là 62%, năm 2008 là 68% nguyên nhân là do tốc độ vốn chủ sở hữu tăng nhanh còn nợ phải trả tăng nhưng chậm.

Tỷ suất tự tài trợ tăng dẫn đến khả năng tự tài trợ về tài sản cố định của công ty tăng. Vốn chủ sở hữu nhỏ hơn tài sản dài hạn chứng tỏ vốn chủ sở hữu không đủ để tài trợ 100% cho tài sản cố định và đầu tư dài hạn, vì vậy công ty cần huy động thêm vốn và đi chiếm dụng thêm vốn bên ngoài.

PHẦN III

**NHẬN XÉT ĐÁNH GIÁ VỀ HIỆU QUẢ SỬ DỤNG VỐN VÀ BIỆN PHÁP
NHẪM NÂNG CAO SỬ DỤNG VỐN CỦA CÔNG TY**

3.1. Nhận xét đánh giá về hiệu quả sử dụng vốn của công ty

3.1.1. Những kết quả đạt được trong quá trình quản lý và sử dụng vốn

Những kết quả đạt được

Nhìn chung quy mô kinh doanh cũng như khả năng sử dụng vốn của công ty cổ phần Cảng Vật Cách là hiệu quả. Thể hiện qua việc doanh thu qua các năm đã có chiều hướng tăng lên, làm cho lợi nhuận sau thuế của công ty cũng tăng lên, qua đó ta thấy được sự nỗ lực của toàn thể cán bộ công nhân viên và ban lãnh đạo của công ty, góp phần nâng cao uy tín trên thị trường.

Sản lượng hàng hoá thông qua Cảng tăng nhanh, chất lượng dịch vụ cao hơn phản ánh chất lượng lao động được nâng cao, công ty ngày càng phục vụ tốt các khách hàng truyền thống cũng như thu hút thêm nhiều khách hàng mới, thể hiện hiệu quả quản lý và năng lực sản xuất của Công ty đang đ ược cải thiện đáng kể.

Công ty cũng đã tận dụng cơ hội có thể để huy động thêm vốn cho kinh doanh, đầu tư mua sắm trang thiết bị, máy móc, công nghệ, sửa sang lại nhà cửa, nơi làm việc, vật kiến trúc.

Vốn chủ sở hữu của công ty chiếm tỷ trọng lớn trong tổng nguồn vốn và chủ yếu được lấy từ bổ sung lợi nhuận và vốn góp các thành viên. Hệ số vốn chủ sở hữu cao chứng tỏ khả năng thanh toán của công ty tương đối tốt, có khả năng thanh toán nhanh các khoản nợ ngắn hạn

Công ty thực hiện đầy đủ việc trả lương cho cán bộ công nhân viên, có chính sách khen thưởng phù hợp, thu nhập bình quân của công nhân viên tăng dần qua các năm.

3.1.2. Những mặt còn tồn tại trong quá trình quản lý và sử dụng vốn

Quản lý các khoản phải thu chưa thật chặt chẽ và còn chiếm tỷ trọng lớn trong tài sản ngắn hạn

Vốn ngắn hạn sử dụng chưa thật hiệu quả, vòng quay vốn ngắn hạn thấp, cần xây dựng lại nhu cầu vốn ngắn hạn một cách cụ thể tránh tình trạng ứ đọng vốn.

Một số biện pháp nâng cao hiệu quả sử dụng vốn tại công ty cổ phần Cảng Vật Cách

Các hoạt động tuyên truyền, quảng cáo hình ảnh Công ty đến công chúng, khách hàng còn nghèo nàn. Vì vậy trong thời gian tới, Công ty cần chú trọng hơn đến hoạt động này nhằm thu hút nhiều khách hàng mới

Bên cạnh đó trang thiết bị đều cũ, công nghệ lạc hậu rất khó cho việc nâng cao năng suất lao động và cải tiến chất lượng dịch vụ

3.2. Biện pháp nâng cao hiệu quả sử dụng vốn

3.2.1. Kế hoạch sản xuất kinh doanh trong năm tới

Trong điều kiện cạnh tranh ngày càng gay gắt của nền kinh tế thị trường, để có thể tồn tại và phát triển đòi hỏi công ty phải có chiến lược kinh doanh cụ thể. Từ chiến lược này công ty sẽ xác định cho mình các kế hoạch kinh doanh cụ thể cho từng giai đoạn

* Sản lượng thông qua: 2.491.804 tấn

* Doanh thu: 133,8 tỷ

* Lợi nhuận trước thuế: 48,125 tỷ đồng tăng 246 % so với cùng kỳ năm 2008;

Với mục tiêu giữ vững thị trường, tăng doanh thu, giảm chi phí, nâng cao hiệu quả sử dụng vốn, Công ty cổ phần Cảng Vật Cách đã không ngừng phấn đấu vươn lên nhất là trong môi trường cạnh tranh khốc liệt khi Việt Nam gia nhập WTO. Phương hướng kế hoạch trong năm tới của Công ty:

- Đầu tư công nghệ mới, nâng cấp máy móc thiết bị nhằm nâng cao năng lực phục vụ và chất lượng dịch vụ, tăng sản lượng cũng như chủng loại hàng hoá xếp dỡ, lưu kho, tạo điều kiện thực hiện giảm giá thành.

- Phát triển và đào tạo nâng cao nghiệp vụ chuyên môn cho cán bộ công nhân viên công ty để đảm đương vận hành thiết bị máy móc công nghệ hiện đại. Tuyên và đầu tư lao động trẻ, có sức khỏe, có trình độ tri thức phù hợp với yêu cầu phát triển của công ty. Sử dụng lao động triệt để, đúng khả năng chuyên môn được đào tạo, phát huy tối đa tính năng động sáng tạo, tự giác của người lao động.

- Giữ vững thị trường hiện tại, triển khai và làm tốt công tác nghiên cứu thị trường mới.

3.2.2. Biện pháp nhằm nâng cao hiệu quả sử dụng vốn

3.2.2.1. Biện pháp 1: Nâng cao trình độ cho đội ngũ quản lý và trình độ của công nhân.

✚ **Mục đích:** Công ty muốn nâng cao hiệu quả sử dụng vốn của mình công ty phải thực hiện đồng thời với các giải pháp. Tuy nhiên một biện pháp mà không thể thiếu được mà dễ thực hiện lại tiết kiệm chi phí vật tư, nâng cao năng suất và chất lượng sản phẩm đó là thường xuyên đào tạo, bồi dưỡng, nâng cao trình độ tay nghề, chuyên môn cho người lao động. Bởi có nâng cao trình độ tay nghề của công nhân mới có khả năng sử dụng, bảo quản, sửa chữa, các thiết bị máy móc công nghệ hiện đại. Cho nên có thể kết luận lực lượng lao động là một trong những yếu tố cực kỳ quan trọng ảnh hưởng đến hiệu quả sử dụng vốn nói riêng và hiệu quả kinh doanh nói chung.

✚ **Cơ sở thực hiện:** Những năm qua nhìn chung công ty cổ phần Cảng Vật Cách nhất là ban lãnh đạo công ty đã nhận thức được tầm quan trọng của việc phát triển và đào tạo nguồn nhân lực. Công ty đã có chương trình, phương pháp đào tạo phù hợp với điều kiện của mình như đào tạo chuyên gia, bồi dưỡng kiến thức liên quan đến công nghệ, bồi dưỡng đội ngũ tổ trưởng, kỹ sư, cơ giới... Ngoài ra còn tổ chức nâng bậc, nâng cấp cho công nhân. Tuy nhiên công tác đào tạo chưa hợp lý, công ty mới chỉ tập trung đào tạo nâng cao năng lực kỹ thuật, chưa chú ý đến đào tạo năng lực quản trị và marketing nhất là trong thời kỳ Việt Nam vừa gia nhập WTO, có rất nhiều bạn hàng trong và ngoài nước, đặc biệt việc xuất khẩu. Trong khi công ty chưa có dịch vụ này. Công ty có thể bố trí tuyển chọn những nhân viên trẻ đào tạo trên đại học, đặc biệt là chuyên ngành quản trị kinh doanh để nâng cao năng lực quản trị. Công ty không chỉ chú trọng nâng cao trình độ chuyên môn mà còn chú trọng đến việc giáo dục cả giá trị tinh thần góp phần làm phong phú thêm nhận thức của người lao động về ý thức kỷ luật và trách nhiệm trong công việc. Giúp họ phát huy được hết mọi tiềm năng sáng tạo phục vụ cho sự phát triển không ngừng của công ty.

✚ Nội dung biện pháp:

Thứ nhất: Công ty tổ chức, bố trí lại lao động cho phù hợp, sắp xếp công việc cho phù hợp với khả năng của từng cán bộ cũng như từng người lao động để họ phát huy được tiềm năng sáng tạo của mình góp phần nâng cao hiệu quả quản lý, tăng năng suất lao động, giảm chi phí sản xuất, từ đó nâng cao hiệu quả sử dụng vốn.

- Mở các khoá đào tạo ngắn ngày để nâng cao trình độ tay nghề cho cán bộ công nhân viên, cử người đi tham gia các lớp tập huấn, các hội thảo chuyên đề về ứng dụng khoa học kỹ thuật, khoa học quản lý mới. Làm tốt hơn nữa công tác tuyển dụng, có chính sách đãi ngộ thích hợp để khuyến khích công nhân viên. Tạo được một bầu không khí tập thể đoàn kết nhưng có cạnh tranh lành mạnh trong Công ty là một việc khó nhưng nếu làm được sẽ mang lại nhiều lợi ích lâu dài.

- Tổ chức các chương trình như hội thảo, các buổi họp để phổ biến kiến thức và chương trình cải tiến chất lượng.

Thứ hai: tiến hành tiêu chuẩn hoá các vị trí chức danh trong công ty, thực hiện chương trình đào tạo nâng cao bổ sung cán bộ cho các công trình, tiến hành đào tạo và đào tạo lại cho đội ngũ người lao động để nâng cao năng lực tay nghề, góp phần làm tăng năng suất lao động cũng như chất lượng sản phẩm dịch vụ, giúp cho họ có thể thích nghi nhanh chóng với các công nghệ và máy móc tiên tiến vừa mới được huy động vào sản xuất. Căn cứ vào số lượng hàng năm để theo định mức và định ra một quỹ lương như: chi phí gián tiếp, chi phí trực tiếp.

Đối với lực lượng công nhân trực tiếp tham gia sản xuất như công nhân kỹ thuật, lao động phổ thông, Doanh nghiệp nên tổ chức các lớp học thời gian ngắn với hình thức đào tạo tại chỗ

Dự kiến chi phí cho mỗi khoá đào tạo 1 tháng dành cho 1 lớp 20 người như sau:

Chi phí	ĐVT	Số tiền
1. Chi phí trả cho giáo viên	Đồng/tháng	5.000.000
2. Thiết bị, dụng cụ học tập	Đồng/tháng	3.000.000
3. Chi phí khác	Đồng/tháng	2.000.000
Tổng chi phí	Đồng/tháng	10.000.000

3.2.2.2. Biện pháp 2: Đẩy mạnh công tác thu hồi công nợ

Mục tiêu: Các khoản phải thu của công ty trong thời gian qua chiếm tỷ trọng tương đối lớn trong tổng vốn lưu động, do vậy nó ảnh hưởng đến hiệu quả sử dụng vốn lưu động của công ty. Trong xu thế hiện nay, bán hàng trả chậm đã trở nên phổ biến và thành một tập quán chung. Việc tiêu thụ này chỉ có ý nghĩa khi thu hồi được vốn thực hiện tái sản xuất, tăng hiệu quả sử dụng vốn. Đây thực chất là việc chiếm dụng vốn lẫn nhau giữa các doanh nghiệp. Trong nền kinh tế thị trường, khi mà sự cạnh tranh diễn ra khốc liệt như hiện nay thì việc chiếm dụng vốn lẫn nhau là điều không tránh khỏi, nhưng không phải vì thế mà công tác quản lý các khoản phải thu được phép lơ là.

Số dư trong khoản phải thu càng cao thì doanh nghiệp bị chiếm dụng vốn càng nhiều do đó sẽ bất lợi đến hiệu quả sử dụng vốn cũng như hoạt động tài chính của doanh nghiệp. Việc đưa ra các phương hướng và giải pháp cụ thể nhằm thu hồi công nợ sẽ giúp cho công ty có thêm vốn đầu tư vào các hoạt động khác cụ thể.

- Giảm số vốn bị chiếm dụng sẽ tiết kiệm được vốn ngắn hạn
- Giảm các khoản chi phí lãi vay (chi phí sử dụng vốn)
- Giảm vòng quay vốn ngắn hạn, giảm kỳ thu tiền bình quân

🚩 Cơ sở thực hiện biện pháp

Qua nghiên cứu thực trạng tình hình quản lý các khoản phải thu ta thấy công ty chưa có chính sách tín dụng thương mại đối với khách hàng. Việc xây dựng chính sách tín dụng thương mại có ý nghĩa rất quan trọng và cần thiết nhằm nâng cao hiệu quả sử dụng nguồn vốn lưu động của công ty. Một chính sách tín dụng thương mại hợp lý sẽ đảm bảo được sự ổn định, tự chủ về mặt tài chính đẩy nhanh tốc độ luân chuyển của vốn ngắn hạn.

Do công ty chưa quản lý chặt chẽ các khoản phải thu làm cho các khoản này chiếm tỷ trọng cao trong tài sản ngắn hạn và tăng nhanh trong những năm gần đây.

Do trị giá các khoản phải thu lên đến 15.177.521.191 đồng, chiếm tỷ lệ rất lớn (45,49%) trong cơ cấu vốn ngắn hạn và đang có xu hướng tăng theo các năm chứng tỏ Doanh nghiệp bị khách hàng chiếm dụng vốn nhiều gây khó khăn trong việc sử dụng vốn khi cần thiết và có rủi ro trong thu hồi nợ; hàng tồn kho không

Một số biện pháp nâng cao hiệu quả sử dụng vốn tại công ty cổ phần Cảng Vật Cách

lớn do chủ yếu là nhiên liệu và công cụ dụng cụ; tiền mặt năm 2008 là 11.240.139.790 đồng, chiếm tỷ lệ cao (33,69% trong tổng vốn ngắn hạn) do đó đã gây lãng phí nguồn vốn. Tình hình thu hồi nợ của Công ty không hiệu quả, biểu hiện là kỳ thu tiền bình quân rất lớn 53.51 ngày. Chỉ tiêu này cho biết số ngày một vòng quay các khoản phải thu trung bình. Dựa vào chỉ tiêu này có thể đánh giá hiệu quả của công tác thu hồi nợ của Công ty là chưa tốt.

Số vòng quay các khoản phải thu năm 2007: 6,07 vòng

Số vòng quay các khoản phải thu năm 2008: 7,24 vòng

Tuy số vòng quay các khoản phải thu tăng chứng tỏ doanh nghiệp cũng đã nỗ lực trong việc thu hồi công nợ. Nhưng việc thu hồi chưa có hiệu quả còn một số khoản nợ kéo dài chưa thu hồi được.

Nội dung thực hiện

- Khoản phải thu của công ty chủ yếu là khoản phải thu của khách hàng và các khoản phải thu khác
 - Một số biện pháp làm giảm các khoản phải thu
- + Mở sổ theo dõi chi tiết các khoản phải thu trong và ngoài công ty và thường xuyên đôn đốc để thu hồi đúng hạn.
- + Có biện pháp phòng ngừa rủi ro không được thanh toán (lựa chọn khách hàng, yêu cầu đặt cọc, tạm ứng hay trả trước một phần giá trị đơn hàng,...)
- + Có chính sách bán chịu đúng đắn với từng khách hàng
- + Soạn thảo hợp đồng rõ ràng, chặt chẽ về thời hạn và phương thức thanh toán các điều kiện ràng buộc cũng như nghĩa vụ của các bên liên quan và yêu cầu khách hàng ứng trước 30 – 40% tổng giá trị hợp đồng (đối với hợp đồng lớn).
- + Phân loại các khoản nợ quá hạn, tìm hiểu nguyên nhân để có biện pháp xử lý tốt các khoản nợ đó.
- + Trước khi kí kết hợp đồng, công ty cần có sự phân loại khách hàng và tìm hiểu kỹ về khả năng thanh toán của khách hàng. Với những khách hàng lớn, có uy tín thì có thể thực hiện hợp đồng giá trị lớn và chấp nhận thanh toán chậm. Đối với những khách hàng mới, chưa có uy tín thì cần tiến hành phương thức thanh toán ngay hoặc có thể bán lượng hàng với lượng vừa phải để tạo quan hệ đối tác và có thể từ

Một số biện pháp nâng cao hiệu quả sử dụng vốn tại công ty cổ phần Cảng Vật Cách
 chối những khách hàng nợ nần hoặc không có khả năng thanh toán... nhằm tránh những rủi ro về tài chính, giảm hiệu quả sử dụng vốn.

Nếu công ty tiến hành áp dụng một chính sách chiết khấu hợp lý nhằm khuyến khích hàng tăng tốc độ thanh toán thì công ty sẽ giải phóng được một khối lượng tương đối vốn ngắn hạn đầu tư ở khoản mục này.

Năm 2007 số dư bình quân khoản phải thu của khách hàng là 12.502.179.393 đồng, kỳ thu tiền bình quân là 59,27 ngày. Năm 2008 số dư bình quân khoản phải thu là 14.103.011.912 đồng. Kỳ thu tiền bình quân năm 2008 là 49,72 ngày. Như vậy để giảm các khoản phải thu này ta có thể thực hiện biện pháp sau:

Dự kiến chi phí biện pháp chiết khấu thanh toán

Thời hạn thanh toán	Khách hàng đồng ý (%)	Chiết khấu thanh toán (%)	Số tiền chiết khấu	Số tiền thực thu
Trả ngay	49	2,5	171.308.673,70	6.681.038.276
1- 30 ngày	20	1,2	33.562.515,69	2.763.313.792

Như vậy khi thực hiện biện pháp giảm các khoản phải thu ta dự định được kết quả của công ty như sau

Dự định kết quả đạt được

Sau khi thực hiện biện pháp dự tính kết quả đạt được của công ty như sau:

Dự kiến kết quả thu được sau khi áp dụng biện pháp chiết khấu thanh toán

Chỉ tiêu	trước khi thực hiện	Sau khi thực hiện	Chênh lệch	
			số tiền	%
Phải thu khách hàng	13.984.381.537	4.540.029.468	-9.444.352.069	-67,53
Doanh thu thuần	102.119.200.393	102.119.200.393		
Vòng quay các khoản phải thu	7,30	22,49	15,19	208,02
Kỳ thu tiền bình quân	49,30	16,00	-33,29	-67,53

Kết quả mong đợi của biện pháp chiết khấu thanh toán là các khoản phải thu khách hàng giảm đi 60% (tương đương với 9.44.352.069 đồng) làm cho các khoản phải thu giảm đi. Như vậy vòng quay hàng tồn kho sẽ tăng đồng thời kì thu tiền bình quân cũng giảm. Doanh nghiệp sẽ cải thiện được tình hình thu hồi nợ, thu hồi lại lượng vốn bị chiếm dụng, nâng cao hiệu quả sử dụng vốn ngắn hạn.

Ngoài ra, lượng hàng tồn kho trong Công ty cũng cần được quan tâm bởi vì lượng hàng tồn kho cũng ảnh hưởng tới hiệu quả sử dụng vốn ngắn hạn. Công ty cần giảm chi phí và lượng hàng tồn kho thông qua việc dự trữ và cung cấp nhiên liệu một cách hợp lý, đảm bảo cho quá trình sản xuất kinh doanh được diễn ra liên tục, đúng kế hoạch, tránh gián đoạn trong sản xuất. Bên cạnh đó, Công ty cũng cần phải tối thiểu hoá lượng tiền mặt dự trữ để việc chi phí cơ hội cho dự trữ là thấp nhất, đảm bảo lượng tiền mặt tối thiểu đủ để cho tiền mặt phục vụ cho sản xuất kinh doanh được diễn ra liên tục, tăng số vòng quay của vốn ngắn hạn từ việc tăng doanh thu và giảm số vốn ngắn hạn đủ để cho quá trình sản xuất kinh doanh là việc làm thường xuyên cần thiết, tiết kiệm và có hiệu quả kinh tế cao.

3.3. Kiến nghị việc thực hiện biện pháp

Đối với công ty cần phải thiết lập chiến lược kinh doanh cụ thể: Trong điều kiện cạnh tranh ngày càng gay gắt của nền kinh tế thị trường, để có thể tồn tại và phát triển đòi hỏi công ty phải có chiến lược kinh doanh cụ thể. Từ chiến lược này công ty sẽ xác định cho mình các kế hoạch kinh doanh cụ thể cho từng giai đoạn. Chỉ có xây dựng chiến lược kinh doanh công ty mới có thể phối hợp các giải pháp trên một cách tốt nhất để đạt được hiệu quả cao nhất. Bởi vì, công ty nào cũng chịu sự giới hạn của các nguồn lực, do đó công ty không thể thực hiện tất cả các giải pháp trên cùng một thời gian. Mà cần có kế hoạch thực hiện từng biện pháp hoặc từng phần của các biện pháp tùy theo điều kiện của công ty và chiến lược kinh doanh của công ty thời kỳ đó.

Bởi vậy để có thể thực hiện tốt các biện pháp trên công ty phải có chiến lược cụ thể cho từng giai đoạn. Hiện nay, chiến lược công ty đặt ra vẫn chưa chi tiết rõ ràng mà mang tính chung chung. Trong thời gian tới để có thể phát huy được các giải pháp nâng cao hiệu quả kinh doanh nói chung và hiệu quả sử dụng vốn của công ty nói riêng, công ty cần xây dựng chiến lược hợp lý và phù hợp với mục đích và điều kiện của mình.

Nâng cao hệ thống thông tin trong công ty: Thông tin là một tài sản rất có giá trị đối với bất kỳ một công ty nào nhất là trong nền kinh tế thị trường. Thông tin ở đây gồm thông tin trong và ngoài doanh nghiệp. Thông tin trong nội bộ doanh nghiệp

Một số biện pháp nâng cao hiệu quả sử dụng vốn tại công ty cổ phần Cảng Vật Cách

là thông tin về tài chính, kỹ thuật, nhân lực.... mà đặc biệt là thông tin tài chính. Thông tin bên ngoài là các thông tin về thị trường tiêu thụ sản phẩm, thị trường đầu vào, các thông tin về chính sách của nhà nước... Các thông tin thu thập phải chính xác, kịp thời và đầy đủ mới có thể phát huy cao nhất các chính sách nhằm nâng cao hiệu quả sử dụng vốn của công ty

Trước tình hình trên, để thực hiện nhiệm vụ, mục tiêu của mình, đòi hỏi bản thân các doanh nghiệp Việt Nam nói chung và công ty nói riêng phải tự vươn lên một cách mạnh mẽ, tự khẳng định mình. Tuy nhiên sự lãnh đạo của Nhà nước, các cấp các ngành là vô cùng quan trọng có tính chất quyết định đến sự phát triển của mỗi doanh nghiệp. Vì vậy Nhà nước tạo điều kiện cho các doanh nghiệp vay vốn.

KẾT LUẬN

Trong điều kiện nền kinh tế thị trường, vốn là điều kiện tất yếu trước và trong quá trình hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp. Vốn là điều kiện cần thiết nhưng quan trọng hơn lại là việc sử dụng vốn đó - hình thành nên tài sản và sử dụng nó như thế nào. Tài sản có vai trò là cơ sở, phương tiện, động lực và là điều kiện quyết định cho mọi hoạt động kinh doanh, duy trì sự tồn tại các doanh nghiệp. Thực tế đã và đang đặt ra một thách thức và cơ hội phát triển cho các doanh nghiệp trước thềm hội nhập. Sự phát triển và tồn tại của các doanh nghiệp phụ thuộc hoàn toàn vào cách thức sử dụng vốn để đạt hiệu quả cao. Nhưng đây lại là vấn đề mà không phải bất cứ doanh nghiệp nào cũng có thể làm được, nhận thức được vấn đề này Công ty Cổ phần Cảng Vật Cách đã và đang cố gắng nhiều trong việc nghiên cứu và thực thi các chính sách tài chính nhằm nâng cao hiệu quả sử dụng vốn của mình.

Với mong muốn giải quyết vấn đề trên, sau thời gian tiếp xúc thực tế tại Công ty cổ phần Cảng Vật Cách em đã chọn đề tài:” **Một số biện pháp nâng cao hiệu quả sử dụng vốn tại công ty cổ phần Cảng Vật Cách**”.

".Qua nghiên cứu thực tế kết hợp với lý thuyết chuyên đề tốt nghiệp này đã đánh giá thực trạng hiệu quả sử dụng vốn, chỉ ra những kết quả đạt được và hạn chế của quá trình này dưới góc độ vốn, VNH, VDH. Tuy nhiên do hạn chế về thời gian, nghiên cứu, tìm hiểu cũng như kiến thức, hiểu biết chuyên môn nên bài viết không tránh khỏi những sai sót. Em rất mong được các thầy cô và các anh chị trong Công ty hướng dẫn và đưa ra nhận xét, góp ý kiến về vấn đề này được hoàn thiện trong tương lai.

Em xin chân thành cảm ơn thầy Lê Đình Mạnh và tập thể cán bộ trong Công ty Cổ phần Cảng Vật Cách và "phòng kế toán" đã tận tình giúp đỡ em thành chuyên đề thực tập tốt nghiệp này.

Tài liệu tham khảo

1. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty CP Cảng Vật Cách năm 2006, năm 2007, năm 2008.
2. Bảng Cân đối kế toán của Công ty cổ phần Cảng Vật Cách
3. TS.Nguyễn Thành Độ-TS.Nguyễn Ngọc Huyền- Giáo trình quản trị kinh doanh - Nhà xuất bản lao động, năm 2004.
4. PGS.TS Lưu Thị Hương& PGS.TS Vũ Duy Hòa- Tài chính doanh nghiệp- Nhà xuất bản lao động,năm 2004.
5. GS.TS Phạm Ngọc Kiểm- PGS.TS Nguyễn Công Nhự- Giáo trình Thống kê doanh nghiệp- Nhà xuất bản thống kê, năm 2005.
6. TS Trần Ngọc Thơ – Tài chính doanh nghiệp hiện đại - Nhà xuất bản Thống kê, năm 2003.

Phụ lục

- Bảng 1: Hệ thống cầu tàu
- Bảng 2: Thiết bị vận chuyển hàng hoá
- Bảng 3: Cơ cấu lao động theo độ tuổi
- Bảng 4: Cơ cấu lao động theo trình độ học vấn
- Bảng 5: Chỉ tiêu sản xuất kinh doanh chủ yếu của Công ty
- Bảng 6: Tình hình thực hiện doanh thu của Công ty
- Bảng 7: Sự biến động tài sản và nguồn vốn của Công ty
- Bảng 8: Kết cấu tổng vốn của công ty
- Bảng 9: Kết cấu vốn ngắn hạn của công ty cổ phần Cảng Vật Cách
- Bảng 10: Kết cấu vốn dài hạn của công ty cổ phần Cảng Vật Cách
- Bảng 11: Kết cấu nguồn vốn của công ty cổ phần Cảng Vật Cách
- Bảng 12: Kết cấu nợ phải trả
- Bảng 13: Kết cấu vốn chủ sở hữu
- Bảng 14: Tình hình nguồn vốn và sử dụng vốn của công ty cổ phần Cảng Vật Cách
- Bảng 15: Đánh giá tình hình thực hiện chi phí
- Bảng 16: Kết cấu tài sản của công ty cổ phần Cảng Vật Cách
- Bảng 17: Hiệu quả sử dụng tổng vốn của Công ty
- Bảng 18: Hiệu quả sử dụng vốn dài hạn của Công ty
- Bảng 19: Hiệu quả sử dụng vốn ngắn hạn của Công ty
- Bảng 20: Phân tích các khoản phải thu của công ty cổ phần Cảng Vật Cách
- Bảng 21: Phân tích tình hình trả nợ của công ty cổ phần Cảng Vật Cách
- Bảng 22: Phân tích khả năng thanh toán của Công ty
- Bảng 23: Phân tích khả năng đảm bảo nguồn vốn
- Sơ đồ 1: Tính toán diễn biến nguồn vốn và sử dụng vốn
- Sơ đồ 2: Bộ máy tổ chức hiện tại của Công ty CP Cảng Vật Cách
- Sơ đồ 3: Phương trình DUPON năm 2008
- Biểu đồ 1: Biểu đồ doanh thu năm 2007 công ty cổ phần Cảng Vật Cách
- Biểu đồ 2: Biểu đồ doanh thu năm 2008 công ty cổ phần Cảng Vật Cách

Một số biện pháp nâng cao hiệu quả sử dụng vốn tại công ty cổ phần Cảng Vật Cách

Biểu đồ 3: Kết cấu tổng vốn công ty cổ phần Cảng Vật Cách

Biểu đồ 4: Kết cấu vốn ngắn hạn công ty cổ phần Cảng Vật Cách

Biểu đồ 5: Kết cấu vốn dài hạn công ty cổ phần Cảng Vật Cách

Biểu đồ 6: Kết cấu nguồn vốn công ty cổ phần Cảng Vật Cách

Một số biện pháp nâng cao hiệu quả sử dụng vốn tại công ty cổ phần Cảng Vật Cách

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2008

Đơn vị: VND

	TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2008	31/12/2007
A	TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		33.365.653.401	22.599.175.899
I	Tiền và các khoản tương đương tiền	110		11.240.139.790	5.302.171.575
1	Tiền	111	V.1	11.240.139.790	5.302.171.575
2	Các khoản tương đương tiền	112		-	-
II	Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		3.120.000.000	2.600.000.000
1	Đầu tư ngắn hạn	121	V.2	3.120.000.000	2.600.000.000
III	Các khoản phải thu	130		15.177.521.191	13.028.502.632
1	Phải thu khách hàng	131		13.984.381.537	12.810.118.207
2	Trả trước cho người bán	132		-	153.647.640
5	Các khoản phải thu khác	135	V.3	1.212.632.894	441.829.515
6	Dự phòng các khoản phải thu khó đòi	139		(19.493.240)	(377.092.730)
IV	Hàng tồn kho	140		466.712.971	564.556.799
1	Hàng tồn kho	141	V.4	466.712.971	564.556.799
2	Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V	Tài sản ngắn hạn khác	150		3.361.279.449	1.103.944.893
1	Chi phí trả trước ngắn hạn	151		-	-
2	Thuế GTGT được khấu trừ	152		-	110.705.626
3	Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	154		14.822.359	208.000.001
4	Tài sản ngắn hạn khác	158		3.346.457.090	785.239.266
B	TÀI SẢN DÀI HẠN	200		95.223.272.773	84.508.318.203
I	Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
1	Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
4	Phải thu dài hạn khác	218		-	-
5	Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
II	Tài sản cố định	220		86.279.664.073	78.405.472.363
1	TSCĐ hữu hình	221	V.8	85.846.778.101	78.254.019.952
	- Nguyên giá	222		166.252.681.208	143.203.570.558
	- Giá trị khấu hao lũy kế	223		(80.405.903.107)	(64.949.550.606)
3	TSCĐ vô hình	227	V.10	6.777.334.	18.564.000
	- Nguyên giá	228		35.360.000	35.360.000
	- Giá trị khấu hao lũy kế	229		(28.582.666)	(16.796.000)
4	Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	V.11	426.108.639	132.888.411
IV	Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		8.840.000.000	6.032.000.000
3	Đầu tư dài hạn khác	258	V.13	8.840.000.000	6.032.000.000
V	Tài sản dài hạn khác	260		103.608.700	70.845.840
1	Chi phí trả trước dài hạn	261	V.14	103.608.700	70.845.840
2	Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
3	Tài sản dài hạn khác	268		-	-

Một số biện pháp nâng cao hiệu quả sử dụng vốn tại công ty cổ phần Cảng Vật Cách

TỔNG CỘNG TÀI SẢN		270		128.588.926.174	107.107.494.102
	NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/ 2008	31/12/2007
A.	NỢ PHẢI TRẢ	300		41.700.920.721	40.631.645.974
I.	Nợ ngắn hạn	310		24.838.750.159	12.725.161.570
2.	Phải trả cho người bán	312		12.534.176.765	8.156.538.790
3.	Người mua trả tiền trước	313		33.812.501	32.421.390
4.	Thuế và các khoản nộp Ngân sách	314	V.16	329.027.175	127.736.366
5.	Phải trả người lao động	315		4.854.842.508	3.090.293.768
6.	Chi phí phải trả ngắn hạn	316	V.17	368.253.891	1.061.271.673
7.	Phải trả nội bộ	317		-	-
8.	Phải trả theo tiến độ hợp đồng xây dựng	318		-	-
9.	Các khoản phải trả phải nộp khác	319	V.18	6.718.637.319	256.899.583
10.	Dự phòng phải trả ngắn hạn	320		-	-
II.	Nợ dài hạn	320		16.862.170.563	27.906.484.404
1.	Phải trả dài hạn người bán	331		-	-
2.	Phải trả dài hạn nội bộ	332		-	-
3.	Phải trả dài hạn khác	333		-	-
4.	Vay và nợ dài hạn	334	V.20	16.518.322.205	27.562.636.046
5.	Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335		-	-
6.	Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		343.848.358	343.848.358
7.	Dự phòng phải trả dài hạn	337		-	-
B.	VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		86.888.005.453	66.475.848.128
I.	Vốn chủ sở hữu	410	V.22	86.284.418.335	66.132.338.892
1.	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		54.600.000.000	54.600.000.000
2.	Thặng dư vốn cổ phần	412		-	-
3.	Vốn khác của chủ sở hữu	413		-	-
4.	Cổ phiếu ngân quỹ	414		-	-
5.	Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415		-	-
6.	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		-	-
7.	Quỹ đầu tư phát triển	417		2.461.520.126	-
8.	Quỹ dự phòng tài chính	418		2.681.405.135	1.884.656.800
9.	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		-	-
10.	Lợi nhuận chưa phân phối	420		26.541.493.075	9.647.682.092
11.	Nguồn vốn đầu tư XDCB	421		-	-
II.	Nguồn kinh phí và quỹ khác	420		603.587.117	343.509.236
	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	430		128.588.926.174	107.107.494.102

Một số biện pháp nâng cao hiệu quả sử dụng vốn tại công ty cổ phần Cảng Vật Cách

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2008

Đơn vị : VND

	CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	31/12/2007	31/12/2008
1.	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.25	75.937.003.343	102.119.200.393
2.	Các khoản giảm trừ	03		-	-
3.	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	VI.27	75.937.003.343	102.119.200.393
4.	Giá vốn hàng bán	11	VI.28	52.586.117.764	60.164.585.330
5.	Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		23.350.885.579	41.954.615.063
6.	Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.29	654.036.628	3.232.937.392
7.	Chi phí tài chính	22	VI.30	2.558.836.654	3.562.813.598
	- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		2.328.822.283	1.630.364.813
8.	Chi phí bán hàng	24		-	-
9.	Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		5.953.619.809	7.227.711.689
10.	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		15.492.465.743	34.386.627.167
11.	Thu nhập khác	31		1.465.372.523	1.527.353.801
12.	Chi phí khác	32		1.032.959.563	1.291.747.051
13.	Lợi nhuận khác	40		432.412.960	235.606.750
14.	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		15.924.878.703	34.622.233.917
15.	Chi phí thuế TNDN hiện hành	51		1.592.487.870	3.462.223.392
16.	Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17.	Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		14.332.390.832	31.160.010.526
18.	Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70		-	-

Một số biện pháp nâng cao hiệu quả sử dụng vốn tại công ty cổ phần Cảng Vật Cách

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2007

Đơn vị: VND

	TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2007	01/01/2007
A	TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		22.599.175.899	17.159.461.927
I	Tiền và các khoản tương đương tiền	110		5.302.171.575	4.919.984.757
1	Tiền	111	V.1	5.302.171.575	4.919.984.757
2	Các khoản tương đương tiền	112		-	-
II	Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		2.600.000.000	-
1	Đầu tư ngắn hạn	121	V.2	2.600.000.000	-
III	Các khoản phải thu	130		13.028.502.632	11.975.856.154
1	Phải thu khách hàng	131		12.810.118.207	12.126.301.370
2	Trả trước cho người bán	132		153.647.640	43.512.498
5	Các khoản phải thu khác	135	V.3	441.829.515	29.540.408
6	Dự phòng các khoản phải thu khó đòi	139		(377.092.730)	(223.498.122)
IV	Hàng tồn kho	140		564.556.799	251.234.345
1	Hàng tồn kho	141	V.4	564.556.799	251.234.345
2	Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	(28.062.407)
V	Tài sản ngắn hạn khác	150		1.103.944.893	12.386.668
1	Chi phí trả trước ngắn hạn	151		-	-
2	Thuế GTGT được khấu trừ	152		110.705.626	-
3	Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	154		208.000.001	-
4	Tài sản ngắn hạn khác	158		785.239.266	12.386.668
B	TÀI SẢN DÀI HẠN	200		84.508.318.203	84.702.006.831
I	Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
1	Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
4	Phải thu dài hạn khác	218		-	-
5	Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
II	Tài sản cố định	220		78.405.472.393	78.405.472.363
1	TSCĐ hữu hình	221	V.8	78.254.019.952	79.587.914.292
	- Nguyên giá	222		143.203.570.558	127.441.251.688
	- Giá trị khấu hao lũy kế	223		(64.949.550.606)	(47.853.337.395)
3	TSCĐ vô hình	227	V.10	18.564.000	29.486.839
	- Nguyên giá	228		35.360.000	34.353.600
	- Giá trị khấu hao lũy kế	229		(16.796.000)	(4.866.760)
4	Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	V.11	132.888.411	-
IV	Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		6.032.000.000	5.052.000.000
3	Đầu tư dài hạn khác	258	V.13	6.032.000.000	5.052.000.000
V	Tài sản dài hạn khác	260		70.845.840	32.605.698
1	Chi phí trả trước dài hạn	261	V.14	70.845.840	32.605.698
2	Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
3	Tài sản dài hạn khác	268		-	-

Một số biện pháp nâng cao hiệu quả sử dụng vốn tại công ty cổ phần Cảng Vật Cách

	TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		107.107.494.102	101.861.468.758
	NGUỒN VỐN				
A.	NỢ PHẢI TRẢ	300		40.631.645.974	46.622.557.548
I.	Nợ ngắn hạn	310		12.725.161.570	9.419.276.651
2.	Phải trả cho người bán	312		8.156.538.790	6.567.282.561
3.	Người mua trả tiền trước	313		32.421.390	89.801.670
4.	Thuế và các khoản nộp Ngân sách	314	V.16	1.127.736.366	1.174.095.974
5.	Phải trả người lao động	315		3.090.293.768	1.907.354.334
6.	Chi phí phải trả ngắn hạn	316	V.17	1.061.271.673	494.382.885
9.	Các khoản phải trả phải nộp khác	319	V.18	256.899.583	233.300.518
II.	Nợ dài hạn	320		27.906.484.404	37.156.339.604
4.	Vay và nợ dài hạn	334	V.20	27.562.636.046	36.947.092.194
5.	Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335		-	-
6.	Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		343.848.358	209.247.410
7.	Dự phòng phải trả dài hạn	337		-	-
B.	VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		66.475.848.128	545.238.911.211
I.	Vốn chủ sở hữu	410	V.22	66.132.338.891	55.083.677.750
1.	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		54.600.000.000	35.3640.000.000
2.	Thặng dư vốn cổ phần	412		-	-
3.	Vốn khác của chủ sở hữu	413			-
4.	Cổ phiếu ngân quỹ	414		-	-
5.	Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415		-	-
6.	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		-	-
7.	Quỹ đầu tư phát triển	417		-	10.285.765.413
8.	Quỹ dự phòng tài chính	418		1.884.656.800	1.243.974.168
9.	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		-	-
10.	Lợi nhuận chưa phân phối	420		9.647.684.092	8.189.938.169
11.	Nguồn vốn đầu tư XDCB	421		-	-
II.	Nguồn kinh phí và quỹ khác	420		330.297.342	155.233.461
	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	430		107.107.494.102	101.861.468.758

